

## **30. KINH THẾ KÝ**

### **Phẩm 1: CHÂU DIÊM PHÙ ĐỀ**

**[114b08]Tôi nghe như vậy:**

**Một thời, Phật ở trong hang Câu-lị[1], rừng Kỳ thọ, vườn Cấp cô độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.**

**Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, sau bữa ăn, tập trung trên giảng đường cùng bàn luận rằng:**

**“Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?”**

**Khi ấy, Thế Tôn ở chỗ thanh vắng, bằng thiên nhĩ nghe suốt, nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn, tập trung tại giảng đường, bàn luận như thế. Rồi thì, Thế Tôn rời tĩnh thất, đi đến giảng đường, và ngồi xuống. Tuy đã biết nhưng Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ-kheo:**

**“Vừa rồi các người đang bàn luận về vấn đề gì?”**

**Các Tỳ-kheo bạch Phật:**

**“Sau bữa ăn, chúng con tập trung tại pháp giảng đường bàn luận rằng: ‘Chư Hiền! Thật chưa từng có, nay đây trời đất này do đâu mà**

**tan hoại? Do đâu mà hình thành? Quốc độ mà chúng sanh ở là như thế nào?’ Chúng con tập trung tại giảng đường bàn luận vấn đề như thế.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Lành thay! Lành thay! Phàm người xuất gia nên hành hai pháp: một là sự im lặng của Hiền Thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các người tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của Hiền Thánh hoặc giảng luận Chánh pháp. Nay các Tỳ-kheo! Các người muốn nghe Như Lai nói về việc trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chẳng?”**

**Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:**

**“Kính vâng, bạch Thế Tôn! Nay thật là phải thời. Chúng con mong ước được nghe. Thế Tôn nói xong, chúng con sẽ phụng trì!”**

**Phật nói:**

**“Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chín chắn. Ta sẽ nói cho các người nghe.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Như trong chỗ mà một mặt trời, mặt trăng vận hành khắp quanh bốn thiên hạ[2], tỏa ánh sáng chiếu; có một ngàn thế giới như vậy. Trong ngàn thế giới có một ngàn mặt trời,**

mặt trăng; có một ngàn núi chúa Tu-di[3]; có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn đại thiên hạ, bốn ngàn biển, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn rồng, bốn ngàn rồng lớn, bốn ngàn chim cánh vàng[4], bốn ngàn chim cánh vàng lớn, [114] bốn ngàn đường dữ[5], bốn ngàn đường ác lớn, bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vị vua lớn, bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn[6], mười ngàn núi lớn, ngàn Diêm-la vương[7], ngàn Tứ thiên vương[8], ngàn trời Đao-ly[9], ngàn trời Diêm-ma[10], ngàn trời Đâu-suất[11], ngàn trời Hóa Tự Tại[12], ngàn trời Tha Hóa Tự Tại[13], ngàn trời Phạm[14]. Đó là Tiểu thiên thế giới[15]. Như một Tiểu thiên thế giới, ngàn tiểu thiên thế giới như thế là một Trung thiên thế giới[16].

“Như một Trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới như vậy là một Tam thiên Đại thiên thế giới[17]. Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi là một cõi Phật[18].”

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

“Cõi đất này dày mười sáu vạn tám ngàn do-tuần[19], biên giới vô hạn. Đất nung trên nước. Nước sâu ba ngàn ba mươi do-tuần, biên giới vô hạn. Nước ở trên gió; gió dày sáu ngàn bốn mươi do-tuần, biên giới vô hạn.

**“Này các Tỳ-kheo! Nước của biển lớn ấy sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, biên giới vô hạn. Núi chúa Tu-di, phần chìm xuống biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần; phần trên mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; chân núi sát đất, phần lớn là phần đất cứng chắc. Núi ấy thẳng đứng, không có lồi lõm, sanh các loại cây; cây tỏa ra các mùi hương, thơm khắp núi rừng, là nơi mà phần nhiều các Hiền Thánh, các trời Đại thần diệu. Móng chân núi toàn là cát vàng ròng. Bốn phía núi có bốn mô đất rắn doi ra, cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đan xen, được tạo thành bởi bảy báu. Bốn mô đất thoai thoải, uốn cong sát mặt biển.**

**“Núi chúa Tu-di có đường cấp[20] bằng bảy báu; đường cấp ở dưới núi rộng sáu mươi do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can[21], bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây. Tường vàng thì cửa bạc, tường bạc thì cửa vàng. Tường thủy tinh thì cửa lưu ly, tường lưu ly thì cửa thủy tinh. Tường xích châu thì cửa mã não; tường mã não thì cửa xích châu. Tường xa cừ thì cửa các báu. Còn lan can thì, cây ngang vàng thì cây dọc bạc, cây ngang bạc thì cây dọc vàng. Cây ngang thủy tinh thì cây dọc lưu ly, cây ngang lưu ly thì cây dọc thủy tinh. Cây ngang xích châu thì cây dọc mã não, cây ngang mã não thì cây dọc xích châu. Cây ngang xa cừ thì cây dọc**

**các báu. Trên lan can ấy, có lưới báu. Ở dưới lưới vàng ấy có treo linh bạc. Dưới lưới bạc, treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh. Dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não. Dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh các báu. Còn cây vàng [115a] thì rễ vàng, nhánh vàng, lá, hoa, quả bạc. Còn cây bạc thì rễ bạc, cành bạc, lá hoa quả vàng. Còn cây thủy tinh thì rễ, nhánh thủy tinh; hoa, lá, lưu ly. Còn cây lưu ly thì rễ, nhánh lưu ly; hoa, lá thủy tinh. Còn cây xích châu thì rễ, nhánh xích châu; hoa, lá mã não. Còn cây mã não thì rễ nhánh mã não; hoa, lá xích châu. Còn cây xa cừ thì rễ, nhánh xa cừ; hoa lá các báu.**

**“Về bảy lớp tường ấy, tường có bốn cửa; cửa có lan can. Trên bảy lớp tường đều có lầu, gác, đài, quán[22]; bao bọc chung quanh là vườn cảnh,[23] ao tắm, mọc các loài hoa lá báu. Cây báu sắp thành hàng. Hoa quả tốt tươi. Gió hương tỏa bốn phía làm vui lòng người. Chim le le, nhạn, uyên ương, các loại chim kỳ lạ, có hàng ngàn giống loại không kể xiết, cùng hòa âm kêu hót. Lại nữa, đường cấp[24] ở giữa núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng như đường cấp ở dưới**

**núi. Còn đường cấp ở trên rộng hai mươi do-tuần, sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim, cùng nhau ca hát, cũng như đường cấp ở giữa.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Đường cấp ở dưới có quỷ thần tên là Già-lâu-la Túc[25] ở. Đường cấp ở giữa có quỷ thần tên là Trì Man[26] ở. Đường cấp ở trên có quỷ thần tên là Hỷ lạc[27] ở. Bốn doi đất cao bốn vạn hai ngàn do-tuần. Ở đó có cung điện, chỗ ở của Tứ thiên vương; có bảy hàng thành, bảy hàng lan can, bảy hàng lưới, bảy hàng cây báu, các linh báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng lại như thế.**

**“Trên đỉnh núi Tu-di có cung trời Tam Thập Tam[28], có bảy vòng thành, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng lại như thế.**

**“Vượt lên trời Tam Thập Tam một do-tuần, lại có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cung trời Diệm-ma một do-tuần, lại có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất một do-tuần, lại có cung trời Hóa Tự Tại; qua khỏi cung trời Hóa Tự Tại một do-tuần, lại có cung trời Tha Hóa Tự Tại; qua khỏi trời Tha Hóa Tự**

**Tại một do-tuần, lại có cung trời Phạm-gia-di[29].**

**“Khoảng giữa trời Tha Hóa Tự Tại và trời Phạm-gia-di có cung điện Ma thiên[30], cao rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường cung, bảy lớp lan can, [115b] bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát cũng lại như thế. Qua khỏi cung trời Phạm-gia-di một do-tuần, lại có cung trời Quang Âm[31]; qua khỏi cung trời Quang Âm một do-tuần lại có cung trời Biến Tịnh[32]; qua khỏi cung trời Biến Tịnh một do-tuần, lại có cung trời Quả Thật[33]; qua khỏi cung trời Quả Thật một do-tuần, lại có cung trời Vô Tướng[34]; qua khỏi cung trời Vô Tướng một do-tuần, lại có cung trời Vô Tạo[35]; qua khỏi cung trời Vô Tạo một do-tuần, lại có cung trời Vô Nhiệt[36]; qua khỏi cung trời Vô Nhiệt một do-tuần, lại có cung trời Thiện Hiện[37]; qua khỏi cung trời Thiện Hiện một do-tuần, lại có cung trời Đại Thiện hiện[38]; qua khỏi cung trời Đại Thiện Hiện một do-tuần, lại có cung trời Sắc Cứu Cánh[39], qua khỏi trời Sắc Cứu Cánh, trên có trời Không Vô Biên Xứ [40], trời Thức Vô Biên Xứ [41], trời Vô Sở Hữu Xứ [42], trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ [43], ngang đây gọi là giới hạn của chúng sanh, thế giới chúng**

**sanh, tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ ảm, thọ hữu ngang đây, không vượt qua.**

**Phật bảo các Tỳ-kheo: Phía Bắc núi Tu-di có một thiên hạ tên là Uất-đan-viết[44]. Lãnh thổ vuông vức, ngang rộng một vạn do-tuần; mặt người cũng vuông, giống như hình đất.**

**“Phía Đông núi Tu-di có một thiên hạ tên là Phất-vu-đãi[45]; lãnh thổ tròn trịa, ngang rộng chín ngàn do-tuần. Mặt người cũng tròn, giống như hình đất.**

**“Phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên là Câu-da-ni[46], địa hình như nửa mặt trăng, ngang rộng tám ngàn do-tuần; mặt người cũng vậy, giống như hình đất.**

**“Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên là Diêm-phù-đê[47], đất đai thì phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, ngang rộng bảy ngàn do-tuần, mặt người cũng vậy, giống như hình đất.**

**“Mặt Bắc núi Tu-di có ánh sáng được tạo thành do bởi vàng chiếu sáng phương Bắc. Mặt Đông núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi bạc chiếu sáng phương Đông. Mặt Tây núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi thủy tinh chiếu sáng phương Tây. Mặt Nam núi Tu-di có ánh sáng tạo thành bởi lưu ly chiếu sáng phương Nam.**



**“Ở Uất-đan-viết có một đại thọ chúa tên gọi là Am-bà-la[48], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Cối Phất-vu-đãi có một đại thọ, tên là Gia-lam-phù[49], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Cối Câu-da-ni có một đại thọ, tên là Càn-đê[50], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần; dưới cây ấy, có tảng Thạch Ngư Tràng[51], cao một do-tuần. Cối Diêm-phù-đê [115c] có một đại thọ tên là Diêm-phù[52], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Điều vương cánh vàng và Long vương có cây tên là Câu-lợi-thiểm-bà-la[53], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. A-tu-la-vương có cây tên là Thiện-trú[54], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần. Trời Đao-lị có cây tên là Trú-độ[55], vòng thân bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần.**

**“Bên núi Tu-di có núi tên là Già-đà-la[56], cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc bốn vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, do bảy báu tạo thành; núi này cách núi Tu-di tám vạn bốn ngàn do-tuần, khoảng**

giữa mọc toàn hoa ưu-bát-la, hoa bát-đâu-ma, hoa câu-vật-đâu, hoa phân-đà-lị[57], lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Khư-đà-la[58] không xa, có núi tên là Y-sa-đà-la[59], cao hai vạn một nghìn do-tuần, ngang dọc hai vạn một nghìn do-tuần, hai bên rất rộng nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Khư-đà-la bốn vạn hai nghìn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn hoa ưu-bát-la, hoa bát-đâu-ma, hoa câu-vật-đâu, hoa phân-đà-lị; lau, tùng, trúc mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Y-sa-đà-la không xa, có núi tên là Thọ-cự-đà-la[60], cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Y-sa-đà-la hai vạn một ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc thuần bốn loài hoa tạp; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Thọ Cự-đà-la không xa, có núi tên là Thiện kiến[61], cao sáu ngàn do-tuần, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành, cách núi Thọ Cự-đà-la một vạn hai ngàn do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi hương xông khắp.

**“Cách núi Thiện Kiến không xa, có núi tên là Mã Thực[62], cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Thiện Kiến sáu ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc [116a] cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Mã thực không xa, có núi tên là Ni-dân-đà-la[63], cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần, bảy báu tạo thành; cách núi Mã Thực ba ngàn do-tuần, ở khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Ni-dân-đà-la không xa, có núi tên là Điều Phục[64], cao sáu trăm do-tuần, ngang dọc sáu trăm do-tuần, hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Ni-dân-đà-la một ngàn hai trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau, tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương, mùi thơm lan khắp. Cách núi Điều Phục không xa, có núi tên là Kim Cang Vi[65], cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần; hai bên rất rộng, nhiều màu đan xen, bảy báu tạo thành; cách núi Điều Phục sáu trăm do-tuần, khoảng giữa mọc toàn bốn loại tạp hoa; lau,**

tùng, trúc cũng mọc trong đó, tỏa ra các loại hương mùi thơm lan khắp.

“Cách núi Đại Kim Cang[66] không xa, có biển lớn, bờ phía Bắc của biển lớn có cây đại thụ vương tên là Diêm-phù[67], vòng thân bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi do-tuần, khoảng đất trống hai bên lại có khu rừng tên là Am-bà-la[68], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Diêm-bà[69], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Sa-la[70], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Đa-la[71], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Na-đa-la[72], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nam[73], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nữ[74], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tán-na[75], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiên-đàn[76], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Khư-châu-la[77], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ba-nại-bà-la[78], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-la[79], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Hương Nại[80], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Lê[81], [116b] ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là An-thạch-

**lưu[82], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam[83], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Ha-lê-lặc[84], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tỳ-hê-lặc[85], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lặc[86], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là A-ma-lê[87], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Nại[88], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Cam Giá[89], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Vi[90], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Trúc[91], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la[92], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Xá-la-nghiệp[93], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Mộc Qua[94], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Đại Mộc Qua[95], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Giải thoát hoa[96], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Chiêm-bà[97], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-la-la[98], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Tu-ma-na[99], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bà-sư[100], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên Đa-la-lê[101], ngang dọc năm**

mười do-tuần; lại có khu rừng tên là Già-da[102], ngang dọc năm mươi do-tuần; lại có khu rừng tên là Bồ đào[103], ngang dọc năm mươi do-tuần.

“Qua khỏi đó thì đất trống. Trong khoảng đất trống ấy lại có ao hoa, ngang dọc năm mươi do-tuần. Lại có ao hoa bát-đâu-ma, ao hoa câu-vật-đâu, ao hoa phân-đà-lị; rắn độc[104] đầy trong đó. Mỗi ao ngang dọc năm mươi do-tuần.

“Qua khỏi đó, đất trống. Trong khoảng đất trống ấy có biển lớn tên là Uất-thiên-na[105]. Dưới biển này có con đường của Chuyển Luân Thánh vương, rộng mười hai do-tuần; sát hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Các trang hoàng chung quanh đều do bảy báu tạo thành. Khi Chuyển Luân Thánh vương ra đời trên cõi Diêm-phù đề thì nước tự nhiên rút đi, đường ấy hiện ra.

“Cách biển không xa, có núi tên là [116c] Kim Bích[106]. Trong núi có tám vạn cái hang. Tám vạn tượng vương sống ở trong hang ấy. Thân chúng thuần trắng; đầu có nhiều màu; miệng có sáu ngà, giữa các răng có trám vàng.

**“Qua khỏi núi Kim Bích rồi, có núi tên là Tuyết sơn[107], ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần, phía Đông và Tây nhập vào biển. Ở giữa núi Tuyết có núi báu, cao hai mươi do-tuần.**

**“Doi đất núi Tuyết trôi lên một trăm do-tuần, trên đỉnh núi ấy có ao A-nậu-đạt[108], ngang dọc năm mươi do-tuần; nước ao trong mát, lóng sạch không cáu bẩn; có bảy bậc bờ thêm, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, nhiều loại màu sắc khác lạ, do bảy báu tạo thành. Lan can thì, trụ vàng, tay nắm bạc; trụ bạc, tay nắm vàng; trụ lưu ly, tay nắm thủy tinh; trụ thủy tinh, tay nắm lưu ly; trụ xích châu, tay nắm mã não; trụ mã não, tay nắm xích châu; trụ xa cừ, tay nắm bằng các báu. Lưới vàng, linh bạc; lưới bạc, linh vàng; lưới lưu ly, linh thủy tinh; lưới thủy tinh, linh lưu ly; lưới xa cừ, linh bằng bảy báu. Cây đa-la[109]vàng, gốc vàng, nhánh vàng, lá bạc, quả bạc; cây đa la bạc, gốc bạc, nhánh bạc, lá vàng quả vàng; cây thủy tinh, gốc nhánh thủy tinh, hoa, quả lưu ly; cây xích châu, gốc nhánh xích châu, lá mã não, hoa quả mã não; cây xa cừ, gốc nhánh xa cừ, hoa quả bằng các báu. Bên cạnh ao A-nậu-đạt có vườn cảnh, ao tắm, các hoa tích tụ, các loại cây lá hoa quả đều tốt tươi; các loại hương thơm, lan tỏa bốn phương, các loài chim lạ**

cùng cất tiếng hát họa nhau buồn bã. Dưới đáy ao A-nậu-đạt cát vàng đầy ắp, bốn phía ao đều có thêm bạc; bạc vàng, thêm bạc, bạc bạc, thêm vàng; bạc lưu ly, thêm thủy tinh, bạc thủy tinh, thêm lưu ly; bạc xích châu, thêm mã não, bạc mã não, thêm xích châu; bạc xa cừ, thêm bằng các báu, bao bọc chung quanh đều có lan can, có bốn loài hoa: xanh vàng đỏ trắng, nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rễ như ổ trục xe; rễ hoa ra nhựa màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông ao A-nậu-đạt có sông Hằng-già[110], từ miệng trâu[111] chảy ra, dẫn theo năm trăm con sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt, có sông Tân-đầu[112], từ miệng sư tử[113] chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt có sông Bà-xoa[114], từ miệng ngựa[115] chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông nhập vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt có sông Tư-đà[116], từ miệng voi[117] chảy ra, dẫn theo năm trăm dòng sông chảy vào biển Bắc. Trong cung A-nậu-đạt [117a] có nhà Năm cột,[118] Long vương A-nậu-đạt[119] thường ở trong đó.”

**Phật nói:**

“Vì sao gọi là A-nậu-đạt? A-nậu-đạt nghĩa là gì? Các Long vương ở Diêm-phù-đề này có đủ



ba hoạn nạn, chỉ có A-nậu-đạt không có ba hoạn nạn. Những gì là ba? Một là, toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề đều bị gió nóng, cát nóng chạm vào thân, thiêu đốt da thịt và thiêu đốt xương tủy làm cho khổ não; chỉ có long vương A-nậu-đạt không có hoạn này. Hai là, toàn thể Long cung ở Diêm-phù-đề bị gió dữ thổi mạnh, thổi vào trong cung, làm mất y báu phục sức, thân rồng lộ ra, làm cho khổ não; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không có hoạn nạn như thế. Ba là toàn thể Long vương ở Diêm-phù-đề, khi ở trong cung vui chơi đều bị chim lớn Cánh vàng bay vào cung dắt đi, hoặc mới nghĩ cách muốn bắt rồng để ăn thịt; các rồng sợ hãi, thường ôm lòng lo sầu; chỉ có Long vương A-nậu-đạt không bị hoạn này; nếu chim Cánh vàng khởi niệm muốn ở thì liền mạng chung, cho nên gọi là A-nậu-đạt.”

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

“Bên phải núi Tuyết có thành tên là Tỳ-xá-li[120], phía Bắc của thành ấy có bảy núi Đen[121]. phía bắc của bảy núi Đen có núi Hương[122], núi ấy thường có tiếng âm nhạc, ca xướng, kỹ nhạc. Núi có hai hang[123], một hang tên là Trú[124], hang thứ hai tên là Thiện Trụ[125], do bảy báu trời tạo thành, mềm mại thơm sạch, giống như áo trời. Diệu Âm Càn-thát-bà[126] vương cùng năm trăm

**Càn-thát-bà ở trong hang Trú đó. Phía Bắc hang Thiện Trụ có Thọ vương lớn ta-la, tên là Thiện Trụ[127], có bốn ngàn thọ vương vây quanh bốn phía. Dưới Thiện Trụ Thọ vương có Tượng vương, cũng tên là Thiện Trụ[128], ở dưới cây này, thân thể toàn trắng, bảy chỗ đầy đặn[129], có thể bay đi; đầu nó màu đỏ, lông có nhiều màu; sáu ngà đều thon, giữa được trám vàng, có tám ngàn voi vây quanh tùy tùng. Dưới tám ngàn Thọ vương ấy, có tám ngàn voi, cũng lại như thế.**

**“Phía Bắc thọ vương Thiện Trụ có ao tắm lớn, tên là Ma-đà-diên[130]; ngang dọc năm mươi do-tuần; có tám ngàn ao tắm bao bọc chung quanh, nước ao trong mát, không có cá bần, được bao quanh các bờ lũy đắp bằng bảy báu. Ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây đều do bảy báu tạo thành: tay nắm vàng thì trụ bạc, tay nắm bạc thì trụ vàng; tay nắm thủy tinh thì trụ lưu ly, tay nắm lưu ly thì trụ thủy tinh; tay nắm xích châu thì trụ mã não, tay nắm [117b] mã não thì trụ xích châu; tay nắm xa cừ thì trụ bằng các báu; dưới lưới vàng treo linh bạc, dưới lưới bạc treo linh vàng; lưới thủy tinh treo linh lưu ly, lưới lưu ly treo linh thủy tinh; lưới xích châu treo linh mã não, lưới mã não treo linh xích châu; lưới xa cừ treo linh các báu. Cây vàng thì rễ vàng, nhánh vàng, lá hoa quả bạc; cây bạc thì rễ**

**bạc, nhánh bạc, lá hoa quả vàng; cây thủy tinh thì rể, nhánh thủy tinh, hoa quả lưu ly; cây lưu ly thì rể, nhánh lưu ly, hoa quả thủy tinh; cây xích châu thì rể, nhánh xích châu, hoa quả mã não; cây mã não thì rể, nhánh mã não, hoa quả xích châu cây xa cừ thì rể nhánh xa cừ, hoa, quả các báu.**

**“Lại nữa, dưới đáy ao ấy, cát vàng rải khắp, bọc chung quanh ao có đường thêm cấp bằng bảy báu; thêm vàng cấp bạc, thêm bạc cấp vàng; thêm thủy tinh cấp lưu ly, thêm lưu ly cấp thủy tinh; thêm xích châu, cấp mã não, thêm mã não, cấp xích châu; thêm xa cừ, cấp các báu. Sát hai bên thêm có lan can báu. Lại trong ao ấy, sanh bốn loài hoa: xanh, vàng, đỏ, trắng, nhiều màu đan xen; hoa như bánh xe, rể như ổ trục xe. Rể hoa ra nhựa, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Vòng quanh bốn phía ao có vườn cảnh, rừng, ao tắm, mọc đủ các loại hoa; cây cối xanh tươi, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng giống như trước. Tượng vương Thiện Trụ khi nghĩ muốn dạo chơi vào ao tắm thì liền nghĩ đến tám ngàn voi khác. Khi ấy tám ngàn voi lại tự nghĩ: “Tượng vương Thiện Trụ đang nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đến chỗ Tượng vương”. Khi ấy, bảy voi liền đi đến đứng trước Tượng vương.**

**“Bấy giờ, Tượng vương Thiện Trụ theo tám ngàn voi đến ao Ma-đà-diên. Trong bầy voi ấy, có con cầm lọng che tượng vương, có con cầm quạt báu quạt tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi ấy, Tượng vương Thiện Trụ vào ao tắm rửa, tấu xướng kỹ nhạc, cùng nhau vui chơi; có con rửa vòi cho Tượng vương, có con rửa miệng, gội đầu; rửa ngà, rửa tai, rửa bụng, kỳ lưng, rửa đuôi, rửa chân; trong đó có con nhỏ gốc hoa rửa sạch dăng voi ăn, có con lấy bốn loại hoa rải trên voi.**

**“Bấy giờ, Tượng vương Thiện Trụ tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi xong, liền lên bờ, đi đến đứng ở cây Thiện Trụ. Tám [117c] ngàn con voi, sau đó, mới vào ao tắm rửa, ăn uống, cùng nhau vui chơi, xong rồi trở ra, đến chỗ tượng vương.**

**“Khi ấy, Tượng vương theo tám ngàn voi tùy tùng sau trước, đến chỗ Thọ vương Thiện Trụ; trong đó có con cầm lọng che Tượng vương; có con cầm quạt quạt Tượng vương; trong đó có con tấu xướng kỹ nhạc đi trước mở đường. Khi Tượng vương Thiện Trụ đến chỗ thọ vương rồi, ngồi nằm đi đứng tùy ý, tám ngàn voi khác ở dưới các cây, tự do ngồi nằm đi đứng tùy ý. Trong rừng cây ấy, có cây chu vi tám tâm, có cây chu vi chín tâm, cho đến mười**

tâm, mười lăm tâm, chỉ có Thọ vương Ta-la của Tượng vương Thiện Trụ chu vi mười sáu tâm. Khi cành lá của tám ngàn cây ta-la rơi rụng thì có luồng gió mát thổi bay xa ra ngoài khu rừng. Lại khi tám ngàn voi đại tiểu tiện thì các quỷ dạ xoa hết bỏ ngoài rừng.”

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

“Tượng vương Thiện Trụ có đại thần lực, công đức như thế; tuy là loài súc sanh mà hưởng phước như vậy.”

## **Phẩm 2: UẤT-ĐAN-VIẾT[131]**

**[117c15] Phật bảo Tỳ-kheo:**

“Cõi Uất-đan-viết có nhiều núi. Bên cạnh các núi ấy, có các vườn cảnh, ao tắm, mọc nhiều loài hoa, cây cối mát mẻ, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau hát. Lại trong các núi ấy có nhiều dòng nước; nước ấy xuôi dòng ra biển, không chảy xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy bình lặng êm ả. Sát hai bên bờ, có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả sum sê. Đất mọc cỏ mềm xoay về bên phải, màu như đuôi công[132], mùi thơm như bà-sư[133], mềm như áo trời. Đất ở đó mềm; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên, trở lại như cũ, mặt đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

**“Này Tỳ-kheo! Cõi Uất-đan-viết kia bốn phía có bốn ao A-nậu-đạt; mỗi ao ngang dọc một trăm do-tuần. Nước ao lắng trong, không có cáu bẩn. Có hào cùng bậc thềm bằng bảy báu chung quanh ... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau cất tiếng hót buồn bã, [134] giống như sự trang trí của ao Ma-đà-diên không khác. Bốn ao lớn ấy, rộng mười do-tuần, nước sông xuôi dòng ra biển êm đềm, không có chảy xiết; các loại hoa phủ trên mặt nước, chảy từ từ êm ả. Sát hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành nhánh mềm mại, hoa quả dôi dào. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như đuôi công, hương [118a] như bà-sư, mềm mại như áo trời. Đất đó mềm mại, dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có cao thấp. Lại đất đai kia không có ngòi rãnh, khe suối, hầm hồ, gai góc, gốc cây, cũng không có muỗi mòng, rắn, rết, ong, bò cạp, cạp, beo, thú dữ. Đất thuần châu báu, không có đất cát; âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các sự bực bội khó chịu. Đất đai thấm ướt, bụi dơ không dậy, như dầu bôi trên đất, không có bụi bay. Trăm thứ cây cỏ thường mọc, không có mùa Đông rét mướt, mùa Hạ nóng bức. Cây cối tốt tươi; hoa trái xum xuê. Đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư,**

mềm như áo trời. Đất ở đó mềm mại; dùng chân đạp đất, đất lún bốn tấc, giở chân lên lại, trở lại như cũ. Đất bằng như bàn tay, không có chỗ cao, chỗ thấp.

“Cõi ấy thường có lúa thơm tự nhiên, chẳng gieo trồng mà tự mọc, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống như thức ăn trời Đao-ly, đầy đủ các vị. Cõi ấy luôn có nôi, vạc tự nhiên; có ngọc ma-ni tên là Diệm Quang[135] được đặt dưới nôi nấu. Khi cơm chín thì ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, không nhọc sức người. Cõi ấy có cây tên là Khúc Cung[136], lá cây dày đặc chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Đàn ông, đàn bà cư ngụ dưới cây đó. Lại có cây Hương[137] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên xuất ra các loại hương. Hoặc có cây cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, bốn mươi dặm; cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín, vỏ nó tự nứt, tự nhiên hương tỏa.

“Lại có cây Y[138] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín vỏ tự nứt ra, tuôn ra các loại y phục; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, nhỏ nhất là năm dặm, hoa quả đầy cành, tuôn ra các loại y phục. Lại có cây Trang Nghiêm[139], cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy

chín, vỏ tự nứt ra, tuôn ra các thứ đồ trang nghiêm thân thể; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi dặm, đều đầy cành hoa quả, tuôn ra đủ các đồ trang nghiêm thân thể. Lại có cây Hoa Man[140] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại tràng hoa; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả cũng đầy cành, xuất ra các loại tràng hoa. Lại có cây Khí[141], cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành. Khi quả ấy chín [118b] vỏ tự nứt ra. Xuất ra các khí cụ; hoặc có cây sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại khí cụ. Lại có cây Quả[142] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại quả; hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa quả đều đầy cành, xuất ra các loại quả. Lại có cây Nhạc Khí[143] cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; quả ấy khi chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại nhạc khí, hoặc có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cây nhỏ nhất cao năm dặm, đều đầy cành hoa quả, xuất ra các loại nhạc khí.

“Cõi ấy có ao tên là Thiện Kiến[144], ngang dọc một trăm do-tuần, nước ao trong vắt,



không có cầu bần. Các bên ao được xây lát bằng hào bảy báu. Bốn mặt quanh ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát, cũng giống như trước.

“Phía Bắc ao Thiện Kiến có cây tên là Am-bà-la[145], vòng thân bảy dậm, cao một trăm dậm, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi dậm. Phía Đông của ao Thiện Kiến phát xuất sông Thiện Đạo[146], rộng một do-tuần, nước sông chảy chậm, không có dòng xoáy, có nhiều loại hoa phủ trên mặt nước; sát hai bên bờ cây cối tốt tươi, cành nhánh mềm mại, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất ở đó mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, giở chân lên, trở lại như cũ; đất bằng như bàn tay, không có cao thấp.

“Lại nữa, trong sông ấy, có các thuyền báu. Nhân dân ở nơi ấy khi muốn vào sông tắm rửa vui chơi, cỡi y phục để trên bờ. Lên thuyền ra giữa dòng; nô đùa vui vẻ xong, lên bờ gặt y phục thì mặc, lên trước mặc trước, lên sau mặc sau, chẳng tìm lại y phục cũ. Sau đó, đi đến cây Hương. Cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại tạp hương để xoa trên mình. Rồi đến cây Y. Cây cong mình xuống;

những người ấy lấy các loại y phục, tùy ý mặc vào. Tiếp đến, đi đến cây Trang Nghiêm, cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ trang nghiêm để tự trang sức. Xong, đến cây Hoa Man; cây cong mình xuống, những người ấy lấy các thứ tràng hoa, để đội trên đầu. Rồi đến cây Khí, cây cong mình xuống; những người ấy lấy các loại khí vật báu; lấy khí vật báu xong, tiếp theo, đến cây Quả, cây cong mình xuống, những người ấy [118c] hái các quả đẹp, hoặc có người ăn nuốt, có người ngậm, có người vắt nước uống. Kế tiếp, đến cây Nhạc Khí; cây cong mình xuống, những người ấy lấy các loại nhạc khí, chơi đàn, đánh trống, và dùng âm thanh vi diệu hòa với tiếng đàn mà đi đến khu vườn, tùy ý vui chơi, hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, sau đó lại đi, không có chỗ nhất định.

“Phía Nam ao Thiện Kiến, phát xuất sông Diệu Thể[147] Phía tây ao Thiện Kiến, phát xuất sông Diệu Vị[148]. Phía Bắc ao Thiện Kiến, phát xuất sông Quang Ảnh[149], cũng giống như trên. Phía Đông ao Thiện Kiến có khu vườn tên là Thiện Kiến[150], ngang dọc một trăm do-tuần; vòng quanh bốn bên khu vườn có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, nhiều màu đan xen bảy báu tạo thành. Bốn phía vườn ấy có bốn cửa lớn, lan can bao quanh, đều do bảy báu tạo thành; trong vườn

sạch sẽ, không có gai gốc, đất đai bằng phẳng, không có ngòi rãnh khe suối, hầm hồ, đôi gò, cũng không có muỗi mòng, ruồi, rệp, rận, rắn rết, ong, bò cạp, hổ báo, ác thú; đất toàn các báu, không có cát, âm dương điều độ, bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các hoạn nạn; đất đai nhuận thấm, không có bụi bặm, như có dầu xoa đất, đi bụi không bốc lên, hằng trăm loài cỏ thường mọc, không có Đông rét Hạ bức; cây cối tươi tốt, hoa quả đầy cành; đất mọc cỏ mềm, xoay về phía phải, màu như lông công, hương như bà-sư, mềm như áo trời; đất đai mềm mại, khi đạp chân xuống, đất lún bốn tấc, giở chân lên, đất lại như cũ.

“Vườn ấy thường mọc lúa thơm tự nhiên, không có vỏ trấu, trắng như đóa hoa, đầy đủ các vị, như cơm trời Dao-lị. Vườn ấy thường có nơi chỗ tự nhiên; có ngọc ma ni, tên là Diệm Quang đặt dưới nơi chỗ; khi cơm chín, ánh sáng tắt, chẳng cần lửa củi, chẳng nhọc công người. Vườn ấy có cây tên là Khúc Cung, lá chồng lên nhau theo thứ lớp, trời mưa không dột. Các nam nữ ấy cư ngụ ở đó. Lại có cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa quả đầy cành; khi quả ấy chín, vỏ tự nứt ra, xuất ra các loại hương, có cây cao sáu mươi dặm, năm mươi, bốn mươi, cho đến cao năm dặm, hoa quả đầy

**cành, xuất ra các loài hương... cho đến cây Khí, cũng giống như trên.**

**“Nhân dân ở cõi ấy đến vườn ấy vui chơi giải trí, một ngày, hai ngày... cho đến bảy ngày. Vườn Thiện Kiến ấy không người bảo vệ, tùy ý dạo chơi, sau đó lại đi.**

**“Phía Nam ao Thiện Kiến có khu vườn tên là Đại Thiện Kiến, phía Tây ao Thiện Kiến [119a] có khu vườn tên là Ngũ Lạc[151]; phía Bắc ao Thiện Kiến có khu vườn tên là Đăng Hoa[152], cũng giống như thế.**

**“Ở cõi ấy, vào nửa đêm, cuối đêm, Long vương A-nậu-đạt thường thường vào lúc thích hợp khởi mây lành cùng khắp thế giới rồi mưa nước ngọt xuống, giống như khi vắt sữa bò; nước đủ tám vị, thấm nhuận khắp nơi; nước không đọng lại, đất không bùn lầy. Giống như thợ làm tràng hoa dùng nước rưới hoa, khiến không khô héo, thấm ướt tốt tươi. Khi ấy, ở cõi đó vào lúc gần sáng không có mây che, bầu trời trong vắt; biển nổi gió mát, trong lành hiu hiu, chạm nhẹ vào người, toàn thân sáng khoái.**

**“Cõi ấy trù mật, nhân dân sung túc. Nếu khi cần ăn thì dùng gạo thơm tự nhiên bỏ vào trong chảo, dùng ngọc Diệm Quang để ở dưới chảo; cơm tự nhiên chín, ánh sáng ngọc tự tắt.**

**Các người đi đến, tự do ăn cơm. Người ăn không đứng dậy thì cơm không hết; người ăn đứng dậy thì cơm cũng hết. Cơm ấy tinh khiết như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vị như cơm côi trời Đao-lị. Người ăn cơm đó không có các bệnh, khí lực dồi dào, nhan sắc tươi vui, không có gầy còm.**

**“Lại ở côi ấy, thân thể con người như nhau, hình mạo giống nhau, không thể phân biệt. Dáng người trẻ trung, như người khoảng hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề. Người côi ấy, răng họ bằng đều, trắng sạch, kín sát không hở; tóc màu xanh biếc, không có cáu bẩn; tóc xỏa xuống bằng tám ngón tay, ngang vai thì dừng, không dài không ngắn. Người ở côi đó, nếu khi khởi tâm dục thì nhìn chăm chăm nữ nhơn rồi bỏ đi. Người nữ ấy liền theo sau vào trong vườn. Nếu nữ nhơn và người nam kia là cha, mẹ hoặc liên hệ trong cốt nhục, không phải là người nên hành dục thì cây không cong xuống che lại, và họ tự chia tay. Nếu chẳng phải cha, mẹ, và nhiều liên hệ đến cốt nhục, đúng là đối tượng hành dâm thì cây cong xuống che phủ thân họ, tùy ý hưởng lạc, một ngày, hai ngày... hoặc đến bảy ngày, khi ấy mới thôi. Người nữ ấy mang thai; bảy hoặc tám ngày thì sanh. Sanh ra con trai hay con gái, cũng mang đặt ở ngã tư đường, đầu trực lộ giao thông, bỏ đó rồi đi. Các người đi đường, đi ngang qua**

**bên nó, đưa ngón tay cho nó mút, ngón tay chảy ra sữa ngọt, nuôi lớn thân bé. Qua bảy ngày rồi, bé ấy trưởng thành, bằng với người lớn; nam thì theo nhóm nam, nữ thì theo nhóm nữ.**

**“Người cõi ấy khi mạng chung, không ai khóc lóc, trang nghiêm tử thi, đặt ở ngã tư đường, bỏ đó rồi đi. Có loài chim tên là Ưu-úy-thiên-già[153] gặp [119b] tử thi ấy để ở phương khác.**

**“Lại nữa, người ở cõi ấy khi đại tiểu tiện, đất liền nẻ ra; đại tiểu tiện rồi, đất khép trở lại. Nhân dân cõi ấy không lệ thuộc sự tham luyến, cũng không cất chứa, thọ mạng có hạn định; chết rồi sanh lên trời. Vì sao người cõi ấy thọ mạng luôn có hạn định? Đời trước người cõi ấy tu mười hành vi thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém. Vì thế, người cõi ấy thọ mạng như nhau.**

**“Lại nữa, người sát sanh đọa vào đường dữ; người không sát sanh sanh vào nẻo lành. Kẻ trộm cắp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, ỷ ngữ, tham lam, ganh ghét, tà kiến đều đọa vào đường dữ. Người không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không ỷ ngữ, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì khi thân hoại**

**mạng chung sanh cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn năm, chẳng hơn chẳng kém. Vì vậy, người ở cõi kia thọ mạng bằng nhau. Lại nữa, tham lam keo kiệt chẳng thường bố thí thì chết đọa đường dữ; tâm thoảng không keo thường hành bố thí sanh chốn thiện. Có người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và bố thí cho người bần cùng, ăn xin, bệnh ghẻ, khốn khổ, cho họ y phục, thức ăn uống, xe cộ, tràng hoa, hương thơm, giường chõng, phòng xá; lại tạo lập tháp miếu, đèn đuốc cúng dường, thì người ấy khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém, vì vậy, người cõi kia thọ mạng bằng nhau.**

**“Vì sao gọi người Uất-đan-viết là hơn hết? Vì nhân dân cõi ấy chẳng thọ thập thiện nhưng toàn bộ hành vi của họ tự nhiên hợp với thập thiện, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành. Vì vậy, người ở đó được khen là Uất-đan-viết hơn hết. Uất-đan-viết, ý nghĩa như thế nào? Đối với ba cõi kia, cõi này là tối thắng, tối thượng cho nên gọi là Uất-đan-viết[154].**

**Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG[155]  
Phật nói với các Tỳ-kheo:**

**“Thế gian có Chuyển Luân Thánh vương[156], thành tựu bảy báu, có bốn thần đức.**

**“Những gì là bảy báu mà Chuyển Luân Thánh vương thành tựu[157]? Một, báu bánh xe vàng; hai, báu voi trắng; ba, báu ngựa xanh; bốn, báu thân châu; năm, báu ngọc nữ; sáu, báu cư sĩ; bảy, báu chủ binh.**

**“Chuyển Luân Thánh vương thành tựu báu bánh xe vàng như thế nào?**

**[119c] “Nếu Chuyển Luân Thánh vương hiện trong cõi đất Diêm-phù-đề; khi ấy, vua Quán đánh thuộc dòng Sát-lị[158], vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội bằng nước thơm, rồi lên điện cao, cùng với thể nữ hưởng thụ hoan lạc. Bảo vật là bánh xe trời bằng vàng[159] bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có nghìn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Khi nhìn thấy bánh xe, Chuyển Luân Thánh vương thầm nghĩ: Ta từng nghe từ các bậc tiên túc, kỳ cựu nói rằng: ‘Nếu vua Sát-lị Quán đánh, vào ngày rằm lúc trăng đầy, tắm gội bằng nước thơm, lên ngôi trên Pháp điện, với thể nữ vây quanh. Bánh xe vàng tự nhiên xuất hiện trước mặt. Bánh xe có nghìn căm, với màu sắc sáng chói, được làm bằng vàng trời, do thợ trời chế tạo, không phải**



**người đời làm được. Đường kính bánh xe là bốn trượng. Bấy giờ được gọi là Chuyển Luân Thánh vương.’ Nay bánh xe này xuất hiện, há không phải là điều ấy chăng? Ta nay hãy thử bảo vật là bánh xe này.**

**“Rồi Chuyển luân vương bèn triệu tập bốn binh chủng, hướng về bảo vật bánh xe vàng, bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, lấy tay phải sờ bánh xe vàng mà nói rằng: ‘Người hãy nhắm hướng Đông, đúng như pháp mà chuyển, chớ có trái qui tắc thông thường’. Bánh xe liền chuyển về phương Đông. Khi ấy Chuyển luân vương liền dẫn bốn binh chủng đi theo sau. Phía trước bảo vật bánh xe vàng có bốn vị thần dẫn đường. Bánh xe ngừng chỗ nào, vua đình giá chỗ đó. Bấy giờ các Tiểu Quốc vương thấy Đại vương đến, lấy bát vàng đựng đầy thóc bạc; bát bạc đựng đầy thóc vàng; đi đến chỗ Đại vương, cúi đầu bạch rằng: ‘Lành thay, Đại vương! Nay, ở phương Đông này, đất đai phong phú, vui tươi, có nhiều trân bảo, nhân dân đông đúc, tâm chí nhân ái, hòa thuận, từ hiếu, trung thuận. Cúi nguyện Thánh vương hãy ở đây mà trị chính. Chúng tôi sẽ gần gũi hầu hạ, cung cấp những thứ cần dùng.’ Khi ấy, Chuyển luân vương nói với các Tiểu vương: ‘Thôi, thôi! Nay Chư Hiền, các người như vậy là đã cúng dường ta rồi. Nhưng hãy theo đúng pháp mà cai trị giáo**

**hóa, chớ để thiên lệch; không để quốc nội có hành vi phi pháp. Tự mình không sát sanh; khuyên bảo người khác không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, ỷ ngữ, tham lam, tật đố, tà kiến. Đó gọi là sự cai trị của ta vậy.'**

**“Các Tiểu vương sau khi nghe lời dạy, liền đi theo Đại vương, tuần hành các nước. Cho đến tận cùng bờ biển[160] phía Đông.**

**“Sao đó, lần lượt đi về phương nam, phương Tây, phương Bắc. Bất cứ chỗ nào mà bánh xe lăn đến, các Quốc vương ở đó đều dâng hiến quốc thổ; cũng như các Tiểu vương ở phương Đông vậy.**

**“Tất cả đất đai có trong Diêm-phù-đê này, màu mỡ, phong phú, sản xuất nhiều trân bảo, những nơi có rừng, có nước trong sạch, bánh xe [120a] đều lăn khắp; ấn định biên giới, vẽ bản đồ[161], Đông Tây mười hai do-tuần, Nam Bắc mười do-tuần. Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng thành quách. Thành có bảy lớp, với bảy lớp lan can[162], bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, những trang hoàng chung quanh, đều được làm bằng bảy báu... cho đến, vô số các loài chim cùng họa nhau mà hát. Thành được xây xong, bánh xe vàng lại xuất hiện trong thành, qui định địa giới Đông Tây bốn do-tuần, Nam Bắc hai do-tuần.**

Vào ban đêm, các thần ở trong đó xây dựng cung điện. Tường cung có bảy lớp, được làm bằng bảy báu,... cho đến vô số các loài chim cùng họa nhau mà hát, như đã kể trên.

“Cung điện được dựng xong, khi ấy bảo vật bánh xe vàng trụ giữa hư không, ngay phía trước cung điện, hoàn toàn không chuyển động. Chuyển Luân vương phẫn khởi nói: ‘Nay bảo vật bánh xe vàng này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.’

“Đó là sự thành tựu bánh xe vàng.

“Voi trắng được thành tựu[163] như thế nào? Chuyển Luân Thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên voi trắng bỗng xuất hiện trước mặt. Lông của nó thuần trắng, bảy chỗ bằng phẳng[164], có khả năng phi hành. Đầu của nó có nhiều màu; sáu ngà thon dài được cấn bằng vàng ròng. Thấy thế vua liền nghĩ thầm: ‘Con voi này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cỡi.’ Bèn cho huấn luyện thử; đầy đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử voi, bèn cỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển luân vương phẫn khởi nói: ‘Bảo vật voi trắng này thật sự là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.’

**“Đó là sự thành tựu báu voi.**

**“Thế nào là sự thành tựu ngựa xanh[165] của Chuyển Luân vương? Khi ấy, Chuyển Luân Thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi tại chánh điện, Tự nhiên bảo vật là ngựa hồng xuất hiện trước mặt. Màu nó xanh thẫm, bờm và đuôi đỏ.[166] Thấy thế, vua liền nghĩ thầm: ‘Con ngựa này khôn. Nếu khéo huấn luyện, có thể cỡi.’ Bèn cho huấn luyện thử; đầy đủ các kỹ năng. Khi ấy, Chuyển luân vương muốn thử ngựa, bèn cỡi lên nó, vào buổi sáng sớm, xuất thành, đi quanh khắp bốn biển. Cho đến giờ ăn trưa thì trở về. Chuyển Luân vương phấn khởi nói: ‘Bảo vật ngựa xanh này thật sự là một điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.’**

**“Đó là sự thành tựu ngựa xanh.**

**“Báu thần châu được thành tựu[167] như thế nào? Chuyển Luân Thánh vương, vào buổi sáng sớm, ngồi trên chánh điện. Tự nhiên thần châu hồng xuất hiện trước mặt. Màu chất[168]trong suốt, không có Tỳ vết. Sau khi thấy, vua tự nghĩ: ‘Châu này thật tuyệt vời. Nếu có ánh sáng, nó có thể [120b] rọi cung nội.’ Rồi Chuyển Luân Thánh vương muốn thử hạt châu này, bèn triệu tập bốn binh chủng. Đặt bảo châu trên cây phướn cao. Trong lúc**

**đêm tối, cầm cây phướn xuất thành. Ánh sáng của hạt châu này rơi đến một do-tuần. Những người ở trong thành đều thức dậy làm việc, cho rằng bây giờ là ban ngày. Chuyển Luân vương khi ấy phần khởi nói: 'Nay thần châu này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương'.**

**"Đó là sự thành tựu báu thần châu.**

**"Báu Ngọc nữ được thành tựu[169] như thế nào? Khi ấy, báu Ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện, nhan sắc thung dung, diện mạo đoan chánh; không dài, không vắn; không thô, không nhỏ; không trắng, không đen; không cương, không nhu; mùa đông thì thân ấm, mùa hè thì thân mát. Từ các lỗ chân lông khắp mình phát ra mùi hương chiên-đàn; miệng phát ra mùi hương của hoa ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; cử động khoan thai; đứng dậy trước (vua) nhưng ngồi xuống sau (vua), không mất nghi tắc. Chuyển Luân Thánh vương sau khi thấy, tâm không mê đắm, không chút mơ tưởng, huống hồ gần gũi. Chuyển luân vương sau khi thấy, phần khởi mà nói: 'Báu ngọc nữ này thật sự là điềm lành cho ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.'**

**"Đó là sự thành tựu báu Ngọc nữ.**

**“Báu Cư sĩ được thành tựu[170] như thế nào? Khi ấy, người đàn ông cư sĩ[171] bỗng nhiên tự xuất hiện; kho báu tự nhiên, tài sản vô lượng. Cư sĩ do phước báu đời trước có cặp mắt có thể nhìn thấu suốt các hầm mỏ[172] dưới lòng đất; biết rõ hết thảy có chủ hay vô chủ. Kho nào có chủ, ông có thể giữ gìn hộ. Kho nào vô chủ, ông lấy lên cho vua tiêu dùng. Rồi thì, báu Cư sĩ đi đến tâu vua: ‘Đại vương, cần cung cấp thứ gì, xin đừng lo lắng. Tôi tự mình có thể giải quyết.’”**

**“Khi ấy, Chuyển Luân Thánh vương muốn thử báu cư sĩ, bèn ra lệnh sửa soạn thuyền để du ngoạn thủy, bảo cư sĩ rằng: ‘Ta cần bảo vật vàng, ngươi hãy đưa nhanh đến cho.’ Báu Cư sĩ tâu rằng: ‘Đại vương đợi một chút; cần phải lên bờ đã.’ Vua lại hỏi thúc: ‘Ta nay đang cần dùng. Ngươi hãy mang đến liền cho ta.’ Khi báu Cư sĩ bị vua ra nghiêm lệnh, bèn quỳ mọp trên thuyền, dùng tay mặt thọc xuống nước. Khi ông rút tay lên thì một cái bình báu từ trong nước cũng lên theo. Giống như con sâu leo cây. Báu Cư sĩ kia cũng vậy. Khi rút bàn tay lên khỏi nước thì bình báu cũng lên theo, để đầy cả thuyền. Rồi ông tâu vua: ‘Vừa rồi Vua cần bảo vật để dùng. Mà cần bao nhiêu?’ Chuyển Luân Thánh vương khi ấy nói với Cư sĩ: ‘Thôi, thôi! Ta không cần dùng gì. Vừa rồi, ta chỉ muốn thử mà thôi. Ngươi nay như thế là**

**đã cúng dường ta rồi.’ Cư sĩ nghe vua nói như vậy, liền đem bảo vật trả lại trong nước. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh vương phẫn khởi nói rằng: ‘Báu Cư sĩ này thật sự là [120c]điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.’**

**“Đó là sự thành tựu báu Cư sĩ.**

**“Báu Chủ binh được thành tựu[173] như thế nào? Khi ấy, báu Chủ binh bỗng nhiên xuất hiện, đủ trí mưu, hùng mãnh, sách lược sáng suốt, quyết đoán; đi ngay đến chỗ vua, tâu rằng: ‘Đại vương, cần chinh phạt chỗ nào, xin đừng lo. Tôi có thể đảm trách.’ Rồi Chuyển Luân Thánh vương muốn thử báu Chủ binh, bèn tập hợp bốn binh chủng, bảo rằng: ‘Người nay hãy điều binh. Chưa tập hợp thì tập hợp lại. Đã tập hợp thì giải tán. Chưa nghiêm, hãy làm cho nghiêm. Đã nghiêm, hãy cởi mở. Chưa đi, hãy khiến đi. Đã đi, hãy khiến dừng.’ Báu Chủ binh nghe vua nói xong, bèn điều động bốn binh chủng, Chưa tập hợp thì tập hợp lại. Đã tập hợp thì giải tán. Chưa nghiêm, làm cho nghiêm. Đã nghiêm, thì cởi mở. Chưa đi, thì khiến đi. Đã đi, thì khiến dừng. Khi ấy Chuyển Luân Thánh vương phẫn khởi nói rằng: ‘Báu Chủ binh này thật sự là điềm lành của ta. Ta nay thật sự là Chuyển Luân Thánh vương.’**

**“Đó là sự thành tựu báu Chủ binh.**

**“Thế nào là bốn thân đức[174]? Một là không ai bì kịp về tuổi thọ, không yếu số. Hai, không ai bì kịp về thân thể cường tráng, không bệnh hoạn. Ba, không ai bì kịp về nhan mạo đoan chánh. Bốn, không ai bì kịp về sự giàu có, kho tàng châu báu đầy dẫy.**

**“Đó là Chuyển Luân Thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thân đức.**

**“Vào một lúc, rất lâu về sau, Chuyển Luân Thánh vương ra lệnh ngự giá xuất du ở hậu viên, bèn bảo người đánh xe: ‘Người hãy đánh xe đi cho khéo. Ta muốn quan sát rõ nhân dân trong quốc thổ có an lạc, không tai họa gì chẳng.’**

**“Bấy giờ nhân dân trong nước đứng dọc các con đường, nói với người đánh xe rằng: ‘Ông cho xe đi chậm lại. Chúng tôi muốn nhìn ngắm rõ uy nhan của Thánh vương.’**

**“Chuyển Luân Thánh vương thương yêu chăm sóc nhân dân như cha yêu con. Quốc dân mến mộ vua cũng như con trông lên cha. Có những gì trân quý đều đem cống vua, tâu rằng: ‘Xin nguyện hạ cố thọ nhận, tùy ý sử dụng.’ Khi ấy vua trả lời: ‘Thôi đủ rồi, các người! Ta tự mình có đủ tài bảo. Các người hãy tự thọ dụng của mình.’**



**“Khi Chuyển Luân Thánh vương cai trị Diêm-phù-đề này, cõi đất ấy bằng phẳng, không có gai gổc, hầm hố, gò nổng; cũng không có muỗi mòng, ruồi nhặng, ong, bò cạp, rắn rết, sâu độc, đá cát, sạn sỏi; tất cả lặn mất. Vàng, bạc, báu ngọc hiện lên mặt đất. Bốn mùa điều hòa, không nóng, không lạnh. Đất ấy mềm mại, không có bụi bẩn. Như đất được bôi dầu, sạch sẽ, trơn láng, không có bụi bẩn. Khi Chuyển Luân Thánh vương cai trị ở đời, cõi đất cũng như vậy. Từ đất tuôn ra các dòng suối, trong sạch, không bao giờ cạn, sanh loại cỏ mềm mại, mùa đông vẫn xanh tươi. Cây cối sâm uất, hoa trái xum xuê. Đất sanh [121a] cỏ mềm, màu như đuôi lông công, mùi hương hoa bà-sư[175], mềm mại như lụa trời. Khi đạp chân xuống đất; đất lõm xuống bốn tấc. Khi dõ chân lên, đất trở lại như cũ, không có chỗ khuyết rỗng. Có loại lúa tẻ mọc tự nhiên[176], có không có vỏ trấu, đủ các mùi vị. Bấy giờ có cây hương, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, trái tự nhiên nứt, tỏa ra mùi hương tự nhiên; hương thơm sức nức. Lại có cây vải, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại vải khác nhau. Lại có cây trang sức, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các đồ trang sức khác nhau. Lại có cây tràng hoa, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại**

tràng hoa khác nhau. Lại có cây dụng cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các thứ dụng cụ khác nhau. Lại có cây nhạc cụ, hoa trái xum xuê. Khi trái chín, vỏ nó tự nứt ra, cho ra các loại nhạc cụ khác nhau.

“Khi Chuyển Luân Thánh vương cai trị ở đời, Long vương A-nậu-đạt, vào lúc giữa đêm và cuối đêm, nổi lên đám mây lớn dày đặc, giăng bủa khắp cả thế giới, trút xuống cơn mưa lớn. Như trong khoảng thời gian vắt sữa bò; mưa xuống thứ nước có tám vị, thấm ướt khắp nơi. Đất không đọng nước, cũng không bùn sình,[177] thấm nhuần, đầm ướt, sanh trưởng các loại cỏ cây. Cũng như thợ hút tóc, rưới nước tràng hoa, khiến hoa tươi thắm, không để héo úa. Những cơn mưa phải thời thấm nhuần cũng như vậy.

“Lại nữa, bây giờ vào lúc giữa đêm và cuối đêm, bầu trời trong sáng, tịnh không chút mây, từ biển nổi cơn gió mát, trong sạch mát dịu, chạm đến thân thể khiến sanh khoan khoái.

“Khi Thánh vương cai trị, trong cõi Diêm-phù-đề này ngũ cốc dồi dào, nhân dân đông đúc, tài bảo phong phú, không thiếu thốn thứ gì.

“Đương thời, Chuyển Luân Thánh vương trị nước đúng theo pháp, không có dua vạ, tu

**mười hành vi thiện. Lúc bấy giờ, nhân dân cũng tu chánh kiến, đủ mười hành vi thiện.**

**“Một thời gian lâu, rất lâu về sau, vua nhuốm bệnh nặng mà mạng chung. Cũng như một người do sung sướng mà ăn hơi nhiều, thân thể có hơi không thích hợp[178], cho nên mạng chung, sanh lên cõi trời. Khi ấy, báu Ngọc nữ, báu Cư sĩ, báu Chủ binh, cùng nhân dân trong nước tấu các kỹ nhạc, làm lễ táng thân vua. Rồi báu Ngọc nữ, báu Cư sĩ, báu Chủ binh và sĩ dân trong nước, tắm gội thân thể vua bằng nước thơm, quấn quanh bằng năm trăm tấm lụa kiếp-bồi; theo thứ lớp mà quấn. Rồi khiêng thi thể vua đặt vào quan tài bằng vàng, rưới lên dầu thơm, bọc bên ngoài cỗ quách bằng sắt; rồi lại dùng một cỗ quách bằng gỗ bao ngoài bằng lớp vải. [121b] Chặt các củi thơm, phủ lên nhiều lớp vải. Sau đó thì hỏa táng.[179] Ở ngã tư đường dựng tháp bảy báu, dọc ngang một do-tuần, xen kẽ nhiều màu sắc được tạo thành bởi bảy báu. Ở bốn mặt tháp, mỗi mặt có một cửa, bao quanh bằng lan can được làm bằng bảy báu. Khoảng đất trống chung quanh bốn mặt tháp dọc ngang năm do-tuần. Có bảy lớp tường bao quanh vườn, với bảy lớp lan can, bảy lớp lười, bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng, cửa bằng bạc; tường bằng bạc, cửa bằng vàng. Tường lưu ly, cửa thủy tinh; tường thủy tinh, cửa lưu**

**ly. Tường xích châu, cửa mã não; tường mã não, cửa xích châu. Tường xa cừ, cửa bằng các loại báu.**

**“Về lan can, thanh ngang bằng vàng, thanh đứng bằng bạc; thanh đứng bằng bạc, thanh ngang bằng vàng. Thanh ngang thủy tinh, thanh đứng lưu ly; thanh đứng lưu ly, thanh ngang thủy tinh. Thanh ngang xích châu, thanh đứng mã não; thanh ngang mã não, thanh đứng xích châu. Thanh ngang bằng xa cừ, thanh đứng bằng các thứ báu khác.**

**“Dưới lớp lưới bằng vàng treo linh bằng bạc, lưới bạc treo linh vàng. Dưới lưới lưu ly treo linh thủy tinh, dưới lưới thủy tinh treo linh lưu ly. Dưới lưới xích châu treo linh mã não, dưới lưới mã não treo linh xích châu. Dưới lưới xa cừ treo linh bằng các thứ báu khác.**

**“Cây bằng vàng thì lá, hoa, trái bằng bạc. Cây bạc thì lá, hoa, trái vàng. Cây lưu ly, hoa lá thủy tinh; cây thủy tinh, hoa lá lưu ly. Cây xích châu, hoa lá mã não; cây mã não, hoa lá xích châu. Cây xa cừ, hoa lá bằng các thứ báu khác.**

**“Bốn vách tường của vườn lại có bốn cửa, bao quanh bằng lan can. Trên tường đều có lầu các, đài báu. Bốn mặt tường có các vườn cây, suối, hồ tắm, sinh nhiều loại hoa khác nhau;**

**cây cối sâm uất, hoa trái xum xuê, các loại hương thơm sực nức. Nhiều giống chim lạ ca hát điệu buồn. Khi tháp được dựng xong, báu ngọc nữ, báu cư sĩ, báu điển binh, và sĩ dân cả nước đều đến cúng dường tháp này. Họ bố thí cho những người nghèo khổ, cần ăn thì cho ăn; cần mặc thì cho mặc. Voi, ngựa, xe cộ, các thứ cần dùng đều được chu cấp, tùy ý mà cho.**

**“Công đức oai thần của Chuyển Luân Thánh vương, sự tích là như vậy.”[180]**

#### **Phẩm 4: ĐỊA NGỤC**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Bên ngoài của bốn châu thiên hạ này, có tám nghìn thiên hạ bao quanh [121c] ngoài. Lại có biển lớn bao quanh tám nghìn thiên hạ. Kế đó có núi Đại Kim Cang[181] bao bọc biển lớn. Bên ngoài núi Đại Kim Cang này lại có núi Đại Kim Cang thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm; mặt trời, mặt trăng, các vị thần, trời dù có uy lực cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được.**

**“Ở nơi này có tám địa ngục lớn[182], mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Địa ngục lớn thứ nhất gọi là Tưởng[183]. Thứ hai là địa ngục Hắc thẳm[184]. Thứ ba là địa ngục Đồi áp[185]. Thứ tư là địa ngục Khiếu hoán[186].**

**Thứ năm là địa ngục Đại khiêu hoán[187].  
Thứ sáu là địa ngục Thiêu chích[188]. Thứ  
bảy là địa ngục Đại thiêu chích[189]. Thứ tám  
là địa ngục Vô gián[190].**

**“Trong địa ngục Tưởng có mười sáu ngục  
nhỏ[191]; mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm  
trăm do-tuần. Ngục nhỏ thứ nhất là Hắc sa,  
hai là Phất thi, ba là Ngũ bách đĩnh, bốn là Cơ,  
năm là Khát, sáu là một Đồng phủ, bảy là Đa  
đồng phủ, tám là Thạch ma, chín là Nùng  
huyết, mười là Lượng hỏa, mười một là Hôi  
hà, mười hai là Thiết hoàn, mười ba là Cân  
phủ mười bốn là Sài lang, mười lăm là Kiếm  
thọ, mười sáu là Hàn băng.**

**“Vì sao gọi là địa ngục Tưởng?[192] Vì chúng  
sinh ở trong đó, trên tay của chúng mọc  
móng sắt; móng này vừa dài vừa bén. Chúng  
thù hận nhau, luôn có ý tưởng độc hại, dùng  
móng tay cào cấu lẫn nhau, chạm tay vào chỗ  
nào là chỗ đó thịt rớt xuống, tưởng là đã chết;  
có cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sinh ra trở  
lại, giây lát chúng sống lại, đứng dậy, tự mình  
có ý tưởng rằng: ‘Ta nay đã sống lại.’ Chúng  
sinh khác nói: ‘Ta có ý tưởng người đang  
sống.’ Vì sự tưởng này cho nên gọi là địa ngục  
Tưởng[193].**

**“Lại nữa, chúng sinh ở trong địa ngục Tưởng  
này, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc hại, phá hại**

**lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm tự nhiên[194], vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, bầm nát thân thể rất xuống đất, và họ tưởng mình đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại đứng dậy, tự nghĩ và nói: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta cũng nghĩ là người đã sống lại.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.**

**"Lại nữa, những chúng sanh ở trong địa ngục Tưởng đó, lúc nào cũng ôm trong lòng ý tưởng độc hại; chúng quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, thân thể rã rời dưới đất, tưởng là đã chết, nhưng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng người đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.**

**"Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm lòng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, và tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giây lát sống lại đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh**

khác nói: 'Ta có ý tưởng người đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại dao bóng đầu[195], vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, [122a] da thịt sanh ra lại, giầy lát sống lại, đứng dậy, tự có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng người đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh lúc nào cũng ôm ý tưởng độc hại, quấy phá lẫn nhau. Tay chúng cầm một loại dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da xẻ thịt, tưởng là đã chết, nhưng bỗng một cơn gió lạnh thổi đến, da thịt sanh ra lại, giầy lát sống lại, đứng dậy, tự mình có ý tưởng rằng: 'Ta nay đã sống lại.' Chúng sanh khác nói: 'Ta có ý tưởng người đang sống.' Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng.

“Những chúng sanh ở trong đó, sau khi chịu khổ lâu, ra khỏi địa ngục Tưởng, hoảng hốt chạy càn để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Hắc sa.[196]Bấy giờ, có một cơn gió nóng dữ dội



**bốc lên, thổi cát đen nóng dính vào thân nó, khiến toàn thân đều đen, giống như đám mây đen. Cát nóng đốt da, hết thịt, vào tận xương. Sau đó, trong thân tội nơn có một ngọn lửa đen bộc phát, đốt cháy quanh thân rồi vào bên trong, chịu các khổ não, bị thiêu nướng, cháy nám. Vì nhân duyên tội, nên chịu khổ báo này. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nơn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ khá lâu ở trong đó, nó ra khỏi địa ngục Hắc sa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, nên bất ngờ lại đến địa ngục Phất thi.[197] Trong địa ngục này có những hòn sắt là phân sôi tự nhiên đây dẫy trước mặt, đuổi bức tội nơn phải ôm hòn sắt nóng, đốt cháy thân và tay, đến đầu và mặt tội nơn; không đâu là không bị đốt cháy; lại khiến cho tội nơn bốc hòn sắt bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, từ yết hầu đến bụng, từ trên đến dưới đều bị cháy tiêu hết. Có một loài trùng mỏ sắt ăn da thịt, tận cả xương tủy, đau đớn nhức nhối, lo sợ vô cùng. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nơn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ lâu ở trong địa ngục Phất thi, tội nơn ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Thiết đỉnh[198]. Sau khi**

**đã vào đó, ngục tốt đánh tội nhân cho té xuống, nằm mọp trên sắt nóng, căng thẳng thân thể nó ra, dùng đinh đóng tay, đóng chân, đóng vào tim. Toàn thân bị đóng hết thảy năm trăm cái đinh. Nó đau đớn nhức nhối, kêu la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhơn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục Thiết đinh, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Đói.[199] Ngục tốt đến hỏi: ‘Các người đến đây muốn điều gì?’ Tội nhơn đáp: ‘Tôi đói quá.’ Tức thì ngục tốt bắt tội nhơn quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, dùng móc câu cạy miệng cho há ra, rồi lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng, đốt cháy môi lưỡi, từ [122b] cổ họng cho đến bụng, chạy tuốt xuống dưới, không chỗ nào không đốt cháy, đau rát nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhơn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục Đói, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục Khát.[200] Ngục tốt liền hỏi: ‘Các người đến đây, muốn cầu điều gì?’ Tội nhơn đáp: ‘Tôi khát quá.’ Ngục tốt liền bắt tội nhơn quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhơn ra, lấy nước đồng**

sôi rót vào trong miệng đốt cháy môi, lưỡi, từ cổ cho đến bụng, suốt từ trên xuống dưới, không chỗ nào không đốt cháy, đau rát nhức nhối, khóc la rên xiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Khát, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, không ngờ lại đến địa ngục một Đồng phúc[201]. Ngục tốt trợn mắt giận dữ, nắm chân tội nhờn ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, từ đáy đến miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu như. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu như. Tội nhờn trôi lên sục xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy. Kêu gào bi thảm, hàng vạn độc hại cùng đến; nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục một Đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, bất ngờ lại rơi vào địa ngục Đa đồng phúc. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt trợn mắt giận dữ, nắm chân tội nhờn ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, từ đáy đến

miệng, rồi từ miệng cho đến đáy, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị nấu như. Cũng như nấu đậu, hạt đậu tùy theo nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều được nấu như. Tội như trời lên sụp xuống trong vạc dầu sôi cũng như vậy, tùy theo nước sôi mà trời lên sụp xuống, từ miệng vạc cho đến đáy vạc, rồi từ đáy cho đến miệng, hoặc tay chân nổi lên, hoặc lưng bụng nổi lên, hoặc đầu mặt nổi lên. Ngục tốt dùng lưới câu móc để trong vạc đồng khác. Nó kêu khóc thảm thiết, đau đớn nhức nhối. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội như không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội như ra khỏi địa ngục Đa đồng phúc, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Thạch ma.[202] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Ngục tốt thịnh nộ, bắt tội như quăng lên tảng đá nóng, căng tay chân ra, dùng đá tảng nóng lớn đè trên thân tội như, mài tới mài lui làm cho xương nát vụn, máu [122c] mủ chảy ra, đau đớn nhức nhối, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội như không chết được.

“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội như ra khỏi địa ngục Thạch ma, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo,

**không ngờ lại rơi vào địa ngục Nùng huyết.[203]Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này tự nhiên có máu mủ nóng sôi sục trào vọt. Tội nhờn ở trong đó chạy Đông, chạy Tây, bị máu mủ sôi nóng luộc chín toàn thân, đầu, mặt, tay, chân, tất cả đều nát như. Tội nhờn còn phải ăn máu mủ nóng, miệng, môi đều bị bỏng, từ cổ cho đến bụng, suốt trên xuống dưới không chỗ nào không nát như, đau đớn nhức nhối, không thể chịu nổi. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Nùng huyết, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo, không ngờ lại rơi vào địa ngục Lượng hỏa.[204]Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có một đồng lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt, lửa cháy hừng hực. Ngục tốt hung dữ, bắt tội nhờn tay cầm cái đầu bằng sắt, để đóng đồng lửa ấy. Khi họ đóng lửa, thì lửa đốt cháy tay chân và cả toàn thân, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.**

**“Sau một thời gian, chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Lượng hỏa, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng bị tội đời trước lôi kéo,**

không ngờ lại rơi vào địa ngục Hôi hà.[205] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần, sâu năm trăm do-tuần. Tro sôi sùng sục, độc khí xông lên phừng phực, các dòng xoáy vỗ nhau, âm vang thật đáng sợ, từ đáy lên bên trên có gai sắt dọc ngang với mũi nhọn dài tám tấc. Bên bờ sông lại có một loại dao kiếm dài, có cả ngục tốt, sài lang. Hai bên bờ sông mọc những đao kiếm dài, nhánh, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, cỡ tám tấc, đứng bên là những ngục tốt, sài lang. Trên bờ sông có rừng mà cây là gươm với cành, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, mũi nhọn tám tấc. Tội nhờn vào trong sông, tùy theo lượn sóng lên xuống, mà trôi lên hụp xuống. Toàn thân đều bị gai sắt đâm thủng từ trong ra ngoài, da thịt nát bét, máu mủ dầm dề, đau đớn muôn chiều, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Hôi hà, lên được trên bờ, nhưng ở trên bờ lại có nhiều gươm dao sắc bén đâm thủng toàn thân, tay chân bị thương tổn. Bấy giờ quỷ sứ hỏi tội nhờn: ‘Các người đến đây muốn cầu điều chi? Tội nhờn đáp: ‘Chúng tôi đói quá.’ Ngục tốt liền bắt tội nhờn quăng lên sắt nóng, căng thân thể ra rồi dùng móc câu cạy miệng tội nhờn ra, lấy nước đồng sôi rót

vào, cháy bỏng môi, lưỡi, từ cổ đến bụng, suốt [123a] trên xuống dưới, không chỗ nào không rục. Lại có loài lang sói răng nanh vừa dài vừa bén đến cắn tội nhờn, ăn thịt khi tội nhờn đang sống. Rồi thì, tội nhờn bị sông tro đun nấu, bị gai nhọn đâm thủng, bị rút nước đồng sôi vào miệng, và bị sài lang ăn thịt xong, thì lại leo lên rừng kiếm; khi leo lên rừng kiếm thì bị đao kiếm chia xuống; khi tuột xuống rừng kiếm thì bị đao kiếm chia lên, khi tay nắm thì cụt tay, chân dẫm lên thì cụt chân; mũi nhọn đâm thủng toàn thân từ trong ra ngoài, da thịt rơi xuống, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng, gân cốt liên kết với nhau. Bây giờ, trên cây kiếm có một loại quạ mỏ sắt đến mổ nát đầu và xương để ăn não của tội nhờn. Nó đau đớn nhức nhối kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được, lại bị trở lại địa ngục Hôi hà. Tội nhờn này theo lượn sóng lên xuống, mà trôi lên sụp xuống, gươm dao đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt tan nát, máu mủ đầm đìa, chỉ còn xương trắng trôi nổi bên ngoài. Bây giờ, có một cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt phục hồi, giầy lát nó đứng dậy đi, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình, nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhờn lại không ngờ sa vào địa ngục Thiết hoàn.[206]Địa ngục này ngang dọc năm trăm

**do-tuần. Khi tội nhờn vào đây, thì tự nhiên có những hòn sắt nóng hiện ra trước mặt. Ngục quỷ cưỡng bức tội nhân nắm bắt, tay chân rã rời, toàn thân lửa đốt, đau đớn kêu la thảm, muôn vàn khổ độc dồn đến chết. Nhưng vì tội chưa hết, nên khiến cho tội nhờn không chết được.**

**“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Thiết hoàn, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhờn bất ngờ lại sa vào địa ngục Cân phủ.[207] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhờn vào địa ngục này, ngục tốt hung dữ, bắt tội nhờn để trên bàn sắt nóng, dùng búa rìu bằng sắt nóng chặt thân thể, tay, chân, cắt tai, xẻo mũi, làm cho đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội chưa hết, nên họ không chết được.**

**“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Cân phủ, hoảng hốt chạy càn, để tự cứu mình; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhờn không ngờ lại sa vào địa ngục Sài lang.[208] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhờn vào địa ngục này, thì có bầy lang sói tranh nhau cắn xé tội nhờn, làm cho da thịt nhầy nhụa, xương gãy, thịt rơi, máu chảy đầm đìa, làm đau đớn muôn**



vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên họ không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Sài lang, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhờn bất ngờ lại sa vào địa ngục Kiếm thọ.[209] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhờn vào địa ngục này, thì có một cơn gió mãnh liệt [123b] nổi lên, thổi lá cây bằng gươm dao rớt trên thân thể tội nhờn, hễ chạm vào tay thì cụt tay, dính vào chân thì cụt chân, thân thể, đầu mặt không đâu là không bị thương hoại. Có một loại quạ mỏ sắt, đứng trên đầu mỏ đôi mắt tội nhờn, làm cho đau đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết; nhưng vì tội cũ chưa hết, nên không chết được.

“Sau một thời gian chịu khổ lâu, tội nhờn ra khỏi địa ngục Kiếm thọ, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhờn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hàn băng.[210] Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhờn vào địa ngục này, thì có một cơn gió lạnh buốt, thổi đến làm cho thân thể bị lạnh cóng, máu huyết đông đặc, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh, làm họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Sau đó thì mạng chung.”

## **Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục lớn Hắc thẳng[211] có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Hắc thẳng? Vì ở đó các ngục tốt bắt tội nhưn quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra rồi dùng sợi dây sắt kéo ra cho thẳng, rồi dùng búa bằng sắt nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhưn kia thành trăm nghìn đoạn. Giống như thợ mộc dùng dây kẻ vào cây rồi dùng búa bẻn theo đường mực mà bở ra thành trăm nghìn đoạn, thì cách hành hạ tội nhưn ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhưn không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Hắc thẳng.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng bắt tội nhưn quăng lên bàn sắt nóng, căng thân hình ra, dùng dây sắt nóng kéo ra cho thẳng, dùng cưa để cưa tội nhưn. Giống như người thợ mộc dùng dây mực kẻ trên thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây, thì cách hành hạ tội nhưn ở đây cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhưn không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc thẳng.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng bắt tội nhưn quăng lên bàn sắt nóng, căng thân**

**thể ra, dùng dây sắt nóng để trên thân tội  
nhơn, làm cho da thịt bị thiêu đốt, tiêu xương  
chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể diễn tả  
hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội  
nhơn không thể chết được. Vì thế gọi là địa  
ngục Hắc thẳng.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Hắc thẳng dùng  
vô số dây sắt nóng treo ngang, rồi bắt tội  
nhơn đi giữa những sợi dây này, lúc đó lại có  
cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt  
nóng quăn vào thân, đốt cháy da thịt, tiêu  
xương chảy tủy đau đớn vô cùng, không thể  
diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết,  
nên tội nhơn không thể chết được. Vì thế gọi  
là địa ngục Hắc thẳng.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở trong địa ngục Hắc thẳng  
buộc tội nhơn mặc áo bằng dây sắt nóng,  
[123c] đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy  
đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được.  
Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không  
thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Hắc  
thẳng.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi  
địa ngục Hắc thẳng, hoảng hốt chạy càn,  
mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi  
kéo, tội nhơn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc  
sa... cho đến địa ngục Hàn băng. Sau đó thì  
tội nhơn mạng chung.”**

## **Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục lớn Đôi áp[212] có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đôi áp? Vì trong ngục đó có núi đá lớn, từng cặp đối nhau. Khi tội nhơn vào giữa thì hai hòn núi tự nhiên khép lại, ép thân thể tội nhơn, xương thịt nát vụn, xong rồi trở lại vị trí cũ, giống như hai thanh củi cọ vào nhau, khi cọ xong dang ra, thì cách trị tội nhơn của địa ngục này cũng như vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.**

**“Lại nữa, ở địa ngục Đôi áp, có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa, vừa kêu rống, vừa chạy đến dày xéo thân thể tội nhơn, dẫm đi dẫm lại, làm cho thân thể bị nghiền nát, máu mủ tuôn chảy, đau đớn muôn vàn, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.**

**“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhơn đặt lên bàn đá mài, rồi lấy đá mài mà mài, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy dầm dề, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn**

**không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.**

**“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhơn nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy một tảng đá khác đè lên, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.**

**“Lại nữa, các ngục tốt ở địa ngục Đôi áp, bắt tội nhơn nằm trong các cối sắt, rồi dùng chày sắt để giã tội nhơn, từ đầu đến chân, làm cho xương thịt vụn nát, máu mủ chảy đầm đìa, đau đớn nhức nhối, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đôi áp.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục Đôi áp, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhơn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhơn mạng chung.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục lớn Khiếu hoán[213] có mười sáu địa ngục nhỏ bao [124a] quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong**

**ngục này bắt tội nhờn bỏ vào trong vạc lớn, với nước nóng sôi sục, nấu như tội nhờn, khiến chúng kêu la gào thét, đau đớn nhức nhối, muôn vàn độc hại. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhờn bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhờn, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhờn bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhờn, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì thế nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhờn ném vào trong nồi nhỏ, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhờn, khiến chúng đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Khiếu hoán bắt tội nhờn bỏ lên trên cái nồi hầm, hầm đi hầm lại, khiến cho kêu gào, la thét, đau đớn vô**

**cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Khiếu hoán.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhơn không ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa ... cho đến địa ngục Hàn băng, và sau đó thì tội nhơn mạng chung.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục Đại khiếu hoán[214] lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại khiếu hoán? Vì các ngục tốt trong ngục này bắt tội nhơn bỏ vào trong nồi sắt lớn, dùng nước nóng sôi sục, nấu như tội nhơn, khiến chúng kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiếu hoán bắt tội nhơn bỏ vào trong vò sắt lớn, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhơn, khiến họ đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiếu hoán**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiêu hoán bắt tội nhơn bỏ vào trong vạc sắt, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhơn, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiêu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiêu hoán bắt tội nhơn bỏ vào trong nồi nhỏ, dùng nước sôi sùng sục, nấu như tội nhơn, khiến chúng đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục [124b] Đại khiêu hoán.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục Đại khiêu hoán, bắt tội nhơn ném lên trên chảo lớn, rồi trở qua trở lại tội nhơn, khiến kêu la gào thét, kêu la lớn, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại khiêu hoán.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhơn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, rồi sau đó thì tội nhơn mạng chung.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục lớn Thiêu chích, [215] có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Vì sao gọi**



**là địa ngục lớn Thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục đó bắt tội nhơn vào trong thành sắt. Thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội**

**nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trong nồi hầm lớn, rồi cho nồi này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu chích.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhơn [124c] bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, và sau đó thì tội nhơn mạng chung.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Địa ngục Đại thiêu chích có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; mỗi ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Đại thiêu chích? Vì các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nhơn vào trong thành sắt, rồi cho thành này bốc cháy, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, khiến họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Thiêu nướng lớn.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trên lầu sắt, rồi cho lầu bốc cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.**

**“Lại nữa, ngục tốt ở địa ngục này, bắt tội nhơn bỏ vào trong lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này bốc cháy, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhơn, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.**

**“Lại nữa, ở địa ngục này, thiêu nướng nhiều lần, tự nhiên có hầm lửa lớn, lửa cháy phừng phừng, hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. Các ngục tốt ở đây bắt tội nhơn ghim vào trên**

chia sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, làm cho thân thể bị thiêu nướng, thiêu nướng nhiều lần, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Đại thiêu chích.

“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nơn ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội nơn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho đến địa ngục Hàn băng, và sau đó thì tội nơn mạng chung.”

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

“Địa ngục lớn Vô gián, [216] có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục lớn Vô gián? Vì [125a] các ngục tốt trong địa ngục này, bắt tội nơn lột da từ đầu đến chân, rồi dùng da ấy cột thân tội nơn vào bánh xe lửa, rồi cho xe lửa chạy đi chạy lại trên nền sắt nóng, làm cho thân thể nát tan, da thịt rời ra từng mảnh, khiến đau đớn vô cùng kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.

“Lại nữa, ở địa ngục này, có thành sắt lớn [217], bốn mặt thành lửa cháy dữ dội,

**ngọn lửa từ Đông lan sang Tây, ngọn lửa từ Tây lan sang Đông, ngọn lửa từ Nam lan đến Bắc, ngọn lửa từ Bắc lan đến Nam, ngọn lửa từ trên lan xuống dưới, ngọn lửa từ dưới lan lên trên, lửa cháy vòng quanh, không có một chỗ nào trống. Tội nhờn ở trong đây cứ chạy Đông chạy Tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt cháy nám, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.**

**“Lại nữa, ở địa ngục Vô gián này có thành bằng sắt, lửa cháy hừng hực, tội nhờn bị lửa đốt thân, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội nhờn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.**

**“Lại nữa, tội nhờn ở địa ngục Vô gián này, sau thời gian chịu khổ lâu thì cửa mở, tội nhờn liền chạy về hướng cửa mở, trong khi chạy thì các bộ phận của thân đều bốc lửa, cũng như chàng lực sĩ tay cầm bó đuốc lớn bằng cỏ, chạy ngược gió, lửa ấy cháy phừng phực, khi tội nhờn chạy lửa cũng bốc phát như vậy. Khi chạy đến gần cửa, tự nhiên cửa khép lại. Tội nhờn bò càng, nằm phục trên nền sắt nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, như muôn thứ độc cùng kéo đến**

**một lúc. Nhưng vì tội cũ chưa hết, nên tội  
nhơn không thể chết được. Vì vậy nên gọi là  
địa ngục Vô gián.**

**“Lại nữa, tội nhơn ở địa ngục Vô gián này,  
những gì mà mắt thấy, chỉ thấy toàn là màu  
ác; những gì tai nghe, toàn là âm thanh ác;  
những gì mũi ngửi, toàn là mùi thối ác; những  
gì thân xúc chạm, toàn là những sự đau đớn;  
những gì ý nhớ, chỉ nghĩ điều ác. Lại nữa, tội  
nhơn ở nơi đây, trong khoảnh khắc búng tay,  
không có một giây phút nào là không khổ. Vì  
vậy nên gọi là địa ngục Vô gián.**

**“Sau thời gian chịu khổ lâu, tội nhơn ra khỏi  
địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu  
cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo, tội  
nhơn bất ngờ lại sa vào địa ngục Hắc sa... cho  
đến địa ngục Hàn băng lạnh, và sau đó thì tội  
nhơn mạng chung.”**

**Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ:**

**Thân làm nghiệp bất thiện,**

**Miệng, ý cũng bất thiện,**

**[125b] Đều vào địa ngục Tưởng,**

**Sợ hãi, lông dựng đứng.**

**Ý ác đối cha mẹ,**

**Phật, và hàng Thinh văn,**

**Thì vào ngục Hắc thẳng,  
Khổ đau không thể tả.  
Chỉ tạo ba nghiệp ác,  
Không tu ba hạnh lành,  
Thì vào ngục Đôi áp,  
Khổ đau nào tả được.  
Ôm lòng sân độc hại,  
Sát sanh máu nơ tay,  
Tạo linh tinh hạnh ác,  
Vào địa ngục Khiếu hoán.  
Thường tạo những tà kiến,  
Bị lưới ái phủ kín;  
Tạo hạnh thấp hèn này,  
Vào ngục Đại khiếu hoán.  
Thường làm việc thiêu nướng,  
Thiêu nướng các chúng sanh;  
Sẽ vào ngục Thiêu chích,  
Bị thiêu nướng luôn luôn.  
Từ bỏ nghiệp thiện quả,  
Quả thiện, đạo thanh tịnh;**

**Làm các hạnh tệ ác,  
Vào ngục Đại thiên chích.  
Tạo tác tội cực nặng,  
Tất sinh nghiệp đường ác;  
Vào địa ngục Vô gián,  
Chịu tội không thể tả.  
Ngục Tượng và Hắc thẳng,  
Đôi áp, hai Khiếu hoán;  
Thiên chích Đại thiên chích,  
Vô gián là thứ tám.  
Tám địa ngục lớn này,  
Hoàn toàn rục màu lửa;  
Tai họa do ác xưa,  
Có mười sáu ngục nhỏ.  
Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Giữa hai ngọn núi Đại Kim cang kia có cơn  
gió lớn thổi lên, tên là Tăng-khu[218]. Nếu  
như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ,  
và tám mươi nghìn thiên hạ khác, thì gió sẽ  
thổi đại địa này và các danh sơn cùng chúa  
Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến  
trăm dặm, tung lên bay liệng giữa trời; tất cả  
thảy đều vỡ vụn. Giống như tráng sĩ tay nắm**



**một nắm trấu nhẹ tung lên giữa hư không. Dưới ngọn gió lớn kia, giả sử thổi vào thiên hạ này, cũng giống như vậy. Vì có hai ngọn núi Đại Kim cang ngăn chặn ngọn gió ấy, nên gió không đến được. Nay Tỳ-kheo, nên biết, hai ngọn núi Đại Kim cang này có rất nhiều lợi ích, và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên.**

**“Lại nữa, gió ở khoảng giữa hai núi này nóng hừng hực; nếu như gió này thổi đến bốn châu thiên hạ, thì những chúng sanh trong đó, và những núi non, biển cả, sông ngòi, cây cối, rừng rậm đều sẽ bị [125c] cháy khô. Cũng như giữa cơn nắng mùa hè, cắt một nắm cỏ non để ngay dưới mặt trời, cỏ liền khô héo, thì ngọn gió kia cũng như vậy; nếu ngọn gió đó thổi đến thế giới này, thì sức nóng đó sẽ tiêu rụi tất cả. Vì có hai ngọn núi Kim cang này ngăn chặn được ngọn gió đó, nên không thể đến đây được. Các Tỳ-kheo, nên biết, ngọn núi Kim cang này có rất nhiều lợi ích, và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.**

**“Lại nữa, gió giữa hai núi này hôi thối, bất tịnh, tanh tưởi nồng nặc; nếu như ngọn gió này thổi đến bốn châu thiên hạ này, thì sẽ xông lên làm cho chúng sanh bị mù lòa. Nhưng vì có hai núi Đại Kim cang này ngăn**

**chận nên ngọn gió ấy không thể đến được. Tỳ-kheo, nên biết, núi Kim cang này có rất nhiều lợi ích, và cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên vậy.**

**“Lại nữa, giữa hai núi này lại có mười địa ngục[219] : một là Hậu vân, hai là Vô vân, ba là Ha ha, bốn là Nại hà, năm là Dương minh, sáu là Tu-càn-đề, bảy là Ưu-bát-la, tám là Câu-vật-đầu, chín là Phân-đà-lợi, mười là Bát-đầu-ma. Vì sao gọi là địa ngục Hậu vân[220]? Vì tội nhờn trong ngục này tự nhiên sinh ra thân thể như đám mây dày, cho nên gọi là Hậu vân. Vì sao gọi là Vô vân? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, tự nhiên thân thể sinh ra như một cục thịt nên gọi là Vô vân[221]. Vì sao gọi là Ha-ha? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thì thân thể đau đớn, rồi rên la ‘ối ối!’, nên gọi là Ha ha. Vì sao gọi là Nại hà? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể đau khổ vô cùng, không có nơi nương tựa, nên thốt lên ‘Sao bây giờ!’, nên gọi là Nại hà! Vì sao gọi là Dương minh? Vì chúng sanh chịu tội trong ngục này, thường thân thể, đau đớn vô cùng, muốn thốt lên lời nhưng lưỡi không cử động được, chỉ giống như Dê kê, nên gọi là Dương minh. Vì sao gọi là Tu-càn-đề[222]? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu đen, cũng như màu hoa Tu-càn-đề, nên gọi là Tu-càn-đề. Vì sao**

**gọi là Ưu-bát-la? Vì trong ngục này chỉ toàn là màu xanh, như màu hoa ưu-bát-la, nên gọi là ưu-bát-la. Vì sao gọi là Câu-vật-đâu? Vì trong ngục này toàn là màu hồng, như màu hoa câu-vật-đâu, nên gọi là câu-vật-đâu. Vì sao gọi là Phân-đà-lợi? Vì trong ngục này toàn là màu trắng, như màu hoa phân-đà-lợi, nên gọi là phân-đà-lợi. Vì sao gọi là Bát-đâu-ma? Vì trong ngục này toàn là màu đỏ, cũng như màu hoa bát-đâu-ma, nên gọi là bát-đâu-ma.”**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Thí dụ[223] như có một cái thùng có sáu mươi bốn hộc, mỗi hộc đựng đầy [126a] hạt mè, và có một người cứ một trăm năm lấy đi một hộc, như vậy cho đến hết. Thời gian này vẫn chưa bằng thời gian chịu tội trong địa ngục Hộ vân. Chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Hộ vân bằng một tuổi ở địa ngục Vô vân; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Vô vân bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Ha-ha; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ha-ha, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Nại hà; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Nại hà, bằng chúng sanh một tuổi ở địa ngục Dương minh; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Dương minh bằng một tuổi ở ngục Tu-càn-đê; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Tu-càn-đê, bằng một tuổi ở địa ngục Ưu-bát-**

la; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la, bằng một tuổi ở địa ngục Câu-vật-đâu; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Câu-vật-đâu, bằng một tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi, bằng một tuổi ở địa ngục Bát-đâu-ma; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Bát-đâu-ma, thì gọi là một trung kiếp; hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp.

“Trong địa ngục Bát-đâu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhờn chỉ còn cách ngọn lửa khoảng trăm do-tuần cũng đã bị lửa thiêu nướng; nếu cách tội nhờn sáu mươi do-tuần, thì hai tai bị điếc, không còn nghe gì cả; nếu cách năm mươi do-tuần, thì đôi mắt bị mù lòa, không còn thấy gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê[224] dùng tâm độc ác, hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên sau khi mạng chung phải đọa vào địa ngục Bát-đâu-ma này.”

Bấy giờ, vị Phạm vương[225] liền nói bài kệ:  
Phàm con người ở đời,  
Búa rìu từ cửa miệng;  
Sở dĩ giết chết mình,  
Là do lời nói độc.  
Người đáng chê thì khen,

**Người đáng khen thì chê;  
Miệng làm theo nghiệp ác.  
Thân phải chịu tội ấy.  
Mánh lới cướp của cải,  
Tội ấy cũng còn nhẹ;  
Nếu hủy báng Thánh Hiền,  
Thì tội ấy rất nặng.  
Vô vân, tuổi trăm nghìn,  
Hậu vân, tuổi bốn một;  
Hủy Thánh mắc tội này,  
Do tâm, miệng làm ác.**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Vị Phạm thiên đã nói bài kệ như vậy, đó là lời nói chơn chánh, được đức Phật ấn khả. Vì sao? Vì nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chơn, Đẳng Chánh Giác, cũng nói ý nghĩa như vậy.**

**[126b] Phàm con người ở đời,  
Búa rìu từ cửa miệng;  
Sở dĩ giết chết mình,  
Là do lời nói độc.  
Người đáng chê thì khen,**

**Người đáng khen thì chê;  
Miệng làm theo nghiệp ác.  
Thân phải chịu tội ấy.  
Mánh lới cướp của cải,  
Tội ấy cũng còn nhẹ;  
Nếu hủy báng Thánh hiền,  
Thì tội ấy rất nặng.  
Vô vân, tuổi trăm nghìn,  
Hậu vân, tuổi bốn một;  
Hủy Thánh mắc tội này,  
Do tâm, miệng làm ác.**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Về phía Nam cõi Diêm-phù-đề, trong núi Đại kim cang có cung điện của vua Diêm-la, chỗ vua cai trị ngang dọc sáu nghìn do-tuần. Thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, và vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Tại chỗ vua Diêm-la cai trị, ngày đêm ba thời đều có vạc đồng lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Nếu vạc đồng đã xuất hiện ở trong cung thì nhà vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ ra ngoài cung; nếu vạc đồng xuất hiện ngoài cung thì vua cảm thấy sợ hãi, liền bỏ vào**

**trong cung. Có ngục tốt to lớn bắt vua Diêm-la nằm trên bàn sắt nóng, dùng móc sắt cạy miệng cho há ra rồi rót nước đồng sôi vào, làm cháy bỏng môi, lưỡi từ cổ đến bụng, thông suốt xuống dưới, không chỗ nào không chín nhừ. Sau khi chịu tội xong, nhà vua cùng thể nữ vui đùa. Các vị Đại thần ở đây lại cũng cùng hưởng phúc báo như vậy.”**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Có ba vị sứ giả.[226] Những gì là ba? Một là già, hai là bệnh, ba là chết. Nếu có chúng sanh nào thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Lúc này, ngục tốt dẫn tội như đến chỗ vua Diêm-la. Đến nơi rồi, thưa rằng: ‘Đây là người Thiên sứ cho đòi. Vậy xin Đại vương hỏi cung hẩn.’ Vua Diêm-la hỏi người bị tội: ‘Người không thấy sứ giả thứ nhất sao?’ Người bị tội đáp: ‘Tôi không thấy.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Khi nhà người còn ở trong loài người, có thấy người nào già nua, đầu bạc, răng rụng, mắt lờ, da thịt nhăn nheo, lưng còm chống gậy, rên rỉ mà đi, hay thân thể run rẩy, vì khí lực hao mòn; người có thấy người này không?’ Người bị tội đáp: ‘Có thấy.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Tại sao người không tự nghĩ rằng mình cũng sẽ như vậy?’ Người kia đáp: ‘Vì lúc đó tôi buông lung, không tự hay biết**

**được.’ Vua Diêm-la nói: ‘Người [126c] buông lung không tu tập thân, miệng và ý, bỏ ác mà làm lành. Nay Ta sẽ cho người biết cái khổ của sự buông lung.’ Vua lại nói tiếp: ‘Nay người phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tở, sứ giả; cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính người làm ác, nên chính người phải chịu tội’.**

**“Bấy giờ, vua Diêm-la cho hỏi tội nhờn về vị Thiên sứ thứ nhất xong, lại hỏi về Thiên sứ thứ hai: ‘Thế nào, nhà người có thấy vị Thiên sứ thứ hai không?’ Đáp rằng: ‘Không thấy.’ Vua lại hỏi: ‘Khi nhà người còn ở trong loài người, người có thấy kẻ bị bệnh tật, khốn đốn, nằm lăn lóc trên giường, thân thể lẫn lộn trên phần dãi hôi thối, không thể đứng dậy được; cần phải có người dứt cơm cho; đau nhức từng lóng xương, nước mắt chảy, rên rỉ, không thể nói năng được; người có thấy người như thế chẳng?’ Tội nhờn đáp: ‘Có thấy.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Tại sao nhà người không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị tai hoạn như vậy?’ Tội nhờn đáp: ‘Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Vì chính người buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không bỏ việc ác mà làm điều**



**lành. Nay ta sẽ cho người biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.’ Vua lại nói: ‘Nay người phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính người làm ác, nên chính người phải chịu tội.’**

**“Khi vua Diêm-la hỏi người bị tội về Thiên sứ thứ hai xong, bấy giờ lại hỏi về Thiên sứ thứ ba: ‘Thế nào, nhà người không thấy vị Thiên sứ thứ ba chứ?’ Đáp: ‘Không thấy.’ Vua Diêm-la hỏi tiếp: ‘Khi còn làm người, người có thấy người chết, thân hư hoại, mạng chung, các giác quan đều bị diệt hẳn, thân thể ngay đơ cũng như cây khô, vứt bỏ ngoài gò mả để cho cầm thú ăn thịt, hoặc để trong quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt chằng?’ Tội nơn đáp: ‘Có thấy.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Tại sao nhà người không tự nghĩ: rồi đây ta cũng sẽ bị chết như người đó không khác gì?’ Người bị tội đáp: ‘Vì khi ấy buông lung tôi không tự hay biết được.’ Vua Diêm-la nói tiếp: ‘Vì chính người buông lung, nên không thể tu tập thân, miệng và ý, không cải đổi việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho người biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.’ Vua lại nói: ‘Nay người phải chịu tội, không phải là lỗi của cha**

**mẹ, không phải là lỗi của anh em, cũng không phải là lỗi của Thiên đế, cũng không phải là lỗi của tổ tiên, cũng không phải là lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải là lỗi của Sa-môn, Bà-la-môn. Chính người làm ác, nên chính người phải chịu tội.’ Bây giờ, vua Diêm-la hỏi về Thiên sứ thứ ba xong, [127a] bèn giao lại cho ngục tốt. Khi đó ngục tốt liền dẫn đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một trăm do-tuần, sâu một trăm do-tuần.”**

**Bây giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ:**

**Bốn hướng có bốn cửa,  
Ngõ ngách đều như nhau;  
Dùng sắt làm tường ngục,  
Trên che võng lưới sắt.  
Dùng sắt làm nền ngục,  
Tự nhiên lửa bốc cháy;  
Ngang dọc trăm do-tuần,  
Đứng yên không lay động.  
Lửa đen phừng phực cháy,  
Dữ dội khó mà nhìn;  
Có mười sáu ngục nhỏ,**

**Lửa cháy do ác hạnh.**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Khi ấy vua Diêm-la tự nghĩ: ‘Chúng sanh ở thế gian, vì mê lầm không ý thức, nên thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do đó sau khi lâm chung, ít có ai không chịu khổ này. Nếu như những chúng sanh ở thế gian, sửa đổi điều ác, sửa thân, miệng, ý để thực hành theo điều lành, thì sau khi lâm chung sẽ được an vui như hàng Chư Thiên vậy. Sau khi ta lâm chung được sinh vào trong cõi người, nếu gặp được đức Như Lai, thì sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đem lòng tin trong sạch để tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Những điều cần làm đã làm xong, đã đoạn trừ sanh tử, tự mình tác chứng ngay trong hiện tại, không còn tái sinh’.”**

**Bấy giờ, đức Thế Tôn đọc bài kệ:**

**Tuy là thấy Thiên sứ,  
Nhưng vẫn còn buông lung;  
Người ấy thường âu lo  
Sanh vào nơi ti tiện.  
Nếu người có trí tuệ,  
Khi gặp thấy Thiên sứ,**

**Gần gũi pháp Hiền Thánh,  
Mà không còn buông lung.  
Thấy thụ sinh mà sợ,  
Do sanh, già, bệnh, chết.  
Không thụ sinh, giải thoát,  
Hết sanh, già, bệnh, chết.  
Người đó được an ổn.  
Hiện tại chứng vô vi,  
Đã vượt qua lo sợ,  
Chắc chắn nhập Niết-bàn.**

### **Phẩm 5: LONG ĐIỀU**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Có bốn loại rồng. Những gì là bốn? Một, sanh ra từ trứng; hai, sanh ra từ bào thai; ba, sanh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sanh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại rồng.**

**[127b] “Có bốn loại Kim sí điều[227]. Những gì là bốn? Một, sinh ra từ trứng; hai, sinh ra từ bào thai; ba, sinh ra từ nơi ẩm thấp; bốn, sinh ra từ hóa sinh. Đó là bốn loại Kim sí điều.**

**“Ở dưới đáy nước đại dương có cung điện của vua rồng Sa-kiệt[228], ngang dọc là tám vạn**

**do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Giữa hai ngọn núi chúa Tu-di cùng núi Khư-đà-la[229] có hai cung điện của vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà.[230] Mỗi cung điện ngang dọc sáu mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Phía Bắc bờ đại dương có một cây lớn tên là Cứu-la-thiểm-ma[231]. Loại cây này cả vua rồng và Kim sí điểu cũng có, gốc cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, tàn cây phủ chung quanh năm mươi do-tuần. Phía Đông của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ trứng, và cung điện của loài Kim sí điểu sinh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu nghìn do-tuần, tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Phía Nam của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ thai, và cung điện của**

**loài Kim-sí điều sinh ra từ thai. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu nghìn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Phía Tây của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ ẩm thấp, và cung điện của loài Kim-sí điều sinh ra từ nơi ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc sáu nghìn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Phía Bắc của cây lớn này có cung điện của loài vua rồng sinh ra từ hóa sinh, và cung điện của loài Kim-sí điều sinh ra từ hóa sinh. Mỗi cung điện ngang dọc là sáu nghìn do-tuần; tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, chung quanh trang hoàng bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ trứng, nếu muốn bắt loài rồng để ăn, thì từ nhánh phía Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la [127c] bay**

**xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng được sinh ra từ thai, từ âm thấp, từ hóa sinh được.**

**“Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ thai, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ thai muốn ăn loài rồng sinh ra từ thai, thì từ nhánh phía Nam của cây này bay xuống, và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, mới bắt loài rồng cũng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ âm thấp, từ hóa sinh được.**

**“Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ âm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, mới bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ âm thấp, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai**

**để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng cũng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ ẩm thấp muốn ăn loài rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống, và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt loài rồng cũng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Nhưng không thể bắt loài rồng sinh ra từ hóa sinh được.**

**“Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ hóa sanh, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn, thì từ nhánh phía Đông bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ trứng để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ biến hóa, nếu muốn bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn, thì từ nhánh phía Nam cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sinh ra từ thai để ăn một cách tùy ý tự tại. Khi nào loài Kim-sí điều sinh ra từ biến hóa muốn ăn loài rồng sinh ra từ ẩm thấp, thì từ nhánh phía Tây của cây này bay xuống, và dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rẽ ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, thì bắt**



**loài rồng sinh ra từ nơi ẩm thấp để ăn. Khi nào Kim-sí điểu sinh ra từ biến hóa, nếu muốn ăn loài rồng sinh ra từ biến hóa, thì từ nhánh phía Bắc cây này bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương; khi nước rã ra hai bên rộng một nghìn sáu trăm do-tuần, thì bắt loài rồng sanh ra từ biến hóa để ăn một cách tùy ý tự tại. Đó là loài rồng bị loài Kim-sí điểu ăn thịt.**

**“Tuy nhiên có những loại rồng lớn mà loài Kim-sí điểu không thể ăn thịt được. Đó là[232]: Vua rồng Sa-kiệt-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y-na-bà-la, [128a] Đề-đâu-lại-tra, Thiện-kiến, A-lô, Ca-câu-la, Ca-Tỳ-la, A-bà-la, Ca-nậu-đạt, Thiện-trú, Ưu-diệm-ca-bà-đâu, Đắc-xoa-ca. Đó là các loài vua rồng lớn không bị loài Kim-sí điểu bắt ăn thịt.”**

**Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Nếu có chúng sanh nào thọ trì giới rồng[233], tâm ý nghĩ đến loài rồng, đầy đủ pháp của rồng, thì sẽ sinh về trong loài rồng. Nếu có chúng sanh nào trì giới Kim sí điểu, tâm ý nghĩ đến loài Kim sí điểu, đầy đủ pháp của Kim sí điểu, thì sẽ sinh về trong loài Kim-sí điểu. Hoặc có chúng sanh trì giới của thỏ, tâm ý nghĩ về loài thỏ, cắt[234]; đầy đủ pháp của thỏ, thì sẽ sinh vào loài thỏ, cắt. Hoặc có chúng sanh trì giới của chó, hoặc trì giới của**

**trâu, hoặc trì giới của nai, hoặc trì giới cam, hoặc trì giới Ma-ni-bà-đà[235], hoặc trì giới lửa, hoặc trì giới mặt trăng, hoặc trì giới mặt trời, hoặc trì giới nước, hoặc trì giới cúng dường lửa, hoặc trì pháp khổ hạnh ô uế[236]. Những người ấy nghĩ rằng: 'Ta trì pháp cam này, pháp Ma-ni-bà-đà, pháp lửa, pháp mặt trăng, mặt trời, pháp nước, pháp cúng dường lửa, các pháp khổ hạnh; ta trì công đức này là để sinh lên cõi Trời.' Đây là những thứ tà kiến."**

**Phật dạy:**

**"Ta nói những người tà kiến này chắc chắn sẽ đi vào hai nơi: Hoặc sinh vào địa ngục, hay sinh vào hàng súc sanh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vậy, những quan điểm như vậy: 'Ngã và thế gian là thường hằng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian là không thường hằng, đây là thật, ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian vừa thường vừa là không thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải không thường, đây là thật ngoài ra đều hư dối'; 'Ngã và thế gian là hữu biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian là vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian vừa hữu biên vừa**

vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'Ngã và thế gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, đây là thật ngoài ra đều hư dối'; 'Thân tức mạng, đây là thật ngoài ra đều hư dối' hoặc 'thân khác mạng khác, đây là thật ngoài ra đều hư dối', hoặc 'chẳng phải có mạng chẳng phải không mạng, đây là chắc thật ngoài ra đều là hư dối'; hoặc 'không mạng không thân, đây là thật ngoài ra đều là hư dối.'

"Hoặc có người nói: 'Sau khi chết còn tồn tại[237], đây là thật ngoài ra đều là hư dối.' Có người nói: 'Sau khi chết không tồn tại, đây là thật ngoài ra đều là hư dối.' Hoặc có người nói: 'Sau khi chết vừa tồn tại vừa không tồn tại, đây là thật ngoài ra đều hư dối.' Lại có người nói: 'Sau khi chết chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại, đây là thật ngoài ra đều hư dối.'

"Nếu [128b] Sa-môn, Bà-la-môn nào có những lý luận như vậy, những kiến giải như vậy: 'Thế gian là thường, đây là lời nói chắc thật ngoài ra đều hư dối', những người ấy hành với[238] kiến chấp về ngã, kiến chấp về thân, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian là thường.' Những ai chủ trương là không thường, những người ấy hành với kiến chấp

**về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian là không thường.' Những ai chủ trương là vừa thường vừa không thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Thế gian vừa thường vừa vô thường.' Những ai chủ trương rằng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, có kiến chấp về mạng, có kiến chấp về thân, có kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường.'**

**"Những ai chủ trương thế gian là hữu biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng là hữu biên; thân là hữu biên; thế gian là hữu biên.' Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, thì những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập vào thanh tịnh tụ[239], cho nên nói rằng: 'Ngã là có biên.' Những người chủ trương ngã và thế gian là vô biên, những người này hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: 'Mạng là vô**

**biên, thân là vô biên, thế gian là vô biên.’ Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: ‘Ngã và thế gian là vô biên.’ Những ai chủ trương thế gian này vừa hữu biên vừa vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: ‘Mạng vừa hữu biên vừa vô biên.’ Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: ‘Ngã vừa hữu biên vừa vô biên.’ Những ai chủ trương ngã và thế gian là không phải hữu biên không phải vô biên, những người ấy hành với kiến chấp về ngã, kiến chấp về mạng, kiến chấp về thân, kiến chấp về thế gian, cho nên nói rằng: ‘Mạng và thân chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.’ Từ lúc mới thụ thai cho đến khi bị vứt bỏ nơi gò mả, những gì thuộc về thân bốn đại đều chuyển di như vậy tối đa cho đến bảy đời. Khi các hành thân, mạng đã hết thì ngã nhập thanh tịnh tụ, cho nên nói rằng: ‘Ngã chẳng phải hữu biên chẳng phải là vô biên.’**

**“Những người chủ trương mạng tức là thân, thì thấy có mạng nơi thân này, và cũng thấy có mạng nơi thân khác, cho nên nói rằng: ‘Mạng tức là thân.’ Những người chủ trương mạng khác với thân, là dở nơi thân này thì thấy có mạng nhưng ở nơi thân khác thì không thấy có mạng, cho nên nói rằng: ‘Mạng khác với thân.’ Những ai chủ trương mạng chẳng phải có, chẳng phải không, thì nơi thân này không thấy có mạng, nơi thân khác lại thấy có mạng, cho nên nói rằng: ‘Chẳng phải có, chẳng phải không.’ Những ai chủ trương không có thân, mạng, thì ở nơi thân này họ không thấy có mạng, cho nên nói rằng: ‘Không có mạng, không có thân.’”**

**“Có người bảo ‘Có tồn tại sau khi chết, vì thấy hiện tại có thân mạng, và đời sau cũng có thân mạng tồn tại[240], cho nên họ bảo rằng: ‘Co tồn tại sau khi chết.’ Có người bảo ‘Không tồn tại sau khi chết’, vì người này bảo đời hiện tại có mạng, nhưng đời sau không có mạng, cho nên nói rằng: ‘Không tồn tại sau khi chết.’ Có người bảo ‘Vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết’, vì người ấy bảo đời hiện tại mạng bị đoạn diệt, đời sau mạng tồn tại, cho nên nói rằng: ‘Vừa có mạng[241] của đời khác như vậy, không có mạng của đời khác như vậy.’ Có người bảo ‘Chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết’, vì**

**người ấy bảo thân, mạng hiện tại bị đoạn diệt; thân, mạng đời sau bị đoạn diệt, cho nên bảo rằng: 'Chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết'."**

**Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:**

**"Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện[242]. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: 'Này những người mù từ khi mới sinh, các người có biết con voi không?' Họ đáp: 'Tâu đại vương, chúng tôi không biết!' Nhà vua lại hỏi: 'Các người có muốn biết hình loại con voi ra sao không?' Họ đáp: 'Muốn biết.' Bấy giờ nhà vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến, và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử. Trong đó có người sờ trúng vòi voi, thì vua nói rằng đây là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng cái chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi, thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: 'Đó là con voi.'**

**"Rồi vua Kính-diện liền ra lệnh dắt voi lui, và hỏi những người mù: 'Voi giống như cái gì?' Trong những người mù này, người sờ trúng vòi thì bảo voi giống như cái cày xe bị cong;**

**người sờ trúng ngà thì bảo voi giống như cái chày; người sờ trúng tai thì bảo voi giống như cái nĩa; người sờ trúng đầu thì bảo voi giống như cái vạc; người sờ trúng lưng thì bảo voi giống như gò đất; người sờ trúng bụng thì bảo voi giống như bức tường; người sờ trúng bắp đùi thì bảo voi giống như gốc cây; người sờ trúng cái chân thì bảo voi giống như trụ cột; người sờ trúng bàn chân thì bảo voi giống như cái cối; người sờ trúng đuôi thì bảo voi giống như cây chổi. Họ tranh cãi nhau về việc đúng sai, người này bảo như vậy, người kia bảo không phải như vậy, [129a] vân, vân và vân, vân không dứt, đưa đến việc đấu tranh nhau.**

**“Lúc ấy nhà vua thấy vậy, hoan hỷ cười to. Rồi thì, vua Kính Diệm nói bài tụng:**

**Những người mù tụ tập,  
Tranh cãi tại nơi này,  
Thân voi vốn một thể,  
Tưởng khác sinh thị phi”.**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Các dị học ngoại đạo lại cũng như vậy; không biết Khổ đế, không biết Tập đế, Tận đế, và Đạo đế, sinh ra những kiến giải khác nhau, tranh chấp thị phi với nhau. Họ tự cho mình là đúng, nên đưa đến mọi việc tranh tụng. Nếu**



**có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Khổ Thánh đế, khổ Tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, và Khổ xuất yếu Thánh đế, những vị ấy sẽ tự tư duy, và khéo cùng nhau hòa hợp, cùng một lãnh thọ, cùng một Thầy học, như nước với sữa, thì pháp Phật mới rực rỡ, sống an lạc lâu dài.”**

**Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ:**

**Nếu người không biết khổ,  
Không biết chỗ khổ sinh;  
Lại cũng không biết khổ,  
Sẽ diệt tận ở đâu;  
Lại cũng không thể biết,  
Con đường diệt khổ tập;  
Thì mất tâm giải thoát,  
Tuệ giải thoát cũng mất.  
Không thể biết gốc khổ,  
Nguồn sanh, già, bệnh, chết.  
Nếu biết thật về khổ,  
Biết nhân sinh ra khổ;  
Cũng biết rõ khổ kia,  
Sẽ diệt tận nơi nào;**

Lại hay khéo phân biệt,  
Con đường diệt khổ tập;  
Thì được tâm giải thoát,  
Tuệ giải thoát cũng vậy.  
Người này chấm dứt được,  
Cội gốc của khổ ãm;  
Hết sanh, già, bệnh, chết,  
Nguồn gốc của thủ, hữu[243].”

Này các Tỳ-kheo, cho nên các người nên siêng  
cầu phương tiện tư duy về Khổ Thánh đế, Khổ  
tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, và Khổ xuất  
yếu Thánh đế.[244]

### **Phẩm 6: A-TU-LA[245]**

**[129b2] Phạt bảo các Tỳ kheo:**

“Trong đáy nước biển lớn ở phía Bắc của núi  
Tu-di, có một thành của La-ha A-tu-la[246],  
bề ngang rộng khoảng tám vạn do-tuần,  
thành của nó có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy  
lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung  
quanh đều bằng bảy thứ báu tạo thành. Chiều  
cao của thành là ba nghìn do-tuần, rộng hai  
nghìn do-tuần. Cửa thành của nó cao một  
nghìn do-tuần, rộng cũng một nghìn do-tuần.

**Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên[247]. Tiểu thành, chỗ ngự trị của vị vua A-tu-la này ở ngay trong thành lớn có tên là Luân-thâu-ma-bạt-tra[248], dọc ngang sáu vạn do-tuần. Thành của nó gồm bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh bằng bảy thứ báu tạo thành. Thành cao ba nghìn do-tuần, rộng hai nghìn do-tuần. Cửa thành của nó cao hai nghìn do-tuần, rộng một nghìn do-tuần. Thành vàng thì cửa bạc, cửa bạc thì thành vàng,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít cũng lại như trên.**

**“Ở trong thành này, xây dựng riêng nhà hội nghị có tên là Thất-thi-lị-sa[249], bảy lớp tường hào, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang điểm chung quanh bằng bảy thứ báu tạo thành. Nền nhà hội nghị hoàn toàn dùng bằng xa cừ; cột nhà, sà nhà hoàn toàn đều dùng bảy báu. Chu vi những trụ cột ở chính giữa một nghìn do-tuần, cao một vạn do-tuần. Ở dưới những trụ cột này có tòa Chánh pháp[250], dọc ngang bảy trăm do-tuần, đều dùng bảy báu chạm trổ mà thành. Nhà này có bốn cửa, được bao quanh bằng bảy lớp đình thêm lan can[251], bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang**

**hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.**

**“Ở phía Bắc nhà hội nghị này có cung điện A-tu-la, dọc ngang một vạn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu, cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng như đã kể.**

**“Phía Đông nhà hội nghị này có một khu vườn vườn tên là Sa-la[252], dọc ngang một vạn do-tuần. Vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể.**

**“Phía Nam nhà hội nghị này có một khu vườn rừng tên là Cực diệu[253], dọc ngang một vạn do-tuần như vườn Sa-la.**

**“Phía Tây nhà hội nghị có một khu vườn rừng tên là Thiểm-ma[254], dọc [129c] ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Sa-la.**

**“Phía Bắc nhà hội nghị này có một khu vườn rừng, tên là Nhạc lâm[255], bề ngang một vạn do-tuần cũng như vườn rừng Sa-la.**

**“Giữa hai khu vườn Sa-la và Cực diệu có cây Trú độ[256], vây bên dưới là bảy do-tuần cao thì một trăm do-tuần, cành lá vươn ra bốn phía cỡ năm mươi do-tuần, cây có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ríu rít, cũng lại như đã kể. Lại nữa, giữa hai khu vườn Thiểm-ma và Nhạc-lâm này có ao Bạt-nan-đà[257], nước của nó trong mát, không có cáu bẩn, hào báu bảy lớp, chung quanh cạnh thêm là bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Ở trong ao này sinh ra bốn loài hoa, lá hoa bề ngang rộng một do-tuần, hương thơm bay phảng phất cũng một do-tuần; rễ như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật, và vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo. Hơn nữa, bên cạnh ao này có bảy lớp đình thêm, bảy lớp tường cửa, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Cung điện thần hạ của vua A-tu-la, dọc ngang một vạn do-tuần, rồi chín nghìn, tám nghìn, và cho đến cung điện nhỏ nhất là một nghìn do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường,**

**bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Cung điện của Tiểu A-tu-la, dọc ngang một nghìn do-tuần, rồi chín trăm, tám trăm, và cho đến cung điện cực nhỏ là một trăm do-tuần. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau hót líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Phía Bắc nhà hội nghị có bảy đường cấp báu dẫn vào trong cung điện; lại có đường cấp dẫn đến vườn Sa-la; có đường cấp dẫn đến vườn Cực diệu; có đường cấp dẫn đến vườn Thiêm-ma; có đường cấp dẫn đến vườn Nhạc lâm; có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; có đường cấp dẫn đến ao Bạt-nan-đà; có đường cấp dẫn đến cung điện Đại thần; có đường cấp dẫn đến cung điện của Tiểu A-tu-la.**

**“Nếu khi nào vua A-tu-la muốn đến vườn Sa-la để ngoạn cảnh, chỉ cần nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa [258], [130a] khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa lại tự nghĩ rằng: ‘Vua La-ha A-tu-la đang nghĩ đến ta.’ Liên tự sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số**

**người hầu kẻ hạ vây quanh theo sau, đến trước vua La-ha A-tu-la, đứng một bên.**

**“Lại khi Vua A-tu-la lại nghĩ đến vua Ba-la-ha A-tu-la[259], thì vua Ba-la-ha A-tu-la nghĩ rằng: ‘Nay vua đang nghĩ đến ta.’ Liên tục sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau đến đứng một bên trước vua La-ha.**

**“Khi vua A-tu-la lại nghĩ đến vua A-tu-la Thiểm-ma [260], thì vua A-tu-la Thiểm-ma lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay Vua đang nghĩ đến ta.’ Liên tục sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha.**

**“Khi vua lại nghĩ đến Đại thần của vua A-tu-la, thì Đại thần của A-tu-la lại nghĩ rằng: ‘Nay Vua đang nghĩ đến ta.’ Liên tục sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng vô số kẻ hầu người hạ vây quanh theo sau, đến đứng một bên trước vua La-ha. Lúc này, vua lại nghĩ đến Tiểu A-tu-la, thì Tiểu A-tu-la lại nghĩ rằng: ‘Nay Vua đang nghĩ đến ta.’ Liên tục sửa soạn trang bị cùng mọi người đến đứng một bên trước vua La-ha.**

**“Lúc này, vua La-ha mình mặc áo báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến trong rừng Sa-la, tự**

nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự nhiên gió thổi đất sạch, tự nhiên gió thổi hoa rụng xuống đất, ngập đến đầu gối. Sau khi vua La-ha vào vườn này rồi, cùng nhau vui đùa từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày. Sau khi vua đùa xong, liền trở về lại cung điện mình. Sau đó việc ngoạn cảnh đối với vườn Cực diệu, vườn Thiêm-ma, vườn Nhạc lâm, cũng lại như vậy. Lúc này, vua La-ha luôn luôn có năm Đại A-tu-la hầu cận và bảo vệ hai bên: một tên là Đề Trì, hai tên là Hùng Lực, ba tên là Võ Di, bốn tên là Đầu Thủ, năm tên là Tội Phục.[261] Năm Đại A-tu-la này luôn luôn hầu cận bảo vệ hai bên. Cung điện của vua La-ha này ở dưới nước biển lớn. Nước biển ở trên được duy trì bởi bốn thứ gió: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố[262]; chúng giữ cho nước biển lớn, treo ngược giữa hư không, giống như mây nổi, cách cung điện A-tu-la một vạn do-tuần, không bao giờ bị rớt. Oai thần, công đức, và phước báo của vua A-tu-la là như vậy.”

## **Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG[263]**

**[130b02] Phật bảo Tỳ-kheo:**

“Cách phía Đông Tu-di sơn vương một nghìn do-tuần có thành của Đề-đâu-lại-tra Thiên vương[264] tên là Hiền Thượng[265], dọc



**ngang sáu nghìn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như đã kể.**

**“Cách phía Nam Tu-di sơn vương một nghìn do-tuần có thành của Tỳ-lâu-lặc Thiên vương[266] tên là Thiện Kiến[267], dọc ngang sáu nghìn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Cách phía Tây Tu-di sơn vương một nghìn do-tuần có thành Tỳ-lâu-bà-xoa[268] Thiên vương, tên là Chu-la Thiện kiến[269], dọc ngang sáu nghìn do-tuần. Thành có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Cách phía Bắc Tu-di sơn vương một nghìn do-tuần có thành của Tỳ-sa-môn[270] Thiên vương. Vua có ba thành[271]: một tên là Khả úy, hai là Thiên kính, ba là Chúng qui; mỗi thành dọc ngang sáu nghìn do-tuần. Thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh**

**bằng bảy thứ báu,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Phía Bắc thành Chúng qui có vườn rừng, tên là Già-Tỳ-diên-đâu[272], dọc ngang bốn nghìn do-tuần, tường của vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Ở quãng giữa vườn và thành có ao tên là Na-lân-ni[273] rộng bốn mươi do-tuần. Nước của nó lắng trong không bọt nơ. Ven hồ được lát bằng mương nước được làm bằng bảy báu; bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu; hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, lẫn lộn màu sắc ở trong đó, ánh sáng phản chiếu cả nửa do-tuần, hương thơm phảng phất nghe khắp cả nửa do-tuần. Vả lại rễ của nó lớn như ổ trục xe. Nhựa của nó lưu xuất ra màu trắng như sữa, và có vị ngọt như mật,... cho đến, có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.**

**“Trừ cung điện mặt trời, mặt trăng ra, cung điện của các Tứ thiên vương, rộng độ bốn mươi do-tuần. Tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, [130c] bảy lớp**

**hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Các cung điện này rộng bốn mươi do-tuần, hai mươi do-tuần, và nhỏ nhất bề ngang rộng năm do-tuần. Từ thành Chúng qui có đường cấp báu dẫn đến thành Hiền thượng; lại có đường cấp dẫn đến thành Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Châu-la Thiện kiến; lại có đường cấp dẫn đến thành Khả úy, thành Thiên kính; lại có đường cấp dẫn đến vườn Già-Tỳ-diên-đâu; lại có đường cấp dẫn đến ao Na-lân-ni, lại có đường cấp dẫn đến cung điện Đại thần của Tứ thiên vương.**

**“Khi Tỳ-Sa-môn thiên vương muốn đến ngoạn cảnh tại vườn Già-Tỳ-diên-đâu, thì lập tức nghĩ đến Đề-đâu-lại Thiên vương; Đề-đâu-lại Thiên vương lại nghĩ rằng: ‘Hiện tại Tỳ-Sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta.’ Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số thần Càn-thát-bà[274] vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-Sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-Sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương, thì Tỳ-lâu-lặc Thiên vương lại tự nghĩ rằng: ‘Nay vua Tỳ-Sa-môn đang nghĩ đến ta.’ Liên tự mình sửa soạn trang bị đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số thần Cứu-bàn-**

trà[275] vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước Tỳ-Sa-môn Thiên vương. Khi vua Tỳ-Sa-môn nghĩ đến Tỳ-lâu-bà-xoa, thì Tỳ-lâu-bà-xoa lại tự nghĩ rằng: 'Hiện tại Tỳ-Sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta.' Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số Long thần vây quanh trước sau, đến đứng một bên trước vua Tỳ-sa-môn. Khi vua Tỳ-Sa-môn nghĩ đến Đại thần của Tứ thiên vương, thì Đại thần của Tứ thiên vương lại tự nghĩ rằng: 'Nay vua Tỳ-Sa-môn đang nghĩ đến ta.' Liên tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng dẫn theo với vô số Chư Thiên, đến đứng một bên trước Tỳ-Sa-môn Thiên vương.

“Lúc này, Tỳ-Sa-môn Thiên vương liền sửa soạn trang bị, mặc y báu, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số trăm nghìn thiên thần đến vườn Tỳ-diên-đâu, tự nhiên có gió thổi cửa tự mở, tự nhiên có gió thổi sạch đất, tự nhiên có gió thổi hoa rụng khắp mặt đất, ngập đến đầu gối. Nhà vua ở trong vườn này cùng nhau vui đùa, từ một ngày, hai ngày,... cho đến bảy ngày; sau khi ngoạn cảnh xong trở về cung điện của mình. Vua Tỳ-Sa-môn luôn luôn có năm vị đại quý thần[276] hầu cận bảo vệ hai bên: một là Bát-xà-lâu, hai là Đàn-đà-la, ba là Hê-ma-bạt-đê, bốn là Đê-kê-la, năm là Tu-dật-lộ-ma, năm vị quý thần này luôn luôn

**theo hầu bảo vệ. Oai thần, công đức, phước báo của vua Tỳ-Sa-môn là như vậy.”**

### **Phẩm 8: ĐAO-LỊ THIÊN[277]**

**[131a4] Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Trên đỉnh Tu-di sơn vương có thành của trời Tam Thập Tam. Thành dọc ngang rộng tám vạn do-tuần; có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, phần trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Cách nhau năm trăm do-tuần là có một cái cửa; tại mỗi cửa này có năm trăm quý thần giữ gìn bảo vệ trời Tam Thập Tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bạc thì cửa vàng,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát bi thương, cũng lại như vậy.**

**“Trong thành lớn này lại có thành nhỏ, dọc ngang rộng sáu vạn do-tuần. Thành có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Thành cao một trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cách nhau năm trăm do-tuần, cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần; tại mỗi cửa thành có năm trăm**

**quý thân thị vệ tại bên cửa, để giữ gìn trời Tam Thập Tam. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng; thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh; thành bằng xích châu thì cửa bằng mã não, thành bằng mã não thì cửa bằng xích châu; thành bằng xa cừ thì cửa bằng các thứ báu khác.**

**“Về lan can này: nếu lan can bằng vàng thì tam cấp bằng bạc, lan can bằng bạc thì tam cấp bằng vàng; lan can bằng thủy tinh thì tam cấp bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tam cấp bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tam cấp bằng mã não, lan can bằng mã não thì tam cấp bằng xích châu; lan can bằng xa cừ thì tam cấp bằng các thứ báu khác. Trên những lan can này có lưới báu; dưới lưới vàng thì treo linh bạc, dưới lưới bạc thì treo linh vàng; lưới bằng lưu ly thì treo linh bằng thủy tinh, lưới bằng thủy tinh thì treo linh bằng lưu ly; lưới bằng xích châu thì treo linh bằng mã não, lưới bằng mã não thì treo linh bằng xích châu; lưới bằng xa cừ thì treo linh bằng các thứ báu khác. Về cây vàng: nếu rễ vàng, cành vàng thì lá hoa bằng bạc ròn. Về cây bạc: nếu rễ bạc, cành bạc thì lá hoa bằng vàng ròn. Về cây thủy tinh: nếu rễ, cành bằng thủy tinh thì lá, hoa bằng lưu ly. Về cây lưu ly: nếu rễ, cành bằng lưu ly thì lá hoa bằng thủy**

**ting. Về cây xích châu: nếu rễ, cành bằng xích châu thì lá hoa bằng mã não. Về cây mã não: nếu rễ, cành bằng mã não thì lá hoa bằng xích châu. Về cây xa cừ: nếu rễ, cành bằng xa cừ thì lá hoa bằng các thứ báu khác.**

**“Về bảy lớp thành này: thành có bố [231b]n cửa, cửa có lan can. Trên bảy lớp thành đều có đèn đài, lầu các bao bọc chung quanh, có vườn rừng ao tắm, sinh ra các loài hoa quý nhiều màu sắc xen lẫn nhau, cây báu thành hàng, hoa trái tốt tươi đầy dẫy, hương thơm bay phảng phất khắp nơi làm đẹp lòng mọi người. Có chim le le, chim nhạn, uyên ương, cùng các loài chim kỳ lạ, vô số hàng nghìn loại, cùng nhau ca hát.**

**“Khoảng giữa bên ngoài thành nhỏ này có cung điện của Long vương Y-la-bát[278], dọc ngang rộng sáu nghìn do-tuần. Vách tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Trong thành Thiện kiến[279] này có Thiện pháp đường[280], dọc ngang một trăm do-tuần; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Nền nhà hoàn toàn bằng vàng ròng,**

trên mặt phủ lưu ly. Chu vi những cây cột trong nhà này là mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới những trụ cột của ngôi nhà này là nơi đặt ngự tòa của Thiên đế[281], bề ngang rộng độ một do-tuần, có nhiều màu sắc xen lẫn nhau được tạo thành bởi bảy thứ báu. Ngự tòa này êm ái, mềm mại như lụa trời, và bên tả bên hữu, giáp hai bên tòa, có mười sáu chỗ ngồi.

“Pháp đường này có bốn cửa; chung quanh là lan can bằng bảy thứ báu. Đường cấp của ngôi nhà này dọc ngang năm trăm do-tuần, có bảy lớp cửa ngoài, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có cung điện Đế Thích, dọc ngang một nghìn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.

“Phía Đông ngôi nhà Thiện kiến có vườn rừng tên là Thô sáp[282], ngang rộng độ một nghìn do-tuần; tường vách cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp



**hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn Thô sáp có hai ụ đá do vàng trời trang sức, một gọi là Hiền, hai gọi là Thiện hiền[283], bề ngang mỗi ụ rộng năm mươi do-tuần, đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như vải trời.**

**“Phía Nam cung điện Thiện kiến có khu vườn tên là Họa lạc[284], ngang rộng một nghìn do-tuần; vách tường của khu vườn có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này [231c] có hai ụ đá bằng bảy thứ báu, một là Họa, hai là Thiện họa[285], bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.**

**“Phía Tây ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Tạt[286], ngang rộng một nghìn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong khu vườn này có hai ụ đá, một là Thiện kiến, hai là Thuận thiện kiến,[287] do vàng trời trang sức**

và do bảy báu tạo thành, bề ngang mỗi ụ rộng độ năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, và độ mềm mại của nó như thiên y.

“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có khu vườn tên là Đại hỷ[288], ngang rộng một nghìn do-tuần, bờ tường của khu vườn có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Trong vườn này có hai ụ đá, một gọi là Hỷ, hai gọi là Đại hỷ, do xa cừ trang sức, ngang rộng năm mươi do-tuần, ụ đá này mềm mại, độ mềm mại của nó như thiên y.

“Ở quãng giữa vườn Thô sáp và vườn Họa lạc có ao Nan-đà[289], ngang rộng một trăm do-tuần; nước của nó lắng trong, không có một chút bọt nhơ, chung quanh bên cạnh thêm là bảy lớp hào báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu. Bốn phía hồ này có bốn bậc thang, chung quanh lan can làm bằng bảy báu,... cho đến có vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, lại cũng như vậy.

“Lại nữa trong ao này lại sinh ra bốn loại hoa xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, xanh nhạt, nhiều màu xen lẫn nhau; bóng rợp của một lá hoa này che một do-tuần; hương thơm phảng phất

khắp một do-tuần; rễ của nó như ổ trục xe, nhựa của nó lưu xuất ra có màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Bốn phía ao này lại có những khu vườn.

“Giữa hai khu vườn Tạt và khu vườn Đại hỷ có cây tên là Trú độ[290], chu vi độ bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá bao trùm ra bốn phía độ năm mươi do-tuần, ngoài cây có ngôi đình trống, bề ngang rộng năm trăm do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại [131a] như vậy.

“Ngoài ra các cung điện khác của Đao-lị thiên, ngang rộng một nghìn do-tuần, tường cung điện có bảy lớp với bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện này ngang rộng từ chín trăm, tám trăm cho đến nhỏ nhất là một trăm do-tuần, bờ tường cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy. Những cung điện nhỏ, ngang rộng từ một

**trăm do-tuần, chín mươi, tám mươi, cho đến cực nhỏ là mười hai do-tuần, bờ tường của cung điện có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp võng lưới, bảy lớp hàng cây, trang hoàng chung quanh bằng bảy thứ báu,... cho đến vô số các loài chim cùng nhau ca hát líu lo, cũng lại như vậy.**

**“Phía Bắc ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp dẫn đến cung điện Đế Thích. Phía Đông ngôi nhà Thiện kiến có hai đường cấp dẫn đến khu vườn Tô sáp; lại có hai đường cấp dẫn đến vườn Họa lạc; lại có đường cấp dẫn đến trong khu vườn Tạp; lại có đường cấp dẫn đến khu vườn Đại hỷ; lại có đường cấp dẫn đến ao Đại hỷ[291]; lại có đường cấp dẫn đến cây Trú độ; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Tam Thập Tam thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Chư thiên; lại có đường cấp dẫn đến cung điện Y-la-bát Long vương.**

**“Nếu khi Thiên Đế Thích muốn du ngoạn đến trong vườn Tô sáp, liền nghĩ đến vị Đại thần của trời Tam Thập Tam, tức thì Đại thần Tam Thập Tam thiên nghĩ rằng: ‘Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.’ Liền tự mình sửa soạn trang bị, đóng ngựa vào xe báu, cùng với vô số mọi người vây quanh trước sau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến Chư thiên khác, thì Chư thiên nghĩ rằng:**

**‘Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.’ Liên tự mình sửa soạn trang bị, cùng với vô số chúng Chư Thiên theo nhau đến đứng một bên trước Đế Thích. Khi Đế Thích nghĩ đến Y-la-bát Long vương, thì Y-la-bát Long vương lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay Đế Thích đang nghĩ đến ta.’ Long vương liền tự biến hóa thân hình ra ba mươi ba cái đầu, mỗi cái đầu có sáu cái răng, mỗi cái răng có bảy hồ tằm, mỗi hồ tằm có bảy hoa sen lớn, mỗi hoa sen có một trăm lá, mỗi lá hoa có bảy ngọc nữ, ca nhạc, múa xướng, đánh trống, khảy đàn, vỗ nhịp ở trên đó. Sau khi vị Long vương biến hóa như vậy rồi, đi đến đứng một bên trước Đế Thích.**

**“Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân mặc vào thân mình những đồ trang sức quý báu cùng anh lạc, ngồi trên đầu thứ nhất của Y-la-bát Long vương, kế đó, hai bên mỗi đầu còn có mười sáu vị thiên vương ở trên đỉnh đầu Long vương này, theo thứ tự mà ngồi. Bấy giờ, Thiên đế Thích cùng với vô số quyến thuộc Chư thiên vây quanh đến vườn Tô sáp, tự nhiên có gió thổi cửa tự động mở, tự nhiên có gió thổi khiến cho đất sạch; [131b] tự nhiên có gió thổi làm những đóa hoa rơi khắp mặt đất, và tích tụ hoa rụng lại ngập đến cả đầu gối. Lúc này Thiên Đế Thích ngồi trên hai ụ đá Hiền và Thiện hiền theo ý thích, còn Ba mươi ba vị thiên vương mỗi người tự theo thứ tự mà**

**ngồi. Lại nữa, có những Chư thiên không được phép theo hầu để đến tham quan viên quán này, không được vào vườn để vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những Chư thiên thấy được khu vườn mà không vào được, và không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những Chư thiên thấy được, vào được, nhưng không được cùng nhau vui đùa ngũ dục. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành không đồng. Lại có những Chư thiên vào được, thấy được, và vui đùa ngũ dục được. Vì sao? Vì công đức mà họ vốn thực hành đồng nhau.**

**“Sau thời gian du hí trong vườn, Chư thiên đã tự vui ngũ dục, từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, họ đã cùng nhau vui đùa xong, và mỗi người tự trở về cung điện. Khi Thiên đế Thích ngoạn du vườn Họa lạc, vườn Tạp, vườn Đại hỷ cũng lại như vậy.**

**“Vì sao gọi là vườn Thô sáp? Vì lúc vào trong vườn này, thì thân thể trở nên thô nhám[292]. Vì sao gọi là vườn Họa lạc? Vì lúc vào vườn này, thì thân thể tự nhiên có những sắc màu như vẽ[293] dùng để vui đùa. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì thường những ngày mùng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm của mỗi**

tháng, ngoại trừ người nữ A-tu-la, các thể nữ được thả tự do để cùng các Thiên tử ở trong vườn này cùng du hí hỗn tạp[294] với nhau, cho nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại hỷ? Vì lúc vào vườn này, thì có thể vui đùa một cách hoan hỷ, cho nên gọi là Đại hỷ[295]. Vì sao gọi là nhà Thiện pháp? Vì ở trên ngôi nhà này mà tư duy về pháp vi diệu[296], nhận lãnh cái vui thanh tịnh, cho nên gọi là nhà Thiện pháp. Vì sao gọi là cây Trú độ? Vì cây này có vị thần tên là Mạn-đà[297] thường thổi nhạc để tự vui đùa, cho nên gọi là Trú độ. Lại nữa, cành nhánh của cây lớn này vươn ra bốn phía, hoa lá rậm rạp tốt tươi như đám mây báu lớn, cho nên gọi là Trú độ[298].

“Hai bên tả hữu của Thích Đê-hoàn Nhân thường có mười đại Thiên tử[299] theo sau để hầu hạ và bảo vệ đó là: một tên là Nhân-đà-la, hai tên là Cù-di, ba tên là Tỳ-lâu, bốn tên là Tỳ-lâu-bà-đê, năm tên là Đà-la, sáu tên là Bà-la, bảy tên là Kỳ-bà, tám tên là Linh-hê-nậu, chín tên là Vật-la, mười tên là Nan-đâu. Thích Đê-hoàn nhân có thân lực lớn và oai đức như vậy.

Các loại hoa mọc trong nước mà người Diêm-phù-đê quý như: Ưu-bát-la, Bát-đâu-ma, Câu-vật-đâu, Phân-đà-lợi, Tu-càn-đâu, [132c] hương thơm của chúng thanh khiết nhẹ

nhàng. Cũng vậy, các loại hoa mọc ra trên đất liền; đó là: Giải thoát hoa, Đạm-bạch-hoa, Bà-la-đà-hoa, Tu-mạn-châu-na hoa, Bà-sư hoa, Đồng nữ hoa. Giống như những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền, thì những hoa sinh ra ở Câu-da-ni, Uất-đan-viết, Phất-vu-đãi, Long cung, Kim sí điều cung cũng lại như vậy. Những hoa sinh ra ở trong thủy cung của A-tu-la: Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hương thơm của chúng nhẹ nhàng thanh khiết. Những hoa sinh ra nơi đất liền: hoa Thù-hảo, hoa Tân-phù, hoa đại Tân-phù, hoa Già-già-lợi, hoa đại Già-già-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa đại Mạn-đà-la. Những hoa sinh ra ở nước, ở đất liền này được Tứ thiên vương, Tam Thập Tam thiên, Diễm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên yêu quý cũng lại như vậy.

“Cõi Trời có mười loại pháp; đó là: một, bay đi không hạn số; hai, bay đến không hạn số; ba, đi vô ngại; bốn, đến vô ngại; năm, thân Trời không có da, xương, gân, mạch, máu, thịt; sáu, thân không có việc đại, tiểu tiện bất tịnh; bảy, thân không mệt nhọc; tám, thiên nữ không sinh đẻ; chín, mắt Trời không nháy; mười, thân tùy thuộc vào màu sắc của ý mình, như thích xanh thì hiện xanh, thích vàng thì vàng, đỏ, trắng và các màu khác tùy theo ý mình mà hiện. Đó là mười pháp của Chư thiên.



**“Con người có bảy màu sắc, đó là: Có người màu lửa, có người màu xanh, có người màu vàng, có người màu đỏ, có người màu đen, có người màu trắng. Chư thiên, A-tu-la cũng có bảy màu sắc như vậy.**

**“Các Tỳ-kheo, ánh sáng của con đom đóm không bằng đèn, nến; ánh sáng của đèn, nến không bằng bó đuốc; ánh sáng của bó đuốc không bằng đồng lửa; ánh sáng của đồng lửa không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương; ánh sáng của sắc thân, y phục, anh lạc, thành quách, cung điện của Tứ thiên vương không bằng ánh sáng của Tam Thập Tam thiên; ánh sáng của Tam Thập Tam thiên không bằng ánh sáng của Diệm-ma thiên; ánh sáng của Diệm-ma thiên không bằng ánh sáng của Đâu-suất thiên, ánh sáng của Đâu-suất thiên không bằng ánh sáng của Hóa Tự Tại thiên; ánh sáng của Hóa Tự Tại thiên không bằng ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên; ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên không bằng ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên; ánh sáng của sắc thân, y phục, cung điện Phạm-ca-di thiên không bằng ánh sáng của Quang Âm thiên; ánh sáng của Quang Âm thiên không bằng ánh sáng của Biển Tịnh thiên; ánh sáng của Biển Tịnh thiên không bằng ánh sáng của Quả**

**thật thiên; [133a] ánh sáng của Quả thật thiên không bằng ánh sáng của Vô tướng thiên; ánh sáng của Vô tướng thiên không bằng ánh sáng của Vô phiến thiên thiên; ánh sáng của Vô phiến thiên không bằng ánh sáng của Vô nhiệt thiên; ánh sáng của Vô nhiệt thiên không bằng ánh sáng của Thiện kiến thiên; ánh sáng của Thiện kiến thiên không bằng ánh sáng của Thiện hiện thiên; ánh sáng của Thiện hiện thiên không bằng ánh sáng của Sắc cứu cánh thiên; ánh sáng của Sắc cứu cánh thiên không bằng ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên; ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên không bằng ánh sáng của Phật. Từ ánh sáng của con đom đóm đến ánh sáng của Phật, mà kết hợp những thứ ánh sáng như vậy lại, thì cũng không bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, và Đạo đế. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn tìm cầu ánh sáng, thì phải cầu ánh sáng của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, và Đạo đế. Các người nên như vậy mà tu hành.**

**“Thân người ở cõi Diêm-phù-đề cao ba khủy tay rưỡi; y (phục) dài bảy khủy tay, rộng ba khủy tay rưỡi[300]. Thân người ở Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng cao ba khủy tay; y (phục) dài bảy khủy tay, rộng ba khủy tay rưỡi. Thân người Uất-đan-viết cao bảy khủy tay; y dài mười bốn khủy tay, rộng bảy khủy tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần; y dài hai do-tuần,**

**rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Tứ thiên vương cao nửa do-tuần; y dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, y dày nửa lạng. Thân của Đao-lị thiên cao một do-tuần; y dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, y dày sáu lạng. Thân của Diêm-ma thiên cao hai do-tuần; y dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, y dày ba lạng. Thân của Đâu-suất thiên cao bốn do-tuần; y dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần, y dày một lạng rưỡi. Hóa Tự Tại thiên cao tám do-tuần; y dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, y dày một lạng. Thân của Tha Hóa Tự Tại thiên cao mười sáu do-tuần; y dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, y dày nửa lạng. Từ Chư thiên trở lên, mỗi nơi tùy theo thân hình của họ mà mặc y phục.**

**“Tuổi thọ của người Diêm-phù-đê là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi; mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-viết là một nghìn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của ngọc quý là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng, và kim sí điều là một kiếp, hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-la là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần**

**nhieu là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đao-lị thiên là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. [133b] Tuổi thọ của Diệm-ma thiên là hai nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa Tự Tại thiên là tám nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha Hóa Tự Tại thiên là sáu nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang Âm thiên là hai kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến Tịnh thiên là ba kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tướng thiên là năm trăm kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại Thiện kiến thiên là bốn nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không vô**

biên xứ thiên là một vạn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức vô biên xứ thiên là hai vạn một nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô sở hữu xứ thiên là bốn vạn hai nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Phi tướng phi phi tướng thiên là tám vạn bốn nghìn kiếp, hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy, được gọi là chúng sanh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sanh, già, bệnh, chết.”

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

“Tất cả chúng sanh do bốn loại thức ăn mà tồn tại. Một là đoàn thực có thô có tế[301]. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Những loại thức ăn này chúng sanh ăn không giống nhau. Như người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bột, cá thịt, gọi là loại đoàn thực[302]. Y phục, tắm giặt, được gọi là tế hoạt thực[303]. Người Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng ăn các loại cơm, bột, cá thịt được gọi là đoàn thực; y phục, tắm giặt là tế hoạt thực. Người Uất-đan-viết thì chỉ ăn lúa gạo chín tự nhiên, đây đủ vị trời lấy là đoàn thực; cũng lấy y phục, tắm giặt làm tế hoạt thực. Loài rồng, kim sí điều, thì ăn các con giải, con đà, con cá, con ba-ba lấy làm đoàn thực, và tắm

**gội, y phục làm tế hoạt thực. A-tu-la thì ăn đoàn thực sạch[304] lấy làm đoàn thực, và lấy tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Tứ thiên vương, Đao-lị thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên ăn loại đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực, và tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực. Chư thiên từ đây trở lên dùng hỷ lạc thiên định làm thức ăn.**

**[133c] “Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh, sinh ra từ trứng dùng xúc thực.**

**“Những chúng sanh nào dùng ý tư thực? Có chúng sanh nhờ vào ý tư thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn, tuổi thọ không dứt, đó là ý tư thực.**

**“Những chúng sanh nào dùng thức thực? Những chúng sanh ở địa ngục và cõi Vô sắc thiên, những loại chúng sanh này dùng thức thực.**

**“Người cõi Diêm-phù-đề dùng các thứ vàng bạc, đồ quý báu, lúa gạo, lụa là, nô bộc để mưu sinh buôn bán mà tự nuôi sống. Người Câu-da-ni dùng bò, dê, châu báu để trao đổi mà nuôi sống. Người Phất-vu-đãi dùng thóc, vải, châu ngọc[305] để trao đổi mà tự nuôi sống. Người Uất-đan-viết tuy không dùng**

**cách trao đổi nhưng cũng mưu sinh để tự nuôi sống.**

**“Người cỡi Diêm-phù-đê có sự mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Câu-da-ni, và người Phất-vu-đãi, cũng có mai mối hôn nhân, con trai lấy vợ, con gái lấy chồng. Người Uất-đan-viết, thì không có vấn đề hôn nhân, không có sự lấy chồng, lấy vợ của con trai và con gái. Loài rồng và kim sí điểu cùng A-tu-la, thì cũng có hôn nhân, có giá thú giữa con trai và con gái. Tứ thiên vương, Đao-lị thiên,... cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên cũng có hôn nhân, và có giá thú giữa người nam và người nữ. Chư thiên từ đây trở lên không còn có nam và nữ.**

**“Người cỡi Diêm-phù-đê, vì giữa nam và nữ giao hội nhau, thân và thân xúc chạm nhau, nên sanh ra âm dương. Những người Câu-da-ni, người Phất-vu-đãi, người Uất-đan-viết cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Các loài rồng, kim sí điểu cũng dùng thân với thân xúc chạm nhau nên cũng sanh ra âm dương. Loài A-tu-la thì thân với thân gần gũi nhau phát sanh khí mà trở thành âm dương. Tứ thiên vương, Đao-lị thiên thì cũng lại như vậy. Diệm-ma thiên, thì gần gũi nhau mà thành âm dương. Đâu-suất thiên thì cầm tay nhau mà thành âm dương.**

**Hóa Tự Tại thiên thì nhìn kỹ nhau mà thành âm dương. Tha Hóa Tự Tại thiên thì láy mắt nhìn nhau mà thành âm dương. Chư thiên từ đây trở lên thì không còn âm dương nữa.**

**“Nếu có chúng sanh nào, với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, sau đó thức người đời diệt mất; thức nê lê bắt đầu sinh ra. Nhân thức nên có danh sắc. Nhân danh sắc nên có sáu xứ. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, bị đọa vào trong loài súc sanh; sau đó thức người đời bị diệt; thức súc sanh bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu xứ. Hoặc có chúng sanh với thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào trong ngạ quỷ; sau đó thức người đời bị diệt, thức ngạ quỷ bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu xứ. Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói những lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sinh vào trong cõi người; sau đó thức đời trước diệt, thức loài người bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu xứ.**



**[134a] “Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh về cõi Tứ thiên vương; sau đó thức đời trước diệt; thức loài trời Tứ thiên vương bắt đầu sinh ra; nhân thức nên có danh sắc; nhân danh sắc nên có sáu xứ.**

**“Lúc bắt đầu sinh ở cõi Trời, hình dạng cũng giống hệt như con nít chừng hai, ba tuổi của cõi người này, tự nhiên hóa hiện, ngồi trên đầu gối Trời. Vị Trời ấy liền nói: ‘Đây là con ta.’ Do quả báo của hành vi, nên tự nhiên mà có nhận thức; liền tự nghĩ rằng: ‘Ta do đã làm những gì, mà nay ta sinh ra nơi này?’ Rồi tự nhớ lại: ‘Đời trước ta ở nhân gian, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện. Vì đã làm những việc này nên nay được sanh về cõi Trời. Giả như ở đây ta mạng chung, mà sinh vào cõi nhân gian trở lại, thì phải thanh tịnh thân, khẩu, ý, và siêng năng gấp đôi trong việc tu tập các hạnh lành.’ Sau khi sinh ra chưa lâu, hài nhi tự biết đói, lúc ấy tự nhiên trước mặt hài nhi này có đồ để đựng quý, trong đó đựng thức ăn thanh tịnh của cõi Trời, tự nhiên có, đủ cả trăm mùi vị. Nếu phước báo nhiều thì thức ăn màu trắng. Nếu phước báo mà vừa thì thức ăn có màu xanh. Còn nếu phước báo ít thì thức ăn có màu đỏ. Đứa trẻ này dùng tay lấy thức ăn đưa vào**

miệng, thức ăn tự nhiên tiêu mất, như váng sữa được chế vào trong lửa. Khi đứa trẻ ăn xong, mới tự cảm thấy khát, thì tự nhiên có đồ đựng quý, đựng đầy nước cam lồ. Nếu là người có nhiều phước báo thì nước này có màu trắng; nếu người này phước báo vừa vừa thì nước này có màu xanh; nếu là người có phước báo ít thì nước này có màu đỏ. Đứa trẻ này lấy nước uống; nước tự động tiêu mất như váng sữa được chế vào lửa vậy.

“Đứa trẻ này sau khi ăn uống xong, thì thân thể cao lớn cũng như các chư Thiên khác, liền vào trong hồ nước mà tự mình thưởng thức sự tắm gội rửa ráy. Khi đã tự mình thưởng thức xong thì ra khỏi hồ tắm, đến dưới cây Hương. Cây hương sẽ cong xuống; nó dùng tay lấy các loại hương tự thoa vào thân mình. Sau đó lại đến cây Y kiếp-bồi. Cây cong xuống, nó lấy các loại y mặc vào thân mình. Tiếp đến nơi cây Trang nghiêm. Cây cong xuống, nó lấy các thứ đồ trang sức, để tự trang điểm thân. Tiếp đến cây Hoa man[306], cây nghiêng xuống một bên, lấy tràng hoa đội lên đầu. Tiếp đến cây Khí, cây nghiêng xuống một bên, để lấy các thứ đồ vật báu. Tiếp đến cây Quả, cây nghiêng xuống một bên, hái trái tự nhiên, hoặc ăn hay ngậm, hoặc lọc nước mà uống. Tiếp đến cây nhạc khí, cây nghiêng xuống một bên, lấy nhạc khí Trời, khảy lên âm thanh

trong trẻo vi diệu hòa cùng lời ca. Khi đứa trẻ cõi Trời hướng đến các khu vườn, thì thấy vô số thiên nữ đang khảy đàn đánh trống ca hát nói cười với nhau. Bấy giờ đứa trẻ cõi Trời dạo chơi thấy những cảnh như vậy, bèn sinh lòng đắm nhiễm, nhìn Đông mà quên Tây, nhìn Tây mà quên Đông. Lúc mà đứa trẻ này mới sinh, tự biết mà tự nghĩ rằng: 'Do hành vi gì mà nay ta được sinh ra nơi này?' [134b] Khi đang dạo chơi xem cảnh nơi kia, thì lại quên hết ý nghĩ này. Thế rồi, liền có thể nữ theo hầu.

"Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đao-lị thiên; sau đó thức đời trước diệt; thức kia bắt đầu sinh ra; nhân thức này nên có danh sắc, nhân danh sắc nên có sáu xứ. Kẻ mới bắt đầu sinh của cõi Trời kia, giống như đứa trẻ hai hay ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, tự nhiên biến hiện ra ở trên đầu gối của Trời, và vị Trời ấy nói: 'Đây là con trai của ta. Đây là con gái của ta.' Cũng lại như đã kể trên.

"Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Diêm-ma thiên; kẻ mới bắt đầu sinh của cõi trời kia, giống như đứa trẻ ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề này.

**“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đâu-suất thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ bốn, năm tuổi ở thế gian này.**

**“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Hóa-tự-tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ năm, sáu tuổi ở thế gian này.**

**“Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Tha Hóa Tự Tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Mỗi nửa tháng có ba ngày trai[307], đó là: ngày mồng tám, ngày mười bốn, và ngày mười lăm.[308] Đó là ba ngày trai. Vì sao trong mỗi nửa tháng lấy ngày mùng tám làm ngày trai? Vì vào ngày mồng tám của mỗi nửa tháng là ngày Tứ thiên vương thường bảo sứ giả rằng: ‘Các người nên đi khảo sát thế gian, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận với cha mẹ, có kính thuận với Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn kính các bậc trưởng lão, có trai giới, bố thí, có cứu giúp người cùng thiếu hay không?’**

Sau khi sứ giả nghe những lời dạy này rồi, liền đi khảo sát khắp trong thiên hạ, để biết có người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng các bậc trưởng lão, trì giới giữ trai, bố thí cho người cùng thiếu. Sau khi xem xét đầy đủ rồi, thấy có những người bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, không tu trai giới, không cứu giúp người cùng thiếu, về thưa với nhà vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian những người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng sư trưởng, tịnh tu trai giới, giúp đỡ những người cùng thiếu thì rất ít! rất ít!' Sau khi Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, đáp rằng: 'Than ôi! nếu người thế gian, có nhiều kẻ ác, bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ người cùng thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tổn giảm, và chúng A-tu luân sẽ tăng thêm.' Trường hợp nếu sứ giả thấy ở thế gian mà có người hiếu kính mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo, thì trở về bạch với [134c] Thiên vương rằng: 'Ở thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người cùng thiếu.' Tứ thiên vương sau khi nghe xong rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: 'Lành thay! Ta đã nghe những lời tốt lành, rằng thế gian nếu có những người có thể hiếu thuận mẹ cha, kính

**trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm, và chúng A-tu-la sẽ giảm bớt.'**

**"Vì sao lấy ngày mười bốn làm ngày trai? Vì ngày mười bốn là ngày mà Tứ thiên vương bảo Thái tử rằng: 'Người nên đi khảo sát khắp thiên hạ, xem xét mọi người, để biết có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không?' Sau khi vâng lời dạy của vua xong, Thái tử liền đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo thiếu hay không. Khi đã quán sát tất cả rồi, nhận thấy thế gian có người không hiếu thuận mẹ cha, không kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ người nghèo thiếu, trở về thưa vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, giúp đỡ những người nghèo thiếu thì rất ít! rất ít!' Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, bảo rằng: 'Than ôi! Nếu thế gian có nhiều kẻ ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng Chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-la sẽ tăng thêm.' Nếu Thái tử nhận thấy thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng,**

**siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì liền trở về thưa vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu.' Tứ thiên vương nghe xong, lòng rất vui mừng, xướng lên rằng: 'Lành thay! Ta nghe được những lời tốt lành, là ở thế gian nếu có những người hiếu thuận với mẹ cha, tôn trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng Chư Thiên sẽ tăng thêm, chúng A-tu-la sẽ giảm bớt.' Cho nên ngày mười bốn là ngày trai.**

**"Vì sao lấy ngày mười lăm làm ngày trai? Vì ngày mười lăm là ngày Tứ thiên vương đích thân tự đi khảo sát thiên hạ, xem xét mọi người ở trong thế gian, có hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu hay không? Nếu nhận thấy người thế gian phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không tôn trọng sư trưởng, không siêng trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, Tứ thiên vương đến điện Thiện pháp tâu với Đế Thích: 'Đại vương biết cho, chúng sanh ở thế gian [135a] phần nhiều bất hiếu với mẹ cha, không kính trọng sư trưởng, không tu trai giới, không giúp đỡ kẻ nghèo thiếu!' Sau khi Đế Thích và Chư Thiên Đạo-lị nghe xong lòng buồn lo không vui nói rằng: 'Than ôi!**

**Nếu chúng sanh ở thế gian phần nhiều là ác, không hiếu thuận mẹ cha, không tôn kính sư trưởng, không tu trai giới, không giúp kẻ cùng thiếu, thì chúng Chư Thiên sẽ giảm bớt, chúng A-tu-la sẽ tăng lên.’ Nếu Tứ thiên vương nhận thấy thế gian có người hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ kẻ nghèo thiếu, thì trở về điện Thiện pháp tâu với Đế Thích: ‘Người thế gian có kẻ hiếu thuận với mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp kẻ nghèo thiếu.’ Sau khi Đế Thích và Chư Thiên Đao-lị nghe xong lòng rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: ‘Lành thay! Nếu ở thế gian mà có kẻ hiếu thuận mẹ cha, tôn kính sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp kẻ nghèo thiếu, thì chúng Chư Thiên sẽ tăng, chúng A-tu-la sẽ giảm.’ Cho nên lấy ngày mười lăm là ngày trai giới. Vì lý do trên nên có ba ngày trai. Bây giờ, Đế Thích muốn cho Chư Thiên càng thêm hoan hỷ hơn, liền nói bài kệ:**

**Thường lấy ngày mồng tám,  
Mười bốn, rằm mỗi tháng,  
Cải hóa, tu trai giới,  
Người này đồng với ta.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**



**“Đề Thích nói bài kệ này, không phải là khéo thọ, không phải là khéo nói; Ta cũng không ấn khả. Vì sao? Vì Đề Thích chưa dứt hết dâm dục, sân hận, si mê, chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người này chưa lìa khỏi gốc khổ. Tỳ-kheo nào của Ta, nếu lậu hoặc đã hết, đắc A-la-hán, những gì cần làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, đã sạch hết kết sử các hữu, chân chánh giải thoát, thì Tỳ-kheo đó mới đáng nói bài kệ này:**

**Thường lấy ngày mồng tám,**

**Mười bốn, rằm mỗi tháng,**

**Vâng lời tu trai giới,**

**Người này đồng với ta.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Tỳ-kheo kia nói bài kệ này mới gọi là khéo thọ, mới gọi là khéo nói, được Ta ấn khả. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia đã dứt sạch dâm dục, sân hận, si mê, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Ta bảo người kia đã lìa khỏi gốc khổ.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Tất cả chỗ ở như nhà cửa của mọi người đều có quý thần, [309] không có chỗ nào là không có cả. Tất cả mọi đường sá, mọi ngã tư, hàng**

**thịt, chợ búa, cùng bãi tha ma đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Phạm [135b] các loài quỷ thần đều tùy thuộc vào chỗ nương náu mà có tên. Như nếu nương vào người thì gọi là người; nương vào thôn thì gọi là thôn; nương vào thành thì gọi là thành; nương vào nước thì gọi là nước; nương vào đất thì gọi là đất; nương vào núi thì gọi là núi, nương vào sông thì gọi là sông.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Tất cả mọi loại cây cối dù là cực nhỏ như trục xe cũng đều có quỷ thần nương tựa, không có chỗ nào là không có. Tất cả mọi người nam, người nữ khi mới bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên ủng hộ; nếu khi nào họ chết thì quỷ thần giữ gìn họ, thu nhiếp tinh khí của họ, nên người này sẽ chết ngay.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Giả như có Phạm-chí ngoại đạo hỏi rằng: ‘Chư hiền! Nếu như tất cả nam nữ khi bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên giữ gìn, ủng hộ; khi người kia sắp chết, quỷ thần giữ gìn ủng hộ kia sẽ thu nhiếp tinh khí họ, thì người này chết. Nhưng tại sao người hiện nay lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?’ Nếu có người hỏi câu này, thì các người nên trả lời cho họ rằng:**

**'Người thế gian hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, những người như vậy, trong trăm hay nghìn mới có một thần theo bảo hộ thôi. Giống như đàn bò, đàn dê, trong trăm hay nghìn con cũng chỉ có một người chăn giữ. Ở đây cũng như vậy, vì hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, nên những người như vậy, trong trăm hay nghìn người mới có một thần bảo hộ thôi. Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm nghìn thần bảo hộ rồi. Giống như quốc vương, Đại thần của quốc vương có trăm nghìn người hộ vệ một người. Ở đây cũng như vậy, người tu hành pháp thiện, đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm nghìn thần hộ vệ. Vì nhân duyên này cho nên, người thế gian có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu.**

**“Người cõi Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Câu-da-ni, đó là: một, dũng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành; hai, dũng mãnh, nhớ dai, siêng tu phạm hạnh; ba, vì dũng mãnh, nhớ dai, nên Phật ra đời ở cõi này. Do có ba điều này nên hơn người Câu-da-ni. Người Câu-da-ni có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, nhiều bò; hai, nhiều dê;**

**ba, nhiều châu ngọc. Do có ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Phất-vu-đãi, đó là: một, dũng mãnh, nhớ dai, [135c] có khả năng tạo ra nghiệp hành; hai, dũng mãnh, nhớ dai, thường tu phạm hạnh; ba, dũng mãnh, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Vì ba điều này nên hơn Phất-vu-đãi. Người Phất-vu-đãi có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cõi này rất rộng; hai, cõi này rất lớn; ba, đất đai cõi này rất vi diệu. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Uất-đan-viết, đó là: một, mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo ra hành nghiệp; hai, mạnh mẽ, nhớ dai, thường tu hành phạm hạnh; ba, mạnh mẽ, nhớ dai, Phật ra đời ở cõi này. Đó là ba điều hơn người Uất-đan-viết. Người Uất-đan-viết có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, không bị ràng buộc lệ thuộc; hai, không có vật sở hữu của ngã; ba, tuổi thọ cố định là nghìn năm. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề cũng với ba điều trên mà hơn đường ngạ quỷ. Đường ngạ quỷ có ba điều hơn Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, người khác làm mà mình chịu. Vì ba điều này nên hơn Diêm-phù-đề.”**

**“Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên nên hơn loài rồng, kim sí điều. Loài rồng, kim sí điều lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, thân to lớn; ba, cung điện. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên nên hơn A-tu-la. A-tu-la lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, cung điện cao, rộng; hai, cung điện trang nghiêm; ba, cung điện thanh tịnh. Vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề vì ba điều trên mà hơn Tứ thiên vương. Tứ thiên vương lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều; vì ba điều này nên hơn người Diêm-phù-đề.**

**“Người Diêm-phù-đề cũng vì ba điều trên mà hơn Đao-lị thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa-tự-tại thiên, Tha-hóa-tự-tại thiên. Các hàng Chư Thiên này lại có ba điều hơn người Diêm-phù-đề, đó là: một, sống lâu; hai, đoan chánh; ba, an vui nhiều.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Chúng sanh cõi Dục có mười hai loại, đó là:  
1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. Người,  
5. A-tu-la, 6. Tứ thiên vương, 7. Đao-lị thiên,**

**[136a] 8. Diệm-ma thiên, 9. Đâu-suất thiên, 10. Hóa Tự Tại thiên, 11. Tha-hóa-tự-tại thiên, 12. Ma thiên.[310]**

**“Chúng sanh cõi Sắc có hai mươi hai loại, đó là: 1. Phạm thân thiên, 2. Phạm phụ thiên, 3. Phạm chúng thiên, 4. Đại Phạm thiên, 5. Quang thiên, 6. Thiếu quang thiên, 7. Vô lượng quang thiên, 8. Quang Âm thiên, 9. Tịnh thiên, 10. Thiếu tịnh thiên, 11. Vô lượng tịnh thiên, 12. Biến Tịnh thiên, 13. Nghiêm sức thiên, 14. Tiểu nghiêm sức thiên, 15. Vô lượng nghiêm sức thiên, 16. Nghiêm thắng quả thật thiên, 17. Vô tướng thiên, 18. Vô phiền thiên, 19. Vô nhiệt thiên, 20. Thiện kiến thiên, 21. Đại thiện kiến thiên, 22. A ca nị trá thiên.[311]**

**“Chúng sanh cõi Vô sắc có bốn loại, đó là: 1. Không trí thiên, 2. Thức trí thiên, 3. Vô sở hữu trí thiên, 4. Hữu-tướng vô tướng trí thiên.”[312]**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Có bốn loại đại thiên thần, đó là: 1. Địa thần, 2. Thủy thần, 3. Phong thần, 4. Hỏa thần. Xưa kia Địa thần này sinh ra nhận thức sai lầm rằng: ‘Trong đất không có nước, lửa, và gió.’ Lúc đó Ta biết rõ tâm niệm của Thần đất này, liền đến bảo rằng: “Người đang này sanh**

**ra ý nghĩ rằng: 'Trong đất không có nước, lửa và gió phải không?' Địa thần đáp: 'Trong đất quả thực không có nước, lửa và gió.' Lúc ấy Ta bảo rằng: 'Người chớ nảy sanh ý niệm này là trong đất không có nước, lửa và gió. Vì sao? Vì trong đất có nước, lửa và gió, chỉ vì yếu tố đất nhiều nên lấy đất mà gọi tên.'"**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**"Lúc ấy Ta vì Địa thần mà lần lượt nói pháp để dứt trừ nhận thức sai lầm này, và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết, và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Ta biết rõ tâm niệm Địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyễn, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, Ta chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế, và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Địa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Địa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không [136b] hướng theo đạo khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Ta rằng: 'Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp,**

**quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cho phép con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**"Xưa kia, Thủy thần nầy sanh ác kiến, nói rằng: 'Trong nước không có đất, lửa và gió.' Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói với Thủy thần rằng: 'Thật sự Người có sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Địa thần nói: 'Người chớ sinh ra kiến giải này, là trong nước không có đất, lửa và gió. Vì sao? Vì trong nước có đất, lửa và gió, nhưng chỉ vì yếu tố nước nhiều quá, nên dùng yếu tố nước để gọi tên.' Bấy giờ, Địa thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này, và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết, và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy Địa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần đã thanh tịnh, nhu nhuyễn, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế, và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Thủy thần liền**



ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Thủy thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Địa thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

"Xưa kia Hỏa thần nảy sanh ra ác kiến, nói rằng: 'Trong lửa không có đất, nước và gió.' Lúc ấy Địa thần và Thủy thần biết rõ tâm niệm Thủy thần sinh ra nhận thức này, nên cùng nói với Hỏa thần rằng: 'Thật sự người có sinh ra kiến giải này phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Hai thần nói: 'Người chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong lửa có đất, nước và gió, nhưng chỉ vì yếu tố lửa nhiều quá, nên dùng yếu tố lửa để gọi tên.' Bấy giờ, hai vị thần Địa và Thủy liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này, và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là

trên hết, và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy hai thần biết rõ tâm niệm Hỏa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyễn, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, [136c]Khổ diệt đế, và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Hỏa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Hỏa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với hai thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

"Xưa kia Phong thần này sanh ra nhận thức sai lầm rằng: 'Trong gió không có đất, nước và lửa.' Lúc ấy Địa thần, Thủy thần, Hỏa thần biết rõ tâm niệm Thủy thần sinh ra nhận thức này, nên đến nói rằng: 'Thật sự Người có sinh ra kiến giải này phải không?' Đáp rằng: 'Có thật như vậy.' Ba vị thần nói: 'Người chớ sinh ra kiến giải này. Vì sao? Vì trong gió có đất,

nước và lửa, nhưng chỉ vì yếu tố gió nhiều quá, nên dùng yếu tố gió để gọi tên.' Bấy giờ, ba vị thần liền vì y mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm này, và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết, và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh. Lúc ấy ba thần biết rõ tâm niệm của Phong thần đã thanh tịnh, nhu nhuyễn, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế, và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Phong thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Ví như tấm vải trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Phong thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với ba thần rằng: 'Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, xin nhận tôi là Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp'."

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Mây có bốn thứ, đó là: một là màu trắng; hai là màu đen; ba là màu đỏ; bốn là màu hồng. Mây có màu trắng vì yếu tố đất đặc biệt nhiều; mây có màu đen vì yếu tố nước đặc biệt nhiều hơn; mây có màu đỏ vì yếu tố lửa đặc biệt nhiều hơn; mây có màu hồng vì yếu tố gió đặc biệt nhiều hơn. Mây cách mặt đất từ hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm,...cho đến bốn nghìn dặm; ngoại trừ kiếp sơ, còn sau đó thì mây lên đến cõi Quang-âm thiên. Chớp có bốn loại, đó là: Chớp ở phương Đông gọi là Thân quang; chớp ở phương Nam gọi là Nan hủy; chớp ở phương Tây [137a] gọi là Lưu diễm; chớp ở phương Bắc gọi là Định minh[313]. Vì sao mây ở trong hư không có hiện tượng ánh chớp này? Có lúc Thân quang cùng Nan hủy chạm nhau, có khi Thân quang cùng với Lưu diễm chạm nhau, có khi Thân quang cùng với Định minh chạm nhau, có khi Nan hủy cùng với Lưu diễm chạm nhau, có khi Nan hủy cùng với Định minh chạm nhau, có khi Lưu diễm cùng với Định minh chạm nhau; vì những nhân duyên này nên mây giữa hư không sinh ra ánh chớp. Và vì sao mây ở giữa hư không lại sinh ra sấm chớp? Vì ở giữa hư không có khi địa đại cùng với thủy đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với phong đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với hỏa đại chạm**

**nhau, có khi thủy đại cùng với phong đại chạm nhau; vì những nhân duyên này mà mây giữa hư không sinh ra sấm chớp.**

**“Có năm lý do mà các thầy tướng không thể tiên đoán, và không thể biết được một cách chắc chắn về mưa nên dẫn đến việc sai lầm trong lúc đoán, đó là: một, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa; nhưng vì hỏa đại nhiều nên nó thiêu hủy mây đi, vì vậy mà không mưa. Đó là lý do thứ nhất khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Hai, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì phong đại nổi lên, thổi mây bay tứ tán vào trong các núi, vì lý do này nên khiến cho các thầy tướng đoán sai lầm. Ba, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng bấy giờ Đại A-tu-la đem phù vân đặt giữa biển cả, vì lý do này mà thầy tướng đoán sai lầm. Bốn, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì thân mây, thân mưa đang buông lung dâm loạn, nên rốt cùng không làm mưa, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai lầm. Năm, trong mây có sấm chớp, đoán rằng sắp mưa, nhưng vì mọi người trong thế gian hành động buông lung phi pháp, làm hạnh bất tịnh, tham lam, keo kiệt, ghen ghét, kiến giải điên đảo, nên khiến trời không mưa xuống, vì lý do này nên thầy tướng đoán sai. Đó là năm lý do**

**làm cho các thầy tướng không thể biết để đoán mưa một cách chắc chắn được.” [314]**

### **Phẩm 9: TAM TAI**

**[137b2] Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Có bốn sự kiện[315] trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Bốn sự kiện, đó là: Một, ở thế gian có những thứ tai nạn khởi lên từ từ; khi thế giới này tan hoại, trung gian là một khoảng thời gian trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Hai, sau khi thế giới này tan hoại rồi, thì trung gian là một khoảng trống vắng mênh mông, không có thế giới; thời gian này là mịt mù trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Ba, khi trời đất mới bắt đầu khởi hướng nhằm đến sự hình thành, khoảng thời gian này là trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Bốn, sau khi trời đất đã hoàn thành rồi, tồn tại lâu dài không hoại, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Đó là bốn sự kiện trường cửu, không lường, không có giới hạn, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để tính toán được.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Ở thế gian có ba thứ tai kiếp[316]; đó là: Một, tai kiếp lửa. Hai, tai kiếp nước. Ba, tai kiếp gió. Có giới hạn phía trên của ba tai kiếp. Thế nào là ba? Đó là: một, Quang Âm thiên[317]; hai, Biến Tịnh thiên[318]; ba, Quả thật thiên[319]. Khi tai kiếp lửa khởi lên, cháy lên cho đến Quang Âm thiên, thì Quang Âm thiên là giới hạn. Khi tai kiếp nước khởi lên, ngập cho đến Biến Tịnh thiên, thì Biến Tịnh thiên là giới hạn. Khi tai kiếp gió khởi lên, thổi cho đến Quả thật thiên, thì Quả thật thiên là giới hạn.**

**“Thế nào là tai kiếp lửa? Khi tai kiếp lửa bắt đầu sắp sửa khởi, con người thế gian này lúc đó đều thực hành Chánh pháp, đều chánh kiến không điên đảo, đều tu mười thiện hành. Khi thực hành pháp này, có người đạt được nhị thiên, liền có thể cất mình bay lên ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhưn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo[320], và lớn tiếng xưng lên rằng: ‘Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ nhị thiên không tầm không tứ! Sung sướng thay, đệ nhị thiên![321]’ Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: ‘Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của đệ nhị thiên không tầm, không tứ.’ Khi ấy, người ở giữa hư không nghe**

**những lời của người kia rồi liền nói về đạo của nhị thiên không tâm, không tứ. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của nhị thiên không tâm, không tứ, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang Âm thiên.**

**“Lúc ấy, những chúng sanh có tội trong địa ngục, sau khi mạng chung lại được sinh vào cõi Người, và tu tập pháp của đệ nhị thiên không tâm, không tứ, nên sau khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang Âm thiên. Những chúng sanh ở trong các loài Súc sanh, Ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương, Đao-lị thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, sau khi thân hoại mạng chung [137c] sanh lại cõi nơh gian; sau đó tu tập nhị thiên không tâm, không tứ, thân hoại mạng chung sẽ sinh về Quang Âm thiên. Vì những nhân duyên này nên đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, cho đến Phạm thiên tất cả đều diệt. Ngay lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt, sau đó súc sanh diệt; súc sanh diệt rồi thì ngạ quỷ diệt; ngạ quỷ diệt rồi thì A-tu-la diệt; A-tu-la diệt rồi thì Tứ thiên vương diệt; Tứ thiên vương diệt rồi thì Đao-lị thiên diệt; Đao-lị thiên diệt rồi thì Diêm-ma thiên diệt; Diêm-ma thiên diệt rồi thì Đâu-suất thiên diệt; Đâu-suất thiên diệt rồi thì Hóa Tự Tại thiên diệt; Hóa Tự Tại thiên diệt rồi thì Tha Hóa Tự Tại**



**thiên diệt; Tha Hóa Tự Tại thiên diệt rồi thì Phạm thiên diệt; Phạm thiên diệt rồi thì sau đó con người diệt, không còn sót gì lại sau này. Khi con người đã diệt, không còn gì nữa, thế gian này sẽ hủy hoại cho đến thành là tai. Sau đó trời không mưa, trăm thứ lúa thóc, cỏ cây tự nhiên chết khô.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát, vượt qua thế gian.**

**“Sau đó, qua một thời gian rất lâu, có một trận bão lớn[322] bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai nghìn do-tuần, đặt làm quỹ đạo của mặt trời[323]. Do nhân duyên này mà thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi hai mặt trời xuất hiện, những giòng sông, ngòi, kênh, rạch nhỏ có được trên thế gian này, đều khô kiệt.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy**

**nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm  
tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt  
qua thế gian.**

**“Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão  
lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước  
biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách  
làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt  
lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn  
hai nghìn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do  
nhân duyên này mà thế gian có ba mặt trời  
xuất hiện. Sau khi ba mặt trời xuất hiện,  
những nơi có nước nhiều như: sông Hằng,  
sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di-la-bà-  
đê, sông A-ma-khiếp, sông Tân-đà, sông Cỗ-  
xá tất cả đều khô cạn, không còn một giọt.**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường,  
biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy  
nương nhờ, Các pháp hữu vi rất đáng nhàm  
tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt  
qua thế gian.**

**“Sau đó một thời gian rất lâu có một trận bão  
lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước  
biển, sâu tám vạn bốn [138a] ngàn do-tuần,  
bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem  
đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn  
vạn hai nghìn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt  
trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bốn  
mặt trời xuất hiện. Sau khi bốn mặt trời xuất**

hiện, thì những con suối, nguồn nước, hồ, vực, trong thế gian như ao lớn Thiện kiến, ao lớn A-nậu-đạt, ao Tứ-phương-đà-diên, ao Ưu-bát-la, ao Câu-vật-đâu, ao Phân-đà-lợi, ao Ly; dọc ngang rộng năm mươi do-tuần, thảy đều khô cạn hết.

“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

“Sau đó, một thời gian lâu dài, có một trận bão lớn bạo khởi, thổi nước biển lớn, làm cho nước biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, bị tách làm hai; mang cung điện mặt trời, đem đặt lưng chừng núi Tu-di; cách mặt đất bốn vạn hai nghìn do-tuần, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Sau khi năm mặt trời xuất hiện, thì nước trong biển lớn bị vơi dần từ một trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần.

“Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

**“Bấy giờ, nước biển lớn với dân hết chỉ còn có từ bảy trăm do-tuần, rồi sáu trăm do-tuần, rồi năm trăm do-tuần, rồi bốn trăm do-tuần, và... cho đến chỉ tồn tại một trăm do-tuần. Vì vậy nên biết rằng: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Bấy giờ, nước biển lớn từ từ với dân chỉ còn từ bảy do-tuần, rồi sáu do-tuần, rồi năm do-tuần, và... cho đến chỉ còn tồn tại một do-tuần.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: ‘Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Sau đó nước biển với dân chỉ còn từ bảy cây đa-la, rồi sáu cây đa-la, và... cho đến chỉ còn bằng một cây đa-la.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy, nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng**

**nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Sau đó nước biển chuyển cạn dần từ bảy người, rồi sáu người, rồi năm người, rồi bốn người, rồi ba người, rồi hai người, rồi một người, cho đến chỉ còn từ thắt lưng, rồi đầu gối, rồi đến... mắt cá chân người.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng để cho con người chán nản và lo sợ, nên tìm đạo giải thoát độ thế gian.**

**“Sau đó, nước biển chỉ còn giống như sau cơn mưa xuân; cũng giống như nước trong dầu chân trâu, từ từ cạn hết, không đủ thấm ướt [138b] ngón tay người’.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn nghìn do-tuần, dạt lên hai bờ;**

**mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt Trời. Do nhân duyên này mà thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Sau khi sáu mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, núi lớn, Tu-di sơn vương... đều bốc khói cháy xém, giống như thợ gốm khi bắt đầu đun đồ gốm, thì lúc sáu mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy."**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**"Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**"Sau đó, qua một thời gian lâu dài, có trận bão lớn bạo khởi, thổi cát đáy biển, độ sâu tám vạn bốn nghìn do-tuần, dạt lên hai bờ; mang cung điện mặt trời đem đặt lưng chừng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt trời. Do nhân duyên này mà thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Sau khi bảy mặt trời xuất hiện, thì bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương... tất cả đều rực lửa. Cũng như thợ gốm khi đốt to, ngọn lửa bốc lên, lúc bảy mặt trời xuất hiện lại cũng như vậy."**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian. Bốn châu thiên hạ này, cùng tám vạn núi trong thiên hạ, các núi lớn, Tu-di sơn vương... tất cả đều rục lửa. Cùng lúc, cung điện Tứ thiên vương, cung điện Đao-lị thiên, cung điện Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, cung điện Phạm thiên cũng đều rục lửa.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Sau khi bốn châu thiên hạ này... cho đến Phạm thiên, thảy đều rục lửa, gió thổi ngọn lửa đến cõi Quang Âm thiên. Các Thiên tử sơ sinh khi thấy ngọn lửa này đều sanh lòng sợ hãi, nói rằng: ‘Ồi! Vật gì đây?’ Chư thiên sinh trước nói với Chư Thiên sinh sau rằng: ‘Chớ sợ hãi! Lửa kia đã từng đến và dừng lại ngang đó.’ Vì nghĩ đến ánh lửa trước nên gọi là Quang niệm thiên[324].**

**“Khi bốn thiên hạ này,... cho đến Phạm thiên, bốc lửa, thì Tu-di sơn vương dần dần [138c] sụp lở, từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần,... cho đến bảy trăm do-tuần.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.**

**“Sau khi bốn châu thiên hạ này,... cho đến Phạm thiên đều bị lửa đốt sạch, sau đó đại địa cùng Tu-di sơn không còn chút tro tàn nào hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.”**

**“Sau khi đại địa bị lửa đốt cháy sạch rồi, thì nước ở bên dưới đất cũng hết; gió ở bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**



**“Khi tai kiếp lửa khởi lên, thì trời không mưa xuống, trăm thứ lúa, cỏ, cây tự nhiên bị khô chết. Ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi! Cũng vậy, cho đến, nước ở bên dưới đất hết, gió ở bên dưới nước cũng hết; ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi!**

**“Đó là tai kiếp lửa.**

**“Thế nào là sự phục hồi của kiếp lửa[325] ? Sau đó rất lâu, rất lâu, có đám mây đen lớn ở giữa hư không, cho đến cõi Quang Âm thiên; mưa đổ xuống khắp nơi, giọt mưa như bánh xe. Mưa như vậy trải qua vô số trăm nghìn năm, nước mưa lớn dần, cao đến vô số trăm nghìn do-tuần, cho đến cõi Quang Âm thiên.**

**“Bấy giờ, có bốn trận gió lớn nổi lên, giữ nước này trụ lại. Những gì là bốn? Một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố[326]. Sau đó nước này vơi bớt một trăm nghìn do-tuần, rồi vô số trăm nghìn vạn do-tuần. Bốn mặt của nước này khởi lên trận gió lớn tên gió là tăng già[327], thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Phạm-ca-di. Khi nước kia vơi mãi cho đến vô**

số trăm nghìn vạn do-tuần, bốn mặt của nước này lại nổi lên gió lớn, được gọi là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Tha Hóa Tự Tại.

“Khi nước kia với bớt mãi cho đến vô số nghìn vạn do-tuần, bốn mặt nước này nổi lên gió lớn, có gió tên là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, [140a] nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Hóa Tự Tại.

“Khi nước kia rút xuống vô số trăm nghìn do-tuần, có gió tên là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Đâu-suất.

**“Khi nước kia rút xuống vô số trăm nghìn do-tuần, có gió tên là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại; đám bọt nước tích tụ này bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng rắn chắc, biến thành Thiên cung. Thiên cung này trang sức bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có thiên cung Diệm-ma.**

**“Khi nước kia rút xuống vô số trăm nghìn do-tuần, trên nước có bọt, và sâu sáu mươi vạn tám nghìn do-tuần, các biên của nó không có bờ mé. Cũng như dòng nước suối nguồn hang động ở thế gian này, trên nước của nó có bọt; thì kia cũng như vậy.**

**“Vì nhân duyên gì mà có núi Tu-di? Vì có cuồng phong nổi dậy, nên thổi bọt nước này tạo thành núi Tu-di, cao sáu mươi vạn tám nghìn do-tuần, dọc ngang tám vạn bốn nghìn do-tuần, và do bốn báu tạo thành: Vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly.**

**“Vì nhân duyên gì mà có bốn cung điện A-tu-la? Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, ở tại bốn mặt của núi Tu-di nổi lên cung điện lớn; mỗi cung điện dọc ngang tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.**

**“Lại vì nhân duyên gì mà có cung điện của Tứ thiên vương? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên lưng chừng nửa núi Tu-di, độ bốn vạn hai nghìn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Vì vậy cho nên gọi là cung điện Tứ thiên vương.**

**“Vì nhân duyên gì có cung điện Đao-lị thiên? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên tới đỉnh núi Tu-di, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu.**

**“Lại vì nhân duyên gì mà có núi Già-đà-la[328]? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tu-di không xa, tự nhiên hóa thành núi báu, chân núi ăn sâu vào trong đất bốn vạn hai nghìn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai nghìn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp bên cạnh do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Già-đà-la.**

**“Lại vì nhân duyên gì mà có núi Y-sa? Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Già-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Y-sa, cao hai vạn một nghìn do-tuần, dọc ngang hai vạn một nghìn do-tuần, ngoài biên [139b] thì không hạn, nhiều màu sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Y-sa. Sau khi cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Y-sa không xa,**

tự nhiên hóa thành núi Thọ thần đà-la[329], cao một vạn hai nghìn do-tuần, dọc ngang một vạn hai nghìn do-tuần, ngoài biên thì không hạn, nhiều màu xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Thọ-thần-đà-la.

“Về sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Thọ-cự-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi A-bát-ni-lâu[330], cao sáu nghìn do-tuần, dọc ngang sáu nghìn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc xen nhau, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi A-bát-ni-lâu.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi A-bát-ni-lâu không xa, tự nhiên hóa thành núi Ni-lân-đà-la[331], cao ba nghìn do-tuần, dọc ngang ba nghìn do-tuần, biên ngoài thì không hạn, nhiều sắc tạp xen, do bảy báu mà thành. Vì nhân duyên này nên có núi Ni-lân-đà-la.

“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Ni-lân-đà-la không xa, tự nhiên hóa thành núi Tỳ-ni-đà[332], cao một nghìn hai trăm do-tuần, dọc ngang một nghìn hai trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Tỳ-ni-đà.

**“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn lên cách núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên hóa thành núi Kim cang luân[333], cao ba trăm do-tuần, dọc ngang ba trăm do-tuần, biên ngoài thì không hạn, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì nhân duyên này nên có núi Kim cang luân.**

**“Vì sao có một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời? Một thời gian sau, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, sắc tạp xen nhau, do bảy báu mà thành, vì bị bão thổi ngược trở lại chỗ cũ nên vì nhân duyên này mà có cung điện mặt trời và cung điện mặt trăng.**

**“Sau đó, cuồng phong thổi đám bọt nước lớn, thì tự nhiên biến thành bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ. Vì nhân duyên này nên có bốn châu thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ.**

**“Sau đó, cuồng phong thổi bọt nước lớn, thì tại tứ thiên hạ cùng tám vạn thiên hạ, tự nhiên biến thành núi Đại Kim cang luân, cao mười sáu vạn tám nghìn do-tuần, dọc ngang rộng mười sáu vạn tám nghìn do-tuần, biên giới của nó thì không có hạn; kim cang rắn chắc không thể hủy hoại. Vì nhân duyên này nên có núi Đại Kim cang luân.**

**“Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, có mây tự nhiên phủ đầy không trung, và mưa lớn khắp nơi, [139c] những giọt nước mưa như bánh xe; nước này tràn đầy khắp nơi dim bốn châu thiên hạ cùng núi Tu-di v.v...**

**“Sau đó, cuồng phong thổi đất làm thành hầm hố lớn; nước khe suối đều chảy vào hết trong đó, nhân đây mà làm thành biển. Vì nhân duyên này nên có bốn biển nước lớn. Nước biển mặn đắng có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một, mây tự nhiên giăng khắp hư không cho đến Quang Âm thiên, mưa khắp mọi nơi, tẩy rửa cung trời, rửa sạch thiên hạ; từ cung trời Phạm-ca-di, cung trời Tha Hóa Tự Tại xuống đến cung trời Diệm-ma, bốn thiên hạ, tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương, thảy đều được tẩy rửa sạch sẽ; trong những nơi này, tất cả các thứ nước dịch bất tịnh, dơ dáy và mặn, đều trôi xuôi xuống mà vào trong biển cả hợp thành một vị, nên nước biển có vị mặn. Hai, vì xưa kia có vị Đại Tiên trì cấm chú vào nước biển, muốn cho lúc nào nó cũng mặn đắng, người không uống được, cho nên chúng mặn đắng. Ba, vì trong nước biển lớn này có nhiều loại chúng sanh cư trú, thân hình chúng to dài đến, hoặc trăm do-tuần, hai trăm do-tuần... cho đến bảy trăm do-tuần, thở hít, ăn vào mưa ra, đại tiểu tiện đều ở trong đó, nên nước biển mặn.**

**“Đó là tai kiếp lửa[334].”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thế nào là tai kiếp nước?**

**“Khi tai kiếp nước bắt đầu, con người trong thế gian này đều phụng hành Chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Sau khi tu tập thiện hành, có người đạt được đệ tam thiên không có hỷ, thân họ có thể cất lên ở giữa hư không, an trụ Thánh như đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, và lớn tiếng xưng lên rằng: ‘Các Hiền giả! Sung sướng thay, đệ tam thiên không có hỷ!’ Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: ‘Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của tam thiên không có hỷ.’ Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của tam thiên không có hỷ. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của tam thiên không có hỷ, nên khi thân hoại mạng chung họ được sinh về Biển Tịnh thiên.**

**“Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp của họ đã mãn, thân hoại mạng chung tái sinh vào nhưn gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ tam thiên; sau khi tu tập đạo thiên, thân hoại mạng chung, được sinh về Biển Tịnh thiên. Những chúng sanh của các**



loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương, Đao-lị thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, Quang Âm thiên sau khi thân hoại mạng chung cũng tái sinh vào cõi nơng gian; nếu họ cũng tu tập đạo của đệ tam thiên, khi thân hoại mạng chung họ cũng sẽ được sinh về Biển Tịnh thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục [140a] bị diệt tận, và súc sanh, ngạ quỷ, A tu luân, Tứ thiên vương,... cho đến cõi Quang Âm thiên cũng đều diệt tận. Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục biến mất, sau đó súc sanh biến mất; súc sanh biến mất rồi, thì ngạ quỷ biến mất; ngạ quỷ biến mất rồi, thì A-tu-la biến mất; khi A-tu-la biến mất rồi, thì Tứ thiên vương biến mất; khi Tứ thiên vương biến mất rồi, thì Đao-lị thiên biến mất, khi Đao-lị thiên biến mất rồi, thì Diệm-ma thiên biến mất; Diệm-ma thiên biến mất rồi, thì Đâu-suất thiên biến mất; khi Đâu-suất thiên biến mất rồi, thì Hóa Tự Tại thiên biến mất; khi Hóa Tự Tại thiên biến mất rồi, thì Tha Hóa Tự Tại thiên biến mất; khi Tha Hóa Tự Tại thiên biến mất rồi, thì Phạm thiên biến mất; khi Phạm thiên biến mất rồi, thì Quang Âm thiên biến mất; khi Quang Âm thiên biến mất, sau đó thì loài người hoàn toàn biến mất. Sau khi loài người

**hoàn toàn biến mất, thế gian này hủy diệt.  
Như thế là hoàn thành tai kiếp.[335]**

**“Rất lâu sau đó, rất lâu, có đám mây đen lớn  
bạo khởi, trên cho đến Biển Tịnh thiên, mưa  
khắp mọi nơi, mưa xuống hoàn toàn là nước  
nóng. Thứ nước này sôi sục, đun nấu thiên hạ,  
làm cho các cung điện cõi trời thảy đều bị tiêu  
hết, không còn sót thứ gì, giống như đặt dầu  
bơ[336] vào trong lửa, đều bị chảy tiêu hết,  
không còn sót thứ gì, cung điện Quang Âm  
thiên cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả  
hành là vô thường, là pháp biến dịch, không  
đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng  
nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát  
vượt khỏi thế gian.**

**“Sau đó, mưa này lại xâm phạm đến cung  
điện cõi trời Phạm-ca-di, cũng đun chảy tiêu  
hết, không sót thứ gì, giống như dầu bơ đem  
đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì  
cung điện Phạm-ca-di lại cũng như vậy.**

**“Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến các  
cung điện Tha Hóa Tự Tại thiên, Hóa Tự Tại  
thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, cũng bị  
đun chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống  
như dầu bơ đem đặt vào trong lửa, không còn  
sót thứ gì, thì các cung điện Chư Thiên lại  
cũng như vậy.**

**“Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương cũng đều bị đun nấu tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như dầu bơ đem đặt vào trong lửa, đều bị nung chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, những thứ này lại cũng như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.**

**“Sau đó, nước này đã đun nấu đại địa không còn sót gì nữa rồi, thì nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.”**

**Phật bảo [140b] Tỳ-kheo:**

**“Sự nung chảy, tiên tận ngang đến cung điện Biến Tịnh thiên này, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy mới có thể biết mà thôi!**

**“Từ cung điện Phạm-ca-di bị nung chảy tiêu hết... cho đến, nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy, mới có thể biết mà thôi!**

**“Đó là tai họa do nước.**

**“Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp nước? Sau đó một thời gian rất lâu, rất lâu, xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Biển Tịnh thiên, mưa khắp nơi, những giọt nước mưa như bánh xe. Mưa kéo dài vô số trăm nghìn vạn năm như vậy, nước mưa này lớn dần dần cho đến cõi Biển Tịnh thiên. Có bốn loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ đó là: một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố.**

**“Sau đó, nước này với giảm vô số trăm nghìn do-tuần, bốn mặt gió lớn nổi dậy gọi là tăng-già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang Âm thiên, trang sức bằng bảy báu. Vì nhân duyên này mà có cung điện Quang Âm thiên.**

**“Khi nước kia với giảm dần cho đến vô số trăm nghìn do-tuần, gió tăng-già thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, rồi bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng biến thành cung điện Phạm-ca-di, trang sức bằng bảy báu. Như đã kể, cho đến, nước biển có cùng một vị mặn đắng,**

**cũng như lúc tai họa do lửa phục hồi, đó là tai kiếp nước.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thế nào là tai kiếp gió[337]? Khi tai kiếp gió bắt đầu khởi, con người trong thế gian này đều phụng hành Chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Khi tu tập hành vi thiện, có người đạt được đệ tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh[338], họ ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhưn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, và lớn tiếng xưng lên rằng: ‘Các Hiền giả! Nên biết, sung sướng thay, đệ tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh! Sung sướng thay, đệ tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh!’ Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: ‘Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói về đạo của tứ thiên với xả và niệm thanh tịnh!’ Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của tứ thiên. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của tứ thiên, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quả thật thiên.**

**“Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp đã mãn, thân hoại mạng chung, tái sinh vào nhưn gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ tứ thiên; sau khi tu tập đạo thiên, thân hoại mạng chung, tái sinh về Quả thật**

**thiên. Còn những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương,... cho đến Biển Tịnh thiên, sau khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh vào cõi nơu gian; nếu cũng tu tập đạo của đệ tứ thiên, khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh về Quả thật thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục được diệt tận, và súc sanh, [140c] ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương,... cho đến cõi Biển Tịnh thiên cũng đều diệt tận.**

**“Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt tận, sau đó súc sanh diệt tận; súc sanh diệt tận rồi, thì ngạ quỷ diệt tận; khi ngạ quỷ diệt tận rồi, thì A-tu-la diệt tận; khi A-tu-la diệt tận rồi, thì Tứ thiên vương diệt tận; khi Tứ thiên vương diệt tận rồi... như vậy lần lượt cho đến Biển Tịnh thiên diệt tận; khi Biển Tịnh thiên diệt tận rồi, sau đó, con người bị diệt tận không còn sót. Khi con người đã bị diệt tận không còn sót, thì thế gian này bị tan hoại, thế là hoàn thành tai kiếp.**

**“Rất lâu, rất lâu sau đó, có gió lớn nổi lên, tên là đại tăng -già,... cho đến Quả thật thiên. Gió lan khắp mọi nơi, thổi cung điện Biển Tịnh thiên, Quang Âm thiên, khiến cho các cung điện va chạm nhau tan vỡ ra thành phần bụi, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn**

**không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.'**

**“Sau đó, gió này thổi cung điện Phạm-ca-di thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, các cung điện va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi không còn gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt thế gian.**

**“Sau đó, gió này thổi cung điện Hóa Tự Tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, các cung điện này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi không còn lại gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì những cung điện này va chạm nhau không còn gì hết cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu**

**vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.”**

**“Sau đó, gió này thổi bốn thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương đem đặt giữa hư không, cao trăm nghìn do-tuần, những ngọn núi này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi, giống như lực sĩ tay cầm vỏ trấu nhẹ rải vào không trung, thì tứ châu thiên hạ, Tu-di, các núi này vỡ vụn, phân tán ra, cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.**

**“Sau đó, gió thổi sạch đại địa; nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết. Cho nên [141a] phải biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Khi hai cung điện Biến Tịnh thiên và Quang Âm thiên va chạm nhau, tan vỡ ra thành phần bụi, ai là người có thể tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi. Như vậy cho đến nước bên dưới đất hết, gió bên dưới**



**nước hết, ai là người sẽ tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi.**

**“Đó là tai kiếp gió.**

**“Thế nào là sự hồi phục của tai kiếp?**

**“Sau một thời gian rất lâu xuất hiện đám mây đen lớn bao phủ khắp hư không, lên đến cõi Quả thật thiên. Rồi mưa xuống khắp nơi; những giọt nước mưa như bánh xe, mưa kéo dài vô số trăm nghìn vạn năm, nước này lớn dần, cho đến Quả thật thiên. Lúc bấy giờ, có bốn loại gió lớn giữ nước này lại một chỗ.**

**Những gì là bốn? Một là trụ phong, hai là trì phong, ba là bất động, bốn là kiên cố. Sau đó, nước này dần dần rút xuống vô số trăm nghìn do-tuần; bốn phía mặt nước gió lớn nổi dậy, gọi là tăng già, thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng biến thành cung điện Biến Tịnh thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc. Vì nhân duyên này mà có cung điện Biến Tịnh thiên.**

**“Khi nước kia rút dần cho đến vô số trăm nghìn do-tuần, thì gió tăng-già kia thổi nước khiến chúng dao động, nổi dậy ba đào, tạo thành bọt nước mà tích tụ lại, bị gió thổi lìa**

khỏi mặt nước bắn lên không trung, và tự nhiên chúng biến thành cung điện Quang Âm thiên, được trang sức bằng bảy báu, xen lẫn các loại tạp sắc... cho đến nước biển có cùng một vị mặn đắng, cũng như đã nói về tai kiếp lửa.

“Đó là tai kiếp gió. Đó là ba tai kiếp, và là ba lần phục hồi[339].”

## Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vào thuở xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-la chiến đấu. Bấy giờ Thích đê-hoàn Nhân lệnh gọi Chư Thiên Đao-lị đến bảo rằng: ‘Nay các người đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la[340], trói với năm chỗ trói[341], rồi mang đến giảng đường Thiện pháp[342]. Ta muốn nhìn thấy.’ Rồi, Chư Thiên Đao-lị sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.

“Lúc bấy giờ, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-la rằng: ‘Nay các người hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích đê-hoàn Nhân, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thất diệt[343]. Ta muốn nhìn thấy.’ [141b] Các A-tu-la sau khi vâng

**lệnh của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa, mỗi người tự trang bị cho mình.**

**“Bấy giờ, chư Thiên cùng chúng A-tu-la chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng, và A-tu-la bại trận. Chư thiên Đao-ly bắt vua A-tu-la trói lại với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiên pháp đường cho Thiên Đế Thích nhìn thấy. Khi ấy vua A-tu-la thấy sự khoái lạc ở trên Trời, sanh lòng quyến luyến vui thích, liền tự nghĩ: ‘Nơi này thù thắng, khả dĩ ở được; trở lại cung điện A-tu-la làm gì?’ Khi khởi lên ý nghĩ này, thì năm nơi đang bị trói trên thân lập tức được mở ra, và năm thứ dục lạc ở trên Trời hiện ra trước mắt. Nhưng khi A-tu-la nghĩ đến việc trở lại cung điện trước kia, thì năm nơi trên thân liền bị trói chặt trở lại, và năm thứ dục lạc tự biến mất. Khi ấy những nơi bị trói buộc trên thân của A-tu-la trở nên bền chắc hơn. Sự trói buộc của Ma còn hơn thế nữa. Chấp ta và của ta[344] là sự trói buộc của Ma. Không chấp ta và của ta thì sự trói buộc của Ma được cởi mở. Chấp thủ ngã[345] là bị trói, chấp thủ ái là bị trói, ‘ngã sẽ tồn tại’ là bị trói, ‘ngã sẽ không tồn tại’ là bị trói; ‘ngã có sắc[346]’ là bị trói, ‘ngã không sắc’ là bị trói, ‘ngã vừa có sắc vừa không có sắc’ là bị trói, ‘ngã có tướng’ là bị trói, ‘ngã không có tướng’ là bị trói, ‘ngã vừa có tướng vừa không có tướng’ là bị trói; ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn.**

**Cho nên, đệ tử Hiền Thánh biết rằng ngã là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn, nên xả bỏ ý tưởng về ngã mà tu vô ngã hành[347]. Hãy quán sát tự ngã kia là một gánh nặng, là bông lung, là hữu[348]; ‘sẽ tồn tại tự ngã’ là hữu vi, ‘sẽ không tồn tại tự ngã’ là hữu vi; ‘tự ngã có sắc’ là hữu vi, ‘tự ngã không có sắc’ là hữu vi, ‘tự ngã vừa có sắc vừa không có sắc’ là hữu vi; ‘tự ngã có tướng’ là hữu vi, ‘tự ngã không có tướng’ là hữu vi, ‘tự ngã vừa có tướng vừa không có tướng’ là hữu vi; hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên, đệ tử Hiền Thánh biết rằng hữu vi là tai hoạn lớn, là ung nhọt là gai nhọn, nên xả bỏ hữu vi mà thực hành vô vi hành.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Vào thuở xưa, khi Chư thiên cùng A-tu-la chiến đấu. Bấy giờ Thích đê-hoàn Nhân lệnh gọi Chư Thiên Đao-lị đến bảo rằng: ‘Nay các ngươi đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giảng đường Thiện pháp. Ta muốn nhìn thấy.’ Chư Thiên Đao-lị sau khi vâng lệnh Đế Thích, mỗi người tự trang bị cho mình.**

**“Lúc bấy giờ, A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ra lệnh các A-tu-la rằng: ‘Nay các ngươi hãy đi đánh nhau với bọn chúng. Nếu thắng, hãy bắt Thích**

**đê-hoàn Nhân [141c] trói với năm chỗ trói, rồi mang đến giàng đường Thất diệp. Ta muốn nhìn thấy.’ Các A-tu-la sau khi vâng lệnh của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, mỗi người tự trang bị cho mình.**

**“Rồi thì, chư Thiên cùng chúng A-tu-la chiến đấu với nhau. Chư Thiên đắc thắng, và A-tu-la bại trận. Chư thiên Đao-lị bắt vua A-tu-la trói chặt với năm chỗ trói, mang về chỗ Thiên pháp đường cho Thiên đế Thích nhìn thấy. Lúc ấy, Thiên đế Thích thông thả dạo trên Thiên pháp đường. Vua A-tu-la từ xa trông thấy Đế Thích, tuy đang bị trói chặt với năm chỗ trói, vẫn mở miệng mắng chửi.**

**“Lúc bấy giờ, người hầu của Thiên đế, ở trước mặt Thiên đế liền nói kệ rằng:**

**Việc gì Thiên đế sợ,  
Tự lộ yếu kém mình?  
Bị mắng thẳng vào mặt,  
Sao lặng nghe lời ác?”**

**“Thiên đế Thích đáp lại người hầu bằng bài kệ rằng:**

**Nó cũng không sức mạnh,  
Ta cũng không sợ hãi.  
Việc gì, người đại trí,**

**Hơn thua với kẻ ngu?**

**“Lúc bấy giờ, người hầu lại làm bài tụng tâu  
Đế Thích rằng:**

**Nay không bẻ đũa ngu,**

**E sau càng khó nhin.**

**Hãy đánh nó bằng gậy,**

**Khiến kẻ ngu hồi lỗi.**

**“Bấy giờ, Thiên đế Thích lại làm bài tụng trả  
lời người hầu rằng:**

**Ta thường bảo, người trí**

**Không tranh cùng kẻ ngu;**

**Nếu ngu mắng, trí im,**

**Là thắng kẻ ngu này.**

**“Khi ấy, người hầu lại làm bài tụng tâu Đế  
Thích rằng:**

**Thiên vương sở dĩ im,**

**Vì e giảm đức trí;**

**Nhưng kẻ ngu độn kia,**

**Cho rằng Vua sợ hãi.**

**Kẻ ngu không tự lượng,**

**Cho có thể địch Vua;**

**Liều chết đến xúc phạm,  
Muốn Vua lui như bò.**

**“Bấy giờ, Thiên đế Thích lại làm bài tụng trả  
lời người hầu rằng:**

**Ngu kia không thấy biết,  
Bảo ta lòng sợ hãi.**

**Ta quán đệ nhất nghĩa:**

**Nhịn im là tối thượng.**

**Điều xấu trong các xấu:**

**Trong sân lại nổi sân;**

**Ở trong sân không sân,**

**Là chiến đấu tối thượng.**

**Con người có hai duyên,**

**Vì mình cũng vì người;**

**[142a] Mọi người có tranh tụng,**

**Ai không tranh là thắng.**

**Con người có hai duyên,**

**Vì mình cũng vì người;**

**Thấy người không tranh tụng,**

**Lại cho là ngu đần.**

**Nếu người có sức lớn,**

**Nhịn được người không sức;**

**Sức này là đệ nhất,**

**Là tối thượng trong nhẫn.**

**Ngu tự cho mình mạnh,**

**Sức này chẳng là sức;**

**Người mạnh nhẫn như pháp,**

**Sức này không ngăn được.**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích há là người nào khác sao? Không nên có ý nghĩ như vậy. Lúc ấy, Thiên đế Thích chính là bản thân Ta vậy. Vào lúc bấy giờ, Ta tu tập nhẫn nhục, không hành động nóng vội, thường thường khen ngợi người hay nhẫn nhục. Nếu có người trí nào muốn hoằng dương đạo của Ta, thì phải tu tập nhẫn nhục im lặng, chớ ôm lòng phần hận đấu tranh.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thuở xa xưa, Chư Thiên Đao-lị cùng A-tu-la đánh nhau. Bấy giờ Thích đê-hoàn Nhân nói với A-tu-la Chất-đa rằng: ‘Tại sao các khanh lại ôm lòng sân hận, trang bị binh khí, đánh nhau để làm gì? Nay ta sẽ cùng khanh giảng luận đạo lý, để biết rõ thắng thua.’ Lúc ấy, Chất-đa A-tu-la kia nói với Đế Thích rằng: ‘Giả**



sử, nếu vất bỏ binh khí, chỉ bàn luận tranh tụng về nghĩa lý thôi, vậy thì ai biết thắng bại?' Đế Thích dạy rằng: 'Chỉ cần bàn luận thôi, hiện tại trong chúng của người, và trong chúng chư Thiên của Ta, tự có người có trí tuệ biết rằng ai thắng, ai bại.' Lúc ấy, A-tu-la nói với Đế Thích rằng: 'Nhà người nói kệ trước đi.' Đế Thích trả lời: 'Nhà người là Cự thiên[349], nhà người nên nói trước đi.' Bây giờ, Chắt-đa A-tu-la liền đọc kệ cho Đế Thích nghe:

**Nay không bẻ đũa ngu,**

**E sau càng khó nhin.**

**Hãy đánh nó bằng gậy,**

**Khiến kẻ ngu hối lỗi.**

“Sau khi A-tu-la nói bài kệ này xong, chúng A-tu-la phấn khởi vui mừng, cao tiếng khen hay. Chỉ có chúng chư Thiên là im lặng không nói. Rồi vua của A-tu-la nói với Đế Thích rằng: 'Đến lượt người nói kệ.' Bây giờ, Đế Thích liền nói kệ cho A-tu-la nghe:

**Ta thường bảo, người trí**

**Không tranh cùng kẻ ngu;**

**Nếu ngu mắng, trí im,**

**Là thắng kẻ ngu này.**

**[142b] “Sau khi Thiên đế Thích nói bài kệ này xong, Chư Thiên Đao-lị đều rất đỗi vui mừng, cất tiếng khen hay. Lúc này chúng A-tu-la im lặng không nói. Bấy giờ, Thiên Đế Thích nói với A-tu-la rằng: ‘Đến lượt nhà ngươi nói kệ.’ Lúc này, A-tu-la lại nói kệ:**

**Thiên vương sở dĩ im,  
Vì e giảm đức trí;  
Nhưng kẻ ngu độn kia,  
Cho rằng Vua sợ hãi.  
Kẻ ngu không tự lượng,  
Cho có thể địch Vua;  
Liều chết đến xúc phạm,  
Muốn Vua lui như bò.**

**“Sau khi A-tu-la nói bài kệ này xong, chúng A-tu-la nhảy nhót vui mừng, lớn tiếng khen hay. Lúc này chúng Đao-lị thiên im lặng không nói. Bấy giờ, A-tu-la vương nói với Đế Thích rằng: ‘Đến lượt nhà ngươi nói kệ.’ Thiên đế Thích bèn nói kệ cho A-tu-la nghe rằng:**

**Người ngu không thấy biết,  
Bảo ta lòng sợ hãi.  
Ta quán đệ nhất nghĩa:**

**Nhịn im là tối thượng.  
Điều xấu trong các xấu:  
Trong sân lại nổi sân;  
Ở trong sân không sân,  
Là chiến đấu tối thượng.  
Con người có hai duyên,  
Vì mình cũng vì người;  
Mọi người có tranh tụng,  
Ai không tranh là thắng.  
Con người có hai duyên,  
Vì mình cũng vì người;  
Thấy người không tranh tụng,  
Lại cho là ngu đần.  
Nếu người có sức lớn,  
Nhịn được người không sức;  
Sức này là đệ nhất,  
Là tối thượng trong nhẫn.  
Ngu tự cho mình mạnh,  
Sức này chẳng là sức;  
Người mạnh nhẫn như pháp,**

**Sức này không ngăn được.**

**“Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nói bài kệ này xong, chúng Đao-lị thiên nháy nhót vui mừng, cất tiếng khen hay; chúng A-tu-la thì im lặng không nói. Lúc này, chúng Trời, và chúng A-tu-la, tạm thời tự rút lui, cùng bảo nhau rằng: ‘Những bài kệ tụng của A-tu-la nói ra có điều xúc phạm, dấy lên sự đáp trả bằng đao kiếm, làm nảy sinh ra gốc rễ của đấu tranh và kiện tụng, nuôi lớn các oán kết, dựng lập gốc cây tam hữu. Còn những bài kệ tụng của Thiên đế Thích nói ra không gây kích động, [142c] không đưa đến đao kiếm, không sinh ra tranh đấu kiện tụng, không nuôi lớn oán kết, tuyệt gốc tam hữu. Những lời nói của Thiên Đế Thích là tốt lành; Chư thiên đã thắng, A-tu-la đã bại.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích là người nào khác sao? Chớ có quan niệm này. Vì sao? Vì đó chính là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta dùng những lời nhu hòa mà thắng chúng A-tu-la.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thuở xa xưa, khi Chư thiên lại đánh nhau với A-tu-la lần nữa. Bấy giờ A-tu-la thắng, Chư thiên bại. Lúc ấy, Thích đề-hoàn Nhân sợ hãi,**

**cỡi xe báu nghìn căm bỏ chạy. Giữa đường, ông thấy trên cây thiêm-bà-la[350] có một tổ chim, trong tổ có hai con chim con, liền dùng kệ tụng bảo người điều khiển xe rằng:**

**Cây này có hai chim,  
Người nên lui xe tránh,  
Chẳng thà giặc hại ta,  
Chớ thương tổn hai chim.**

**“Người điều khiển xe nghe Đế Thích nói kệ, liền dừng xe và quay xe tránh chim trên cây. Khi ấy, đầu xe quay về phía A-tu-la. Chúng A-tu-la từ xa nhìn thấy xe báu quay đầu lại, quân của chúng bảo nhau: ‘Giờ Thiên đế Thích cỡi xe báu nghìn căm quay đầu nhắm về phía chúng ta, có lẽ muốn giao đấu trở lại. Chúng ta không thể đương cự được!’[351] Chúng A-tu-la liền thối lui và tan rã, nhân đây mà chư Thiên chiến thắng, và A-tu-la bại tấu.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Lúc bấy giờ, Đế Thích há là người nào khác sao? Chớ có quan niệm như vậy. Vì sao? Vì chính đó là bản thân Ta. Vào lúc bấy giờ, Ta đối với chúng sanh phát khởi lòng thương xót. Nay các Tỳ-kheo, các người ở trong pháp của Ta xuất gia tu đạo, thì nên phát khởi lòng từ bi, thương xót chúng sanh.”**

**Phật bảo [143a] Tỳ-kheo:**

**“Thuở xa xưa, khi chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau. Bấy giờ chư Thiên đắc thắng, và A-tu-la bại trận. Sau khi chiến thắng, Thiên đế Thích trở về cung, xây dựng một ngôi nhà đặt tên là Tối thắng[352], Đông Tây dài một trăm do-tuần, Nam Bắc rộng sáu mươi do-tuần. Ngôi nhà này gồm trăm gian, trong mỗi gian có bảy đài lười giảng[353]. Trên mỗi đài có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ có bảy người để sai. Thích đê-hoàn Nhân cũng không lo cung cấp các thứ trang điểm, áo chăn, đồ ăn thức uống; mà tất cả tùy theo hành vi đã tạo từ trước, mỗi người tự thọ lãnh phước báo ấy. Do chiến thắng A-tu-la, nên nhân đây lòng sinh vui mừng mà xây dựng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tối thắng đường. Lại nữa, những ngôi nhà có được trong nghìn thế giới xem ra không có ngôi nhà nào bằng ngôi nhà này, cho nên gọi là Tối thắng.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thuở xa xưa, A-tu-la tự nghĩ rằng: ‘Ta có oai đức lớn, thần lực không phải ít, nhưng Đao-lị-thiên, mặt trời, mặt trăng, Chư Thiên thường ở nơi hư không, du hành tự tại trên đỉnh đầu ta. Nay ta hãy lấy mặt trời, mặt trăng này làm ngọc đeo tai, thử chúng có còn du hành tự tại được không?’**

**“Rồi, vua A-tu-la nổi lòng sân hận cực độ, liền nghĩ đến A-tu-la Chùy Đỏa[354]; A-tu-la Chùy Đỏa lại nghĩ rằng: ‘Hiện nay, vua A-tu-la đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-la theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A tu luân, đứng một bên.**

**“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến A-tu-la Xá-ma-lê[355]. A-tu-la Xá-ma-lê lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay, vua đã nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-la theo dẫn đường trước sau, đến trước chỗ vua A tu luân, đứng một bên.**

**“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Tỳ-ma-chất-đa A tu luân[356]. Tỳ-ma-chất-đa A-tu-la lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta, chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-la theo dẫn đường trước sau, đến trước chỗ vua A tu luân, đứng một bên.**

**“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến Đại thần A tu luân; Đại thần A-tu-la lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị**

**binh khí đầy đủ, cỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-la theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A tu luân, đứng một bên.**

**“Bấy giờ, vua lại nghĩ đến các Tiểu A tu luân. Các Tiểu A-tu-la lại tự nghĩ rằng: ‘Hiện nay, vua đang nghĩ đến ta. Chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liên ra lệnh tả hữu chuẩn bị binh khí đầy đủ, cỡi cỗ xe báu, cùng với vô số chúng A-tu-la theo dẫn đường trước sau, đến trước vua A tu luân, đứng một bên.**

**“Bấy giờ, vua A-tu-la là La-ha liền tự mình trang bị, mình mặc áo giáp đồng báu, đóng ngựa vào các cỗ xe báu, cùng với vô số trăm nghìn chúng A-tu-la và binh khí trang bị, vây quanh trước sau, ra khỏi chỗ ở của chúng, muốn đến đánh nhau cùng chư Thiên.**

**“Bấy giờ, Nan-đà Long vương, và Bạt-nan-đà Long vương dùng thân mình quấn quanh núi Tu-di bảy vòng làm chấn động cả sơn cốc, trải một lớp mỏng mây mờ, lơ thơ từng giọt mưa rơi, và dùng đuôi đập vào nước biển làm cho nước biển dậy sóng, dâng lên đến đỉnh núi Tu-di. Lúc bấy giờ, Dao-lị thiên liền tự nghĩ: ‘Nay, mây mờ giăng mỏng, [143b] lơ thơ từng giọt mưa rơi, nước biển dậy sóng, lên đến tận nơi này, chắc thế nào A-tu-la cũng muốn đến đây gây chiến, nên có những điềm lạ này chăng?’**



**“Lúc này, nhiều vô số ực vạn binh chúng các loài rồng trong biển, đều cầm dao mác, cung tên, đao kiếm, áo giáp đồng dày, và trang bị binh khí tề chỉnh, đối đầu cùng quân binh A-tu-la chiến đấu. Khi binh chúng các loài rồng mà thắng, thì lập tức đuổi A-tu-la vào trong cung điện của chúng. Nếu các loài rồng mà bị bại, các loài rồng không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quý thần Già-lâu-la[357] báo cáo rằng: ‘Chúng A-tu-la muốn đánh nhau với Chư thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang đắc thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để chiến đấu cùng với chúng.’”**

**“Các quý thần Già-lâu-la nghe vậy, lập tức tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, cùng các loài rồng hợp tác chiến đấu chống lại A tu luân. Nếu mà thắng, họ lập tức đuổi A-tu-la vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, họ không trở lại cung điện, mà sẽ chạy lui đến chỗ quý thần Trì Hoa[358] báo cáo rằng: ‘Chúng A-tu-la muốn chiến đấu cùng Chư thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.’”**

**“Các quý thần Trì Hoa nghe các loài rồng (và các quý thần Già-lâu-la) báo cáo, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A tu luân. Nếu mà thắng, họ lập tức đuổi A-tu-la vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, họ không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến chỗ quý thần Thường Lạc[359] báo cáo rằng: ‘Chúng A-tu-la muốn đánh nhau cùng Chư thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các người nên chuẩn bị các thứ binh khí, cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.’**

**“Sau khi các quý thần Thường Lạc nghe báo cáo vậy, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức mạnh, cùng chiến đấu lại A tu luân. Nếu mà thắng, họ lập tức đuổi A-tu-la vào trong cung điện của chúng. Nếu mà bị bại, họ không trở lại cung điện, mà sẽ chạy đến Tứ thiên vương báo cáo rằng: ‘Chúng A-tu-la muốn chiến đấu cùng Chư thiên. Chúng tôi đã đón đánh. Nhưng hiện chúng đang thắng. Các ngài nên chuẩn bị các thứ binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đánh nhau với chúng.’**

**“Sau khi Tứ thiên vương nghe những báo cáo này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, binh chúng cùng sức**

**mạnh, cùng chiến đấu lại A tu luân. Nếu mà thắng, họ lập tức đuổi A-tu-la vào trong cung điện của chúng. Nếu không thắng, [143c] Tứ thiên vương sẽ đến giảng đường Thiện pháp, tâu Thiên Đế Thích và Chư thiên Đạo-lị rằng: 'Chúng A-tu-la muốn chiến đấu cùng Chư thiên. Nay Chư thiên Đạo-lị hãy tự trang bị, chuẩn bị binh khí, binh chúng cùng sức mạnh, để đi đánh nhau với chúng.'**

**"Bấy giờ, Thiên đế Thích ra lệnh cho người hầu[360] rằng: 'Người đem lời nói của ta đến báo lại cho Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên rằng: 'A-tu-la cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay Chư thiên nên tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.'**

**"Bấy giờ, người hầu này vâng lệnh của Đế Thích, liền đến Diệm-ma thiên,... cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên, đem những lời của Đế Thích mà báo cáo rằng: 'A-tu-la cùng vô số chúng muốn đến chiến đấu. Nay Chư thiên nên tự trang bị, chuẩn bị binh khí để hỗ trợ ta chiến đấu.'**

**"Diệm-ma thiên sau khi nghe những lời này rồi, liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm nghìn thiên chúng trước sau vây quanh, đóng binh tại phía Đông của núi**

**Tu-di. Thiên tử Đâu-suất nghe những báo cáo này rồi, cũng liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, áo giáp đồng dày, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số trăm nghìn thiên chúng, đóng binh tại phía Nam của núi Tu-di. Các thiên tử Hóa Tự Tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía Tây của núi Tu-di. Các thiên tử Tha Hóa Tự Tại thiên nghe những lời này rồi, cũng trang bị binh chúng, đóng binh tại phía bắc của núi Tu-di.**

**“Khi Thiên đế Thích nghĩ đến ba mươi ba vị thiên thần của Đao-lị thiên, ba mươi ba vị thiên thần của Đao-lị thiên tự nghĩ rằng: ‘Hiện tại Thiên đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Họ liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, cỡi cỗ xe báu, cùng vô số chúng Chư thiên trước sau vây quanh, đến trước Thiên đế Thích, đứng một bên.**

**“Khi Thiên đế Thích nghĩ đến các thiên thần khác của Đao-lị, các thiên thần khác của Đao-lị liền tự nghĩ rằng: ‘Hiện tại Đế Thích đang nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Họ liền ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số chúng Chư thiên trước sau vây quanh, đến trước Đế Thích, đứng một bên.**

**“Khi Thiên đế Thích nghĩ đến quý thần Diệu Tượng[361], quý thần Diệu Tượng liền tự nghĩ rằng: ‘Hiện tại Đế Thích đã nghĩ đến ta. Vậy chúng ta nên nhanh chóng trang bị.’ Liên ra lệnh tả hữu chuẩn bị các đồ binh khí, đóng xe báu vào ngựa, cùng vô số thiên chúng trước [144a] sau vây quanh, đến đứng trước Đế Thích.**

**“Khi Đế Thích nghĩ đến Long vương Thiện Trụ[362], Long vương Thiện Trụ tự nghĩ rằng: ‘Nay Thiên đế Thích nghĩ đến ta, nay ta nên đến.’ Long vương liền đi đến đứng trước Đế Thích.**

**“Lúc bấy giờ, Đế Thích liền tự trang bị, chuẩn bị các đồ binh khí, mình mặc áo giáp đồng báu, cỡi trên đỉnh đầu Long vương Thiện Trụ, cùng vô số Chư thiên quý thần trước sau vây quanh, tự ra khỏi thiên cung, đánh nhau với A-tu-la.**

**“Đồ vật trang bị như các thứ binh khí, đao kiếm, dáo, mác, cung tên, rìu, đục, búa lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây tơ cột, binh khí, áo giáp đồng, tất cả đều dùng bảy báu để tạo thành. Lại dùng mũi nhọn đâm thêm vào người A-tu-la, nhưng thân ông ta vẫn không bị thương tổn, chỉ chạm vào bên ngoài khi đâm mà thôi. Chúng A-tu-la tay cũng cầm đao kiếm bảy báu, dáo mác, cung tên, rìu đục, búa**

**lớn, búa nhỏ, bánh xe quay, dây cột bằng tơ, và dùng mũi nhọn đâm thêm vào thân Chư thiên, nhưng cũng chỉ chạm đến bên ngoài mà thôi, không gây bất cứ thương tổn nào.**

**“Như vậy, chính do dục mà khiến chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau; do bởi nhân là dục như vậy.”[363]**

### **Phẩm 11: BA TRUNG KIẾP**

**[44a19] Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Có ba trung kiếp[364]. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói kém. Ba là kiếp tật dịch[365].**

**“Thế nào là kiếp đao binh[366]?**

**“Người thế gian này vốn thọ bốn vạn tuổi. Sau đó giảm xuống, thọ hai vạn tuổi. Sau đó lại giảm nữa, thọ một vạn tuổi. Lần lượt giảm, thọ một ngàn năm, năm trăm năm, ba trăm năm, hai trăm năm. Như nay con người thọ một trăm tuổi, với số ít vượt quá, mà phần nhiều là dưới.**

**“Sau đó, tuổi thọ con người giảm dần xuống còn mười tuổi. Khi đó, người nữ sinh ra chừng năm tháng[367] là đi lấy chồng. Bây giờ, các loại mỹ vị có được trong thế gian như bơ sữa, mật, đường mía, đường đen[368], những gì có**

vị ngon, tự nhiên biến mất; ngũ cốc không sinh sản, chỉ còn có loại lúa hoang[369] mà thôi. Lúc bấy giờ, các loại y phục cao cấp như gấm vóc, lụa là[370], kiếp bồi[371], sô-ma[372], tất cả đều không còn nữa, mà chỉ còn có loại vải dệt thô sơ bằng cỏ. Bấy giờ, mặt đất này hoàn toàn chỉ sinh gai góc, muỗi mòng, ong, bọ cạp, rắn, rết, trùng độc; còn vàng bạc, lưu ly, bảo châu, [144c] châu ngọc, tự nhiên chúng bị vùi vào đất hết, và chỉ có đá, cát, các thứ xấu xí là đầy đây. Lúc này chúng sanh chỉ làm mười điều ác càng ngày càng tăng, không còn nghe đến danh từ mười điều thiện, cho đến không có cả danh từ thiện, huống chi là có người làm việc thiện! Bấy giờ, trong loài người ai không có hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, hay làm việc ác thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ. Cũng người nay ai hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, thường làm việc lành, thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ, thời bấy giờ người làm việc ác kia lại cũng được cúng dường như vậy. Bây giờ, con người thân hoại mạng chung bị đọa vào trong súc sanh, cũng như con người hiện tại được sinh lên cõi trời. Lúc đó con người gặp nhau thường ôm lòng độc hại, chỉ muốn giết nhau. Cũng giống như thợ săn gặp được đàn nai, chỉ muốn giết chúng, không

**có bất cứ một ý nghĩ thiện nào; con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết nhau, không có một chút ý nghĩ thiện nào. Bây giờ, mặt đất này chỉ là sông ngòi, khe suối, núi đồi, đất đồng, không có chỗ đất nào bằng phẳng cả. Khi có người đi đến, tức thì kinh sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng.**

**“Bây giờ, trong vòng bảy ngày có sự nổi lên của kiếp đao kiếm. Lúc ấy, những thứ cỏ, cây, ngói, đá mà con người cầm trong tay đều biến thành đao kiếm; những thứ đao kiếm này rất bén nhọn, đụng đến vật gì thì vật đó đều sẽ bị cắt đứt. Chúng sát hại lẫn nhau. Trong lúc này có người có trí tuệ thấy đao binh sát hại nhau nên hoảng sợ tránh vào núi rừng, hang động, khe suối, những chỗ không người. Trốn tránh trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: ‘Ta không hại người, người chớ hại ta.’ Trong vòng bảy ngày người này chỉ ăn rễ cây cỏ để tự nuôi sống mình. Qua bảy ngày, sau đó mới lại ra khỏi rừng núi. Lúc này, gặp được một người, vui mừng nói rằng: ‘Nay gặp được người còn sống! Nay gặp được người còn sống!’ Cũng giống như cha mẹ vì gặp lại một người con bị thất lạc lâu ngày không thấy nhau, nên vui mừng nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế chính mình được, thì sự kiện người này cũng như vậy, vì sự vui mừng nên nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế được**



**cảm xúc vui nơi chính mình. Khi ấy thì người dân trong vòng bảy ngày chỉ có khóc lóc mà thôi; cũng trong vòng bảy ngày này họ lại cùng gặp vui nên vui vẻ chúc mừng nhau. Người lúc bấy giờ khi thân hoại mạng chung đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì con người ấy luôn luôn ôm lòng sân hận và phẫn nộ, họ chỉ có một tâm hại nhau mà thôi, vì không có tâm nhân từ nên gọi là kiếp đao binh.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thế nào gọi là kiếp đói kém?[373] Con người bấy giờ phần nhiều làm những việc phi pháp, tà kiến điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười nghiệp ác nên trời không mưa xuống, làm cho trăm thứ cỏ cây chết khô, ngũ cốc không thành, mà chỉ có gốc rạ mà thôi.**

**“Thế nào gọi là đói kém? Vì lúc bấy giờ, người dân phải thu quét những hạt thóc còn rơi rớt lại các nơi như ruộng vườn, đường sá, đầu ngõ, và trong phân đất [144c] để tự sống còn, nên mới gọi là đói kém[374].**

**“Lại nữa, lúc đói kém, người bấy giờ lượm nhặt xương cốt từ những nơi như lò sát sanh, chợ búa, các đường sá và các bãi tha ma, rồi nấu nước trấp mà uống, nhờ vậy mà họ sống, nên gọi là ‘đói xương trắng’[375].**

**`Lại nữa, vào kiếp đói kém, ngũ cốc được gieo trồng đều biến thành cỏ cây. Con người lúc này lấy bông nấu nước trấp để uống. Lại nữa, vào thời đói kém, bông của các loài cây cỏ rụng phủ kín cả mặt đất, lúc ấy mọi người phải đào đất lấy bông để nấu ăn, nhờ vậy mà tự tồn tại, nên gọi là `đói cây cỏ'[376]. Bây giờ, chúng sanh thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ. Sao vậy? Vì những người sống trong kiếp đói kém này, thường ôm lòng tham lam keo bần, không có lòng bố thí nhân ái, không chịu chia sẻ cùng người, và không nhớ nghĩ đến những tai ách của người khác.**

**“Đây là kiếp đói kém.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Thế nào là kiếp tật dịch[377] ? Người đời bấy giờ, tu hành Chánh pháp, chánh kiến không điên đảo, đầy đủ thập thiện hành. Có quỷ thần thế giới phương khác đến, mà quỷ thần ở đây thì bông lung dâm loạn, không thể hộ vệ con người được. Quỷ thần thế giới khác xâm lấn, nhiễu loạn con người thế gian này, họ dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, rồi hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người loạn lên, rồi cưỡng bức mang đi. Giống như quốc vương ra lệnh cho các tướng soái những thứ phải bảo vệ, nhưng giặc cướp ở phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu, mà các tướng soái ở đây lại**

**buông lung, nên nước nhà bị chúng cướp mất. Ở đây cũng vậy, những quỷ thần ở thế giới khác đến bắt giữ mọi người ở thế gian này, chúng đánh đập, quật ngã, rồi hút lấy tinh khí mọi người, và cưỡng bức mang đi.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Giả sử quỷ thần ở thế gian này dù không buông lung dâm loạn, nhưng khi quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì quỷ thần ở thế gian này cũng phải sợ hãi mà đi trốn. Các đại quỷ thần kia bèn xâm lấn, quấy nhiễu người ở đây, đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, giết chết rồi bỏ đi. Giống như Quốc vương, hay Đại thần của quốc vương sai khiến các tướng soái bảo vệ như dân; tuy tất cả các tướng lãnh này đều trong sạch thận trọng, không buông lung, nhưng khi các tướng soái mạnh bạo, có binh lính đông đảo kia lại đến khuấy phá thành ấp, làng xóm, mà cướp đoạt người vật. Ở đây lại cũng như vậy, nếu quỷ thần ở thế gian này dù không dám buông lung đi nữa, nhưng khi các quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì các quỷ thần thế gian này cũng sẽ sợ hãi tránh đi, và những hàng quỷ thần lớn mạnh kia sẽ xâm đoạt, nhiễu hại người thế gian này; đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, và giết hại mọi người rồi bỏ đi.**

**“Khi ấy, người dân trong kiếp tật dịch, sau khi thân hoại mạng chung đều sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì con người lúc ấy đều hướng tâm từ bi đến nhau, thăm hỏi nhau: ‘Bệnh tật của bạn có giảm không? Thân thể có được an ổn không?’ Vì những nhân duyên này, nên họ được sinh lên cõi trời. Cho nên gọi là kiếp tật dịch.**

**“Đó là ba trung kiếp.”**

## **Phẩm 12: THẾ BỒN DUYÊN[378]**

**[145a6] Phạt bảo Tỳ-kheo:**

**“Sau khi qua khỏi hỏa tai, khi trời đất của thế gian này sắp sửa thành tựu trở lại, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, mạng chung ở cõi trời Quang Âm thiên, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không[379], rồi sinh tâm đắm nhiễm chỗ đó, yêu thích chỗ đó, nên nguyện cho chúng sanh khác cũng sinh vào nơi này. Sau khi phát sanh ý nghĩ này rồi, thì những chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi trời Quang Âm thiên, sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cung điện Phạm thiên trống không. Bấy giờ, vị Phạm thiên sinh ra trước liền tự nghĩ rằng: ‘Ta là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương, không có ai sáng tạo ra ta,**

**ta tự nhiên mà có, không bám thọt cái gì từ ai hết; ở trong một nghìn thế giới ta hoàn toàn tự tại, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng tạo hóa vạn vật; ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.'**

**"Các Phạm thiên sanh sau lại tự nghĩ rằng: 'Vị Phạm thiên sanh trước kia là Phạm vương, là Đại Phạm thiên vương. Vị ấy tự nhiên mà có, không do ai có sáng tạo; là đấng Tối Tôn ở trong một nghìn thế giới, không bám thọt từ ai cái gì, thông rõ các nghĩa lý, giàu có sung mãn, có khả năng sáng tạo vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vị ấy mà có.'**

**"Nhan sắc dung mạo của vị Phạm thiên vương này thường như đồng tử, cho nên Phạm vương được gọi là Đồng tử[380].**

**"Hoặc có lúc, khi thế giới này chuyển thành trở lại[381], phần lớn chúng sanh có kẻ sinh về Quang Âm thiên, bằng hóa sinh tự nhiên[382], sống bằng thức ăn là sự hoan hỉ[383], mình phát ra ánh sáng[384], có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó thế gian này biến thành đại hồng thủy, tràn ngập khắp nơi. Vào lúc bấy giờ thiên hạ hoàn toàn tối tăm, không có mặt trời mặt trăng, tinh tú, ngày đêm, và cũng không có năm tháng hay con số bốn mùa. Sau đó, khi thế gian này bắt đầu sắp**

chuyên biến, một số chúng sanh khác phước hết, hành hết, mạng hết, từ cõi Quang Âm thiên sau khi mạng chung sinh đến thế gian này, bằng hóa sinh, và ăn bằng sự hoan hỷ, tự thân phát sáng, có thần túc bay trong hư không, an vui không ngại, sống lâu dài ở đây. Khi ấy, không có nam nữ, tôn ty, trên dưới, cũng không có những tên khác nhau. Các chúng cùng sinh ở thế gian này, cho nên gọi là chúng sinh.

“Bấy giờ, đất này tự nhiên phát sinh ra vị đất[385], ngưng tụ trong đất. Cũng như đề hồ[386], [145b] vị đất khi xuất hiện cũng như vậy; giống như sanh tô[387], vị ngọt như mật. Sau đó chúng sanh dùng tay nếm thử để biết vị ra sao. Vừa mới nếm, liền có cảm giác ngon, nên sanh ra mê đắm vị ấy. Như vậy, lần lượt nếm mãi không thôi nên sanh ra tham đắm, bèn lấy bàn tay mà vốc, dần thành thói ăn bốc[388]. Ăn bốc mãi như thế, những chúng sanh khác thấy vậy lại bắt chước ăn, và cách ăn này không bao giờ chấm dứt. Khi ấy, những chúng sanh này thân thể trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn có thần túc, không thể bay đi. Bấy giờ, chưa có mặt trời mặt trăng. Ánh sáng của chúng sanh biến mất. Khi ấy, trời đất hoàn toàn tối om, không khác như trước. Một thời gian lâu, rất lâu về sau, có một trận cuồng phong mạnh nổi lên

thời nước biển lớn, sâu tám vạn bốn nghìn do-tuần, khiến cho biển bị tách làm hai, mang cung điện mặt Trời đặt ở lưng núi Tu-di, an trí quỹ đạo mặt Trời, mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây, đi quanh khắp thiên hạ.

“Nhật cung thứ hai mọc từ phương Đông, lặn phương Tây. Chúng sanh khi ấy nói: ‘Đây là ngày hôm qua’[389] hoặc nói: ‘Không phải ngày hôm qua.’[390]

“Nhật cung thứ ba đi quanh núi Tu-di, mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Chúng sanh khi ấy bảo rằng: ‘Nhất định là một ngày’. Ngày, có nghĩa là nhân của ánh sáng đi trước[391], do đó gọi là ngày. Mặt trời có hai nghĩa: một, trụ thường độ[392]; hai, cung điện.[393] Nhìn xa từ bốn hướng, cung điện có hình tròn. Nóng lạnh dễ chịu, được tạo thành bởi vàng của trời; được xen bằng pha lê. Hai phần là vàng trời, thuần chân không pha tạp; trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa. Một phần là pha lê, thuần chân không tạp, trong suốt từ trong ra ngoài, ánh sáng rọi xa.

“Nhật cung rộng năm mươi một do-tuần. Đất và vách tường của cung điện mỏng như bẹ lau[394].

**“Tường cung có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, các trang trí chung quanh đều được làm bằng bảy báu. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bạc thì cửa vàng; tường lưu ly thì cửa thủy tinh, tường thủy tinh thì cửa lưu ly; tường ngọc đỏ thì cửa mã não, tường mã não thì cửa ngọc đỏ; tường xa cừ thì cửa bằng các thứ báu, tường bằng các thứ báu thì cửa xa cừ. Lại nữa, các lan can kia, nếu thanh ngang bằng vàng thì cọc bằng bạc, thanh ngang bạc thì cọc vàng; thanh ngang lưu ly thì cọc thủy tinh, thanh ngang thủy tinh thì cọc lưu ly; thanh ngang ngọc đỏ thì cọc mã não, thanh ngang mã não thì cọc ngọc đỏ; thanh ngang bằng các loại báu thì cọc bằng xa cừ, thanh ngang xa cừ thì cọc là các loại báu. Lưới vàng thì linh bạc, lưới bạc thì linh vàng; lưới thủy tinh thì linh lưu ly, lưới lưu ly thì linh thủy tinh; lưới ngọc đỏ thì linh mã não, lưới mã não thì linh ngọc đỏ; lưới xa cừ thì linh bằng các loại báu, lưới bằng các loại báu thì linh xa cừ. Những cây bằng vàng này thì lá, hoa, quả bạc; cây bằng bạc thì [145c] lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly thì hoa quả thủy tinh, cây thủy tinh thì hoa quả lưu ly; cây bằng ngọc đỏ thì hoa quả mã não, cây mã não thì hoa quả ngọc đỏ; cây bằng xa cừ thì hoa quả các loại báu, cây là các loại báu**



thì hoa quả là xa cừ. Tường của cung điện có bốn cửa, cửa của nó có bảy bậc thềm, bao quanh bằng lan can; có lầu các đền đài, ao tắm, vườn rừng đều theo thứ lớp đối nhau, sanh các loại hoa báu, hàng nào hàng nấy đều xứng nhau; có nhiều loại cây ăn trái, hoa lá nhiều màu sắc, hương thơm ngát ngào của cây cỏ lan tỏa xa khắp bốn phương, cùng các loài chim ríu rít hòa vang.

“Nhật cung điện kia, được duy trì bởi năm loại gió[395]. Một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thọ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Điện chính, nơi Nhật thiên tử ngự, hoàn toàn được xây dựng bằng vàng ròng, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, đều có lan can bao quanh. Tòa của Nhật thiên tử rộng nửa do-tuần, làm bằng bảy báu, trong sạch mềm mại, giống như thiên y. Nhật thiên tử tự thân phóng ra ánh sáng chiếu điện vàng; ánh sáng điện vàng chiếu khắp Nhật cung; ánh sáng của Nhật cung lại chiếu ra khắp bốn phương thiên hạ. Tuổi thọ của Nhật thiên tử năm trăm năm nhà trời; con cháu đều kế thừa nhau không bao giờ gián đoạn. Cung điện này không bao giờ bị hoại diệt, trong vòng thời gian là một kiếp. Khi cung điện mặt trời di chuyển, thì Nhật thiên tử không có ý di chuyển rằng: ‘Ta đi. Ta dừng.’ Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Lúc mà cung điện mặt trời

**vận hành thì vô số trăm nghìn Chư Thiên, thiên thần đi theo dẫn đường trước, hoan hỷ không mệt mỏi, thích đi nhanh nhẹn, vì vậy Nhật thiên tử được gọi là 'Nhanh nhẹn.'**[396]

**“Thân Nhật thiên tử phát ra nghìn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống, và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh, đó là vì công đức của nghiệp đời trước nên có nghìn tia sáng này. Thế nên Nhật thiên tử còn gọi là Thiên Quang**[397]**. Thế nào là công đức của nghiệp đời trước? Hoặc có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng cứu giúp những người đói khát cùng khổ, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, không trái ý người, và cúng dường cho các vị Hiền Thánh trì giới. Do bởi nhân duyên vô số pháp hỷ quang minh khác nhau kia, mà thiện hoan hỷ. Như vua Quán đánh dòng Sát-lị lúc bắt đầu lên ngôi, thiện tâm hoan hỷ cũng lại như vậy. Do nhân duyên này, thân hoại mạng chung làm Nhật thiên tử, được Nhật cung điện, có nghìn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được nghìn tia sáng.**

**“Lại nữa, do duyên gì mà gọi là ánh sáng của nghiệp đời trước? Hoặc có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, [146a] không nói dối,**

**không ỷ ngữ, không tham giữ, không sân  
nhuế, không tà kiến, vì những nhân duyên  
này mà tâm lành hoan hỷ. Giống như đầu ngã  
tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nướ,  
có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, lại vào  
trong hồ nước này tắm rửa cho mát mẻ rồi  
cảm thấy vui mừng yêu thích; người thực  
hành mười điều lành, tâm lành vui mừng của  
họ lại cũng như vậy. Thân người này sau khi  
thân hoại mạng chung, làm Nhật thiên tử,  
sống ở Nhật cung điện, có nghìn tia sáng, vì  
nhân duyên này cho nên gọi là ánh sáng  
nghiệp lành.**

**“Lại nữa, vì duyên gì gọi là nghìn tia sáng?  
Hoặc có người không sát sanh, không trộm  
cắp, không tà dâm, không dối, không uống  
rượu; do những nhân duyên này, mà thiện  
tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm  
Nhật thiên tử, sống ở Nhật cung điện, có  
nghìn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy  
nên gọi là nghìn tia sáng nghiệp lành.**

**“Trong sáu mươi niệm khoảnh[398] gọi là  
một la-da[399], ba mươi la-da gọi là ma-hầu-  
đa[400], trăm ma-hầu-đa gọi là ưu-ba-  
ma[401]. Nhật cung điện mỗi năm có sáu  
tháng đi theo hướng Nam, mỗi ngày di chuyển  
ba mươi dặm; cực Nam không vượt qua khỏi**

**Diêm-phù-đề. Mặt trời di chuyển về hướng Bắc, cũng vậy.**

**“Vì duyên gì nên ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nhân duyên. Những gì là mười? Một, ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la[402] cao bốn vạn hai nghìn do-tuần, rộng bốn vạn hai nghìn do-tuần, biên núi không ước lượng được; núi được tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đây là duyên thứ nhất ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Hai, bên ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà[403] cao hai vạn một nghìn do-tuần, rộng cũng hai vạn một nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ hai ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Ba, bên ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la[404], bên trên cao một vạn hai nghìn do-tuần, rộng một vạn hai nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Bốn, ở ngoài cách núi Thọ-đề-đà-la không xa có núi gọi là Thiện kiến[405], cao sáu nghìn**

**do-tuần, rộng sáu nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Năm, ở ngoài núi Thiện kiến có núi Mã tự[406] cao ba nghìn do-tuần, ngang rộng cũng ba nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Sáu, ở ngoài cách núi Mã tự không xa có núi Ni-di-đà-la[407], [146b] cao một nghìn hai trăm do-tuần, rộng một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Bảy, ở ngoài cách núi Ni-di-đà-la không xa có núi Điều phục[408], cao sáu trăm do-tuần, rộng cũng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ bảy để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Tám, ở ngoài núi Điều phục có núi Kim cang luân[409], cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát ra nhiệt. Đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Lại nữa, bên trên một vạn do-tuần có cung điện Trời gọi là Tinh tú, tạo thành bởi lưu ly. Khi ánh sáng mặt trời chiếu vào nó, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt. Đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời nóng bức.**

**“Lại nữa, ánh sáng cung điện mặt trời chiếu xuống đại địa, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.**

**“Đó là mười duyên thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng bức.”**

**Bấy giờ, Thế Tôn nói bài tụng:**

**Do mười nhân duyên này,**

**Mặt trời gọi Thiên quang;**

**Ánh sáng phát nóng bức:**

**Được nói mặt trời Phật.**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Tại sao cung điện mặt trời mùa đông thì lạnh để không thể ở gần được? Có ánh sáng mà**

**sao lạnh? Có mười ba duyên, tuy có ánh sáng nhưng vẫn lạnh, Những gì là mười ba?**

**“Một, vì giữa hai núi Tu-di và Khư-đà-la có nước, rộng tám vạn bốn nghìn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra rất nhiều loại hoa khác nhau như: hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa bát-đâu-ma, hoa phân-đà-lợi, hoa tu-kiền-đề; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ nhất để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Hai, khoảng cách giữa hai núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có nước, rộng bốn vạn hai nghìn do-tuần, dọc ngang bốn vạn hai nghìn do-tuần, chu vi thì vô lượng. Nước này sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng chiếu đến, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ hai để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Ba, giữa hai núi Y-sa-đà-la và Thọ-đề-đà-la có nước, rộng hai vạn một nghìn do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ ba ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Bốn, giữa hai núi Thiện kiến và núi Thọ-đề có nước, rộng hai ngàn do-tuần, chu vi thì vô lượng, nơi này có nước, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống**

**[146c] thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tư để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Năm, giữa hai núi Thiện kiến và núi Mã tự có nước, rộng sáu nghìn do-tuần, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ năm để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Sáu, giữa hai núi Mã tự và núi Ni-di-đà-la có nước, rộng một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ sáu để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Bảy, giữa hai núi Ni-di-đà-la và núi Điều phục rộng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ bảy để sinh ra ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Tám, giữa hai núi Điều phục và núi Kim cang luân có nước, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, sinh ra các loài hoa khác nhau; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ tám để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Lại nữa, [410] các sông ngòi, bên cả trong Diêm-phù-lị-địa khi được ánh sáng mặt trời**



**chiếu xuống một lần chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ chín để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Đất Diêm-phù-đề có sông ít, đất Câu-da-ni có nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Sông ngòi của cõi Câu-da-ni thì ít, nước của cõi Phất-vu-đãi thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm mà sinh ra lạnh. Đó là duyên thứ mười một để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Sông ngòi của Phất-vu-đãi thì ít, sông ngòi của Uất-đơn-viết thì nhiều; khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống, xúc chạm nhau thì sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười hai để ánh sáng mặt trời lạnh.**

**“Lại nữa, ánh sáng của cung điện mặt Trời chiếu xuống nước của biển cả, thì khi ánh sáng mặt trời chiếu, xúc chạm mà sinh ra lạnh, đó là duyên thứ mười ba để ánh sáng mặt trời lạnh.”**

**Bây giờ, Phật nói bài tụng:**

**Do mười ba duyên này.**

**Mặt trời gọi Thiên quang**

**Ánh sáng này lạnh trong:**

**Được nói Mặt Trời Phật.**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Cung điện mặt Trăng, chất của nó là tổn, khi đầy khi vơi[411], ánh sáng sút giảm, cho nên Nguyệt cung được gọi là tổn[412]. Mặt trăng có hai nghĩa: một là trụ thường độ, hai gọi là cung điện. Do từ bốn phương xa mà nhìn, thấy là tròn. Lạnh ấm điều hòa, được tạo thành bởi bạc trời và lưu ly. Hai phần là thuần bạc trời rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa; một phần bằng lưu ly rỗng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cung điện mặt trăng, rộng bốn mươi chín do-tuần, tường cung điện cùng đất mỏng như bẹ lau[413]. Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, [147a] bảy lớp linh báu, bảy lớp hàng cây, trang sức chung quanh bằng bảy báu,... cho đến, vô số các loài chim riu rít hòa vang.**

**“Cung điện mặt trăng này được năm thứ gió giữ gìn: một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thụ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Chánh điện, nơi ngự của Nguyệt thiên tử, làm bằng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, chung quanh là lan can. Tòa của Nguyệt thiên tử, rộng nửa do-tuần, được làm thành bởi bảy báu, trong sạch**

và mềm mại, giống như thiên y. Thiên tử mặt trắng trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi điện lưu ly; ánh sáng của điện lưu ly chiếu soi cung điện mặt trắng, và ánh sáng cung điện mặt trắng chiếu soi bốn cõi thiên hạ. Tuổi thọ của thiên tử mặt trắng là năm trăm năm, con cháu thừa kế nhau không có hệ khác[414]. Cung điện này không bị hủy hoại trong vòng một kiếp. Lúc cung điện mặt trắng di chuyển, thiên tử của mặt trắng này không có ý niệm di chuyển, rằng: 'Ta đi. Ta dừng.' Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Khi cung điện mặt trắng di chuyển, thì có vô số trăm nghìn các Đại thiên thần, thường ở trước dẫn đường, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, vì vậy nên Nguyệt thiên tử được gọi là 'nhanh nhẹn[415].'

"Thân Nguyệt thiên tử phát ra nghìn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống, và năm trăm tia sáng chiếu hai bên. Đó là do công đức của nghiệp đời trước nên có ánh sáng này, thế nên Nguyệt thiên tử còn gọi là Thiên quang[416]. Thế nào là công đức nghiệp đời trước? Thế gian có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng bố thí cho những người đói khát cùng cực, cho họ đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, mà không trái ý người, và cúng

**dường cho các vị Hiền Thánh trì giới. Do vô số pháp hỷ khác nhau ấy, thiện tâm quang minh. Như vị vua Quán đảnh dòng Sát lợi, khi mới đang vương vị, thiện tâm hoan hỷ, cũng lại như vậy. Vì nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung làm Nguyệt thiên tử, cung điện mặt trăng có nghìn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được nghìn tia sáng.**

**“Lại nữa, do nghiệp gì được nghìn ánh sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không ỷ ngữ, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến; do những nhân duyên này mà thiện tâm hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không dơ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, vào trong hồ nước này, tắm rửa mát mẻ, hoan hỷ khoái lạc; người thực hành mười điều lành, thiện tâm hoan hỷ, lại cũng như vậy. Người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có nghìn tia sáng. Do nhân duyên này [147b] cho nên gọi là nghìn ánh sáng nghiệp lành.[417]**

**“Lại nữa, do duyên gì được nghìn tia sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lừa dối, không uống rượu, vì những nhân duyên này, thiện**

**tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có nghìn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là nghìn tia sáng nghiệp lành.**

**“Trong sáu mươi niệm khoảnh[418] gọi là một la-da, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, trăm ma-hầu đa gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời mỗi năm có sáu tháng đi về phía Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm, cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đê; thời gian ấy, cung điện mặt Trăng nửa năm đi về phía nam, không vượt qua khỏi Diêm-phù-đê. Nguyệt Bắc hành cũng như vậy.**

**“Vì duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít? Có ba nhân duyên nên cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít: Một, mặt trăng phát xuất từ phương góc, là duyên thứ nhất để mặt trăng tổn giảm. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có các Đại thần đều mặc y phục màu xanh, theo thứ tự mà lên, trú xứ cũng trở thành xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ hai để mặt trăng mỗi ngày mỗi giảm. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ ba để ánh sáng mặt trăng tổn giảm.**

**“Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đầy dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đầy dần. Những gì là ba? Một, mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đầy. Hai, các thần cung điện mặt trăng hết thay đều mặt y phục màu xanh, và Thiên tử mặt trăng vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lẫn át ánh sáng Chư Thiên, nên ánh sáng đầy khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Thiên tử mặt trăng cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng Chư Thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy. Đó là duyên thứ hai. Ba, Thiên tử mặt trời tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng vào ngày rằm, thiên tử mặt trăng cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được. Đó là ba nhân duyên cho cung điện mặt trăng tròn đầy mà không bị tổn giảm.**

**“Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng.”**

**Phật bảo Tỳ-kheo:**

**“Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt, chuyên niệm không tán loạn.**

**“Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời, [147c] mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.**

**“Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rể; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.**

**“Lúc ở Diêm-phù-đề đang là giữa trưa thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn, ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-việt là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Uất-đơn-việt mặt trời mọc, ở Phất-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất-đơn-việt giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phất-vu-đãi mặt trời mọc, thì Diêm-phù-đề là nửa đêm. Nếu ở Phất-vu-đãi là giữa trưa, thì ở Uất-đơn-việt mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đề mặt trời mọc, thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương Đông của Diêm-phù-đề, thì là phương Tây ở Phất-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đề là phương Đông của Câu-da-ni;**

phương Tây của Câu-da-ni là phương Đông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương Đông của Phất-vu-đãi.

“Diêm-phù-đề[419], sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm-phù[420] sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù[421]. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai năm[422], vị của nó như mật; cây có năm góc[423] lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước[424] là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiện-Tỳ-đề; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lị. Trái ở góc phía Tây được hải trùng[425] ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn.[426] Phía Bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi Đen lớn, một là Lỏa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiên sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên như Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên như[427] này, một là Thiện đế, hai là Thiện quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên như, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích.”

Phật bảo Tỳ-kheo[428]:



**“Khi kiếp sơ[429], chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều, nhan sắc trở nên thô kệch, khô héo. Những ai ăn ít, nhan sắc tươi sáng, [148a] mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn có kém, và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người; người không bằng ta.’ Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, cho nên vị đất tiêu hết.**

**“Sau đó sinh ra một loại da đất[430], hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều ảo não buồn khóc, đấm ngực mà nói: ‘Ồi chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất.’ Giống như hiện nay người được đây ắp vị ngon, bảo là ngon lành, nhưng sau đó lại bị mất đi nên lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hồi tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kệch khô héo. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp, và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta.’ Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, nên năm đất cạn tiêu hết.**

**“Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất[431], càng lúc càng dày thêm, màu của nó như thiên hoa[432], mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bấy giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp, và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta.’ Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh, nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.**

**“Sau đó, lại xuất hiện loại lúa tẻ[433] mọc tự nhiên, không có vỏ trấu[434], không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bấy giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: ‘Ôi chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất.’ Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: ‘Khổ thay!’ Bấy giờ chúng sanh ảo não, buồn than, cũng lại như vậy.**

**“Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn, và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngấm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: ‘Ôi, việc làm này quấy! Tại**

sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?’ Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: ‘Tôi đã làm quấy.’ Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: ‘Người đem thức ăn này để cho ai?’ Đáp: ‘Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc[435] thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó.’ Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ ‘người chồng bất thiện’, [436] và vì việc đưa [148b] cơm cho chồng nên được gọi là vợ[437].

“Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che dấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ ‘nhà.’ [438]

“Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang Âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ ‘mang thai.’ [439]

“Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại, và tiếp theo là thành Vương xá[440]. Lúc mặt trời mọc thì

**bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành[441]. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.**

**“Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.**

**“Rồi thì, có chúng sanh thầm nghĩ rằng: ‘Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chỉ cho một nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày.’ Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: ‘Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa.’ Người này bèn trả lời: ‘Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một mình.’ Người kia bèn nghĩ thầm: ‘Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày?’ Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: ‘Hãy cùng đi lấy lương.’ Nó liền đáp: ‘Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy.’ Các người kia bèn nghĩ: ‘Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương?’ Rồi chúng lấy năm ngày lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư, nên lúa tẻ ấy bèn sanh ra vỏ trấu;**

sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn trơ cọng khô mà thôi.

“Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, ảo não buồn khóc, đấm ngực than: ‘Ồi, đây là một tai họa!’ và tự thương trách rằng: ‘Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng tư niệm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta ném thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: ‘Sắc ta hơn. Sắc người không bằng.’ Do kiêu mạn, tranh nhau sắc, nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai [148c] ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc người không bằng.’ Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất, và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi

sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: 'Sắc ta hơn, sắc người không bằng.' Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn, nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa tẻ mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích lũy, nên lúa này sinh ra vỏ trấu, và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phối ruộng nhà, phân chia bờ cõi.'

“Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cắt dấu lúa thóc của mình, trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: 'Việc người làm là quấy! Việc người làm là quấy! Tại sao cắt dấu vật của chính mình, mà đi trộm tài vật của người?' Chúng bèn quở trách rằng: 'Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa!' Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quở trách: 'Việc người làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ?' Rồi chúng lấy tay mà đánh, lôi đến giữa đám đông, báo cáo cùng mọi

người rằng: 'Người này tự cắt râu tóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người.' Người ăn trộm nói lại: 'Người kia đã đánh tôi.' Mọi người nghe xong, ấm ức rơi lệ, đấm ngực nói rằng: 'Thế gian trở nên xấu ác, nên đã sinh ra pháp ác này chẳng?' Nhân đấy mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; rằng: 'Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác, nên sinh ra tranh dành kiện tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng[442], để khéo léo giữ gìn như dân, thưởng thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.'

"Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: 'Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ, để khéo léo giữ gìn như dân, thưởng thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp.' Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ 'dân chủ'[443].

"Dân chủ ban đầu có con tên là Trân Bảo[444]; [149a] Trân Bảo có con tên là Hào Vị; Hào Vị có con tên là Tĩnh Trai; Tĩnh Trai có

**con tên là Đảnh Sanh; Đảnh Sanh có con tên là Thiện Hành; Thiện Hành có con tên là Trạch Hành; Trạch Hành có con tên là Diệu Vị; Diệu Vị có con tên là Vị Đế; Vị Đế có con tên là Thủy Tiên; Thủy Tiên có con tên là Bách Trí; Bách Trí có con tên là Thị Dục; Thị Dục có con tên là Thiện Dục; Thiện Dục có con tên là Đoạn Kết; Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Kết; Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng; Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng; Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến; Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến; Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu; Vô Ưu có con tên là Châu Chử; Châu Chử có con tên là Thực Sanh; Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc; Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên; Thần Thiên có con tên là Khiển Lực; Khiển Lực có con tên là Lao Xa; Lao Xa có con tên là Thập Xa; Thập Xa có con tên là Bách Xa; Bách Xa có con tên là Lao Cung; Lao Cung có con tên là Bách Cung; Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục; Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư.**

**“Từ Thiện Tư trở về sau có mười họ, Chuyển Luân Thánh vương nối tiếp nhau không dứt: Một tên là Già-nậu-thô, hai tên là Đa-la-bà, ba tên là A-diệp-ma, bốn tên là Trì-thí, năm tên là Già-lăng-già, sáu tên là Chiêm-bà, bảy tên là Câu-la-bà, tám tên là Bác-đồ-la, chín tên là Di-tư-la, mười tên là Thanh Ma.**



**“Giòng Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua A-diệp-ma có bảy vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Trì-thí có bảy vị vua Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Già-lăng-già có chín vị vua Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Câu-la-bà có ba mươi một vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Bát-xà-la có ba mươi-hai vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Di-tư-la có tám vạn bốn nghìn vị Chuyển Luân Thánh vương. Giòng vua Thanh Ma có một trăm lẻ một vị Chuyển Luân Thánh vương. Và vị vua cuối cùng có tên là Đại Thiện Sanh Tùng.**

**“Vua Thanh Ma[445] của giòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cừ-la-bà. Vua Cừ-la-bà có vương tử tên là Ni-câu-la. Vua Ni-câu-la [149b] có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương[446]. Vua Bạch Tịnh vương có vương tử tên là Bồ-tát[447]. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-li[448].**

**“Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyền thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn,**

ung nhọn, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tư duy.’ Rồi thì, người ấy liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tư duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khất thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: ‘Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo.’ Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện, nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn[449].

“Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiên được, nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhơn gian, và tự nói: ‘Ta không thể tọa thiền.’ Nhân đó gọi là Vô thiên Bà-la-môn[450]. Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh, nên được gọi đó là độc[451]. Do nhân duyên này mà có chủng tánh Bà-la-môn ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh Cư sĩ ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chủng tánh Thủ-đà-la ở thế gian.

**“Trước đó trong thế gian đã có giòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong giòng Sát-lị có người tự tư duy: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!’**

**“Trong chúng tánh Bà-la-môn, chúng tánh Cư sĩ, chúng tánh Thủ-đà-la, có người suy nghĩ: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!**

**“Nếu trong chúng Sát-lị, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ.**

**“Chúng tánh Sát-lị thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được [149c] thọ lạc.**

**“Thân của người sát lợi thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng, và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng, và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.**

**“Trong chúng Sát-lị, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’**

**“Ở trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’**

**“Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu minh và hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng.”**

**Bấy giờ, Phạm thiên liền nói kệ:**

**Thọ sanh, Sát-lợi nhất,**

**Hay tập các chủng tánh.**

**Minh-hành thành đầy đủ,**

**Là nhất trong Trời-Người.**

**Phật bảo các Tỳ-kheo:**

**“Phạm thiên kia nói bài kệ này rất hay, chứ không phải không hay; là khéo lãnh thọ, chứ không phải không khéo lãnh thọ, được Ta ấn chứng. Vì sao? Vì Ta nay, là Như Lai, Chí Chân, là Đẳng Chánh Giác, cũng nói như bài kệ này.**

**Sát lợi, sanh là nhất,**

**Hay tập các chủng tánh,**

**Minh-hành thành đầy đủ,**

**Là nhất trong Trời-Người.**

**Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ thực hành.**

**Trường A hàm hoàn tất.**

**Quy mạng Nhất thiết trí.**

**Tất cả chúng an vui.**

**Chúng sanh trú vô vi,  
Tôi cũng ở trong đó.[452]**

---

**[1] Câu-lị quật 俱利窟, tên một am cốc trong vườn Cấp Cô Độc; kinh số 1 “Đại bản” dịch là Hoa lâm khốt 華林窟. Pl.: Karerikuṭikā. Trong bản Hán, Kuṭikā, am cốc nhỏ, được hiểu là hang động (Pl.: guhā)**

**[2] Tứ thiên hạ, hay tứ châu thiên hạ 四州天下, chỉ bốn đại lục nằm chung quanh núi Tu-di. Pl.: cattaro dīpā.**

**[3] Tu-di sơn vương 須彌山王; Pl.: Sumeru-pabbata-rājā.**

**[4] Kim sí điểu 金翅鳥, Pl.: garuḷā hay garuḍā.**

**[5] Ác đạo 惡道, chỉ các định hướng tái sinh xấu ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Pl.: duggati.**

**[6] Trong bản, đại nê-lê 大泥梨; Pl.: mahāniraya hay mahāniraka.**

**[7] Diêm-la vương 閻羅王, gọi tắt là Diêm vương, vua địa ngục. Pl.: Yama.**

**[8] Tứ thiên vương thiên 四天王天, tầng thấp nhất trong 6 tầng trời Dục giới. Pl.:**

**Cātumahārājikā Devā hay Cātummahārājikā Devā..**

**[9] Đao-lị thiên 忉利天, dịch là Tam Thập Tam thiên 三十三天, cõi của 33 vị trời. Tầng thứ 2, Dục giới thiên. Pl.: Tāvatiṃsa**

**[10] Diêm-ma thiên 焰摩天, tầng thứ ba trong Dục giới. Pl.: Yāmā devā.**

**[11] Đâu-suất thiên 兜率天, tầng thứ tư trong 6 tầng trời Dục giới. Pl.: Tusitā devā.**

**[12] Hóa Tự Tại thiên 化自在天, hay Hóa Lạc thiên 化樂天, tầng thứ 5 trong 6 tầng Dục giới thiên. Pl.: Nimmānaratī devā. Skt. Nirmāṇarati.**

**[13] Tha Hóa Tự Tại 他化自在天, tầng thứ 6 trong 6 tầng Dục giới thiên. Pl.: Paranimita-vasa-vattino.**

**[14] Phạm thiên 梵天, Brahma-devā.**

**[15] Tiểu thiên thế giới 小世界, ngàn thế giới số nhỏ. Pl.: saḥassadhā lokadhātu.**

**[16] Trung thiên thế giới 中千世界; ngàn thế giới số trung. Pl.: dvisahassī majjhimikā lokadhātu hay saḥassa majjhimakā lokadhātu.**

**[17]** Tam thiên Đại thiên thế giới 三千大千世界, ba ngàn thế giới số lớn. Pali: ti-sahassī mahāsahassī lokadhātu.

**[18]** Phật-sát 佛剎, quốc độ Phật. Pl.: Buddhakhetta.

**[19]** Do-tuần 由旬, đơn vị đo đường dài. Skt. = Pl.: yojana; 1 yojana = 4 hay 8 krośa (câu-lô-xá), khoảng 7 hay 8 dặm Anh.

**[20]** *Câu xá 11* (tr. 59b26): Núi Tô-mê-lô (Skt. Sumeru) có bốn tầng bậc (Skt. pariṣaṇḍās catasro, Hán: tầng cấp 層級).

**[21]** Hán: lan thuẫn 闌楯, lan can, với thanh gỗ ngang để vịn tay gọi là *lan*; thanh gỗ đứng gọi là *thuần*; Pl., Skt. vedikā.

**[22]** Hán: quán 觀, chỉ nhà dựng trên đài cao. Đây chỉ chung các loại nhà sàn, nhà tầng kiểu Ấn độ.

**[23]** Hán: viên quán 園觀, chỉ công viên; thường để dịch từ ārama (pl.=Skt.): lạc viên, công viên, nơi mọi người đến giải trí.

**[24]** Hán; cấp giai đạo 級階道, đương đi có thêm cấp.

**[25]** Già-lâu-la Túc 伽樓羅足, nghĩa đen: chân của Già-lâu la. *Câu xá 11* (tr. 59c2): có thần



Dược-xoa tên là, Kiên Thủ 堅手 (bàn tay cứng; Skt. Karoṭapāṇi) .

[26] Trì Man 持鬘; *Câu xá 11* (tr. 59c3; Skt.Mālādhara).

[27] Hỷ lạc 喜樂; *Câu xá 11* (tr. 59c3): Hằng kiêu 恆憍 (Skt. Sadāmatta).

[28] Tam Thập Tam thiên 三十三天, tức Đao-li thiên 忉利天 (Pl.: Tāvatiṃsa). Cf. *Câu xá 11* (tr. 59c19).

[29] Phạm-gia-di 梵加夷, Skt.= Pl.: Brahmakāyika, tầng thấp nhất trong 3 tầng sơ thiên. *Câu-xá 11* (tr. 61a23): Phạm chúng thiên 梵眾天.

[30] Ma thiên 魔天, trong trời Tha Hóa Tự Tại (Pl.: Paranimmitavasavatta) có một số Chư Thiên gọi là Ma thiên (Pl.: devaputtamāra). *Đại trí độ 56* (tr. 458b9); *Sớ giải MA i. 33: so kuhim vasavati?*

paranimmitavasavattidevaloke. (Thiên ma Ba-tuần, Pāpiman) ở đâu? Nó ở trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại.

[31] Quang âm thiên 光音天. *Câu-xá 8* (tr. 41a18): Cực Quang Tịnh thiên 極光淨天. Skt.Ābhāsvarā, Pl.: Ābhassara.

[32] Biến tịnh thiên 遍淨天, tầng thứ ba thuộc Sắc giới tam thiên thiên. Skt. Śubhākṛtsnā; Pl.: Subha-kiṇṇā.

**[33]** Quả Thật thiên 果實天. *Câu-xá 8* (tr. 41a20): Quảng Quả thiên 廣果天, tầng thứ ba thuộc Sắc giới tứ thiên thiên. Skt. Bṛhatphalā; Pl.: Vehapphalā devā.

**[34]** Vô Tưởng thiên 無想天, một hạng Chư Thiên đặc biệt trong Quảng Quả thiên, hay được xếp bên trên Quảng Quả thiên. Pl.: Asaññā-sattā devā.

**[35]** Vô Tạo thiên 無造天; *Câu-xá 8* (tr. 41a20): Vô Phiền thiên 無煩天; Pl.: Avihā devā; Skt. Abṛha; tầng thứ tư thuộc Sắc giới tứ thiên; một trong 5 Tịnh Cư thiên (Skt. Śuddhāvāsika; Pl.: Suddhāvāsa)

**[36]** Vô Nhiệt thiên 無熱天, tầng thứ tư, Sắc giới tứ thiên, một trong 5 Tịnh Cư thiên. Skt., Pl.: Atapā.

**[37]** Thiện hiện thiên 善現天, tầng thứ 6 Sắc giới tứ thiên, một trong 5 Tịnh Cư; 天. Skt. Sudṛśa, Pl.: Sudassī devā.

**[38]** Đại thiện Hiện 大善現; *Câu-xá 8* (tr. 41a21): Thiện Kiến thiên 善見天, tầng thứ 7 Sắc giới tứ thiên, một trong 5 Tịnh Cư. Skt. Sudarśanā, Pl.: Sudassanā.

**[39]** Sắc Cứu Cánh 色究竟, phiên âm A-ca-nị-trá thiên 阿迦尼吒天, tầng cao nhất của Sắc giới. Skt. Akaniṣṭhā; Pl.: Akanitṭāa.

**[40]** Không Xứ Trí thiên 空處智天; *Câu-xá 8* (tr. 41a28): Không Vô Biên Xứ thiên 空無邊處天.

Skt. Ākāśanantāyatana, Pl.:  
Ākāśañcāyatanūpagā devā.

**[41]** Thức Xứ Trí thiên 識處智天, *Câu-xá ibid.:* Thức Vô Biên Xứ thiên 識無邊處天. Skt.

Vijñāṇāntāyatana; Pl.:  
Viññāṇañcāyatanūpagā.

**[42]** Vô Sở Hữu Trí thiên 無所有智天; *Câu-xá ibid.:* Vô Sở Hữu Xứ thiên 無所有處天. Skt.

Ākiñcanayayātana; Pl.:  
Ākiñcaññāyatanūpagā.

**[43]** Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí 有想無想處智, *Câu-xá ibid.:* Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên 非想非非想處天. Skt.

Naivasamjñāsamjñāyatana; Pl.:  
Nevasaññāsaññāyatanūpagā.

**[44]** Uất-đan-việt (việt) 鬱單曰(越); *Câu-xá 11:*(tr. 58a6) Bắc Câu-lô châu 北俱(拘)盧州.

Skt., Pl.: Uttara-kuru.

**[45]** Phất-vu-đãi 沸予逮, hoặc Đông-tỳ-đề-ha 東毗提訶, *Câu-xá ibid.:* Đông Thắng thân châu 東勝身州. Skt. Pūrva-vidēha; Pl.: Pubba-vidēha.

**[46]** Câu-da-ni 俱耶尼, hoặc Cù-đà-ni-da 瞿陀尼耶, *Câu-xá ibid.:* Tây Ngưu hoá châu 西牛貨州.

Skt., Pl.: Godānīya.

**[47]** Diêm-phù-đề 閻浮提, *Câu-xá* ibid: Nam Thiệm-bộ châu 南瞻部州. Skt. Jambudvīpa, Pl.: Jambudīpa.

**[48]** Am-bà-la 菴婆羅.

**[49]** Gia-lam-phù 加藍浮.

**[50]** Cân-đề 斤提.

**[51]** Thạch ngư tràng 石牛幢.

**[52]** Diêm-phù 閻浮.

**[53]** Câu-lợi (lị)-thiểm-bà-la 俱利睒婆羅.

**[54]** Thiện trú 善晝; Pl.: cittapāṇali ?

**[55]** Trú độ (đạc) 晝度, *Câu-xá* 11 (tr. 59c18): Viên sanh thọ 圓生樹; Skt. pārijātaka (hoặc pāriyātra); Pl.: pāricchattaka.

**[56]** Già-đà-la 伽陀羅, đoạn dưới nói là Khư-đà-la. Có lẽ lẫn tự dạng *khư* 佉 với *già* 伽. *Câu-xá*: Du-kiện-đạt-la 踰健達羅. Skt., Pl.: Yugandhara.

**[57]** Ưu-bát-la 優鉢羅, Skt. utpala, Pl.: uppala; Bát-đâu ma 鉢頭摩, Skt. padma, Pl.: paduma; câu-vật-đâu 拘物頭, Skt. kumuda; phân-đà-lị 分陀利, Skt., Pl.: puṇḍarīkā.

**[58]** Khư-đà-la 佉陀羅, ở trên nói là Già-đà-la. Có lẽ do lẫn lộn tự dạng. Xem cht. 55.

**[59]** Y-sa-đà-la 伊娑陀羅, Huyền Tráng: Y-sa-đà-la 伊沙馱羅 Skt. Īṣādhara, Pl.: Īsadhara.

**[60]** Thọ-Cự-đà-la 樹巨陀羅, Huyền Tráng: Kiết-địa-lạc-ca 羯地洛迦. Skt. Khadiraka, Pl.: Karavīka.

**[61]** Thiện kiến 善見; Huyền Tráng: Tô-đạt-lê-xá-na 蘇達梨舍那. Skt. Sudarśana, Pl.: Sudassana.

**[62]** Mã thực 馬食; Huyền Tráng: A-thấp-phước-kiết-noa 阿濕縛羯駑. Skt. Ásvakarṇa, Assakarṇa.

**[63]** Ni-dân-đà-la 尼民陀羅; *Câu-xá-đạt-la* 尼民達羅. Skt. Nimindhara, Pl.: Nemindhara.

**[64]** Điều phục 調伏. *Câu-xá*: Tỳ-đát-ca 毗那怛迦; Skt., Pl.: Vinataka.

**[65]** Kim Cang Vi 金剛圍, đoạn dưới ghi là Đại kim cang. Huyền Tráng: Thiết luân vi 鐵輪圍. Skt. Cakravā Pl.: Cakkavāḷa.

**[66]** Đoạn trên nói là Kim Cang Vi.

**[67]** Đại thọ vương Diêm-phù 大樹王閻浮, *Câu-xá*: Thiệm-bộ lâm thọ 瞻部林樹. Skt., Pl.: Jambu.

**[68]** Am-bà-la-lâm 菴婆羅林.

**[69]** Diêm-bà 閻婆.

**[70]** Sa-la 娑羅, các bản khác: Bà-la 婆羅.

**[71]** Đa-la 多羅.

**[72]** Na-đa-la 那多羅.

**[73]** Nam 男.

**[74]** Nữ 女.

**[75]** Tán-na 散那.

**[76]** Chiên-đàn 旃檀.

**[77]** Khư-châu-la 佉洲羅.

**[78]** Ba-nại-bà-la 波奈婆羅.

**[79]** Tỳ-la 毗羅.

**[80]** Hương Nại 香奈.

**[81]** Lê 梨.

**[82]** An-thạch-lưu 安石留.

**[83]** Cam 甘.

**[84]** Ha-lê-lặc 呵梨勒.

**[85]** Tỳ-hê-lặc 毗醯勒.

**[86]** A-ma-lặc 阿摩勒.

**[87]** Am-ma-lê 阿摩犁.

**[88]** Nại 奈.

**[89]** Cam Giá 甘蔗.

**[90]** Vi 葦.

**[91]** Trúc 竹.

**[92]** Xá-la 舍羅.

**[93]** Xá-la-nghiệp 舍羅業.

**[94]** Mộc Qua 木瓜.

**[95]** Đại mộc qua 大木瓜.

**[96]** Giải thoát hoa 解脫花.

**[97]** Chiêm-bà 瞻婆.

**[98]** Bà-la-la 婆羅羅.

**[99]** Tu-ma-na 修摩那 .

**[100]** Bà-sư 婆師.

**[101]** Đa-la-lê 多羅梨.

**[102]** Già-da 伽耶.

**[103]** Bồ-đào 蒲萄; Tống-Nguyên: 蒲桃; Minh:  
蒲萄.

**[104]** Độc xà 毒蛇, tên một loại hoa?

**[105]** Uất-thiên-na 鬱禪那.

**[106]** Kim Bích 金壁.

**[107]** Tuyết sơn 雪山; Skt. Himavat, Pl.:  
Himavā hay Himavanta, tức Himalaya.

**[108]** A-nậu-đạt 阿耨達; *Câu-xá*: Vô Nhiệt trì 無  
熱池 Skt. Anavatapta, Pl.: Anotatta.

**[109]** Đa-la thọ 多羅樹.

**[110]** Hằng-già 恆伽; *Huyền Tráng*: Căng-già  
殄伽. Skt. Gaṅgā

**[111]** Ngưu khẩu 牛口.

**[112]** Tân-đầu 新頭; *Huyền Tráng*: Tín-độ 信度  
. Skt. Sindhu

**[113]** Sư tử khẩu 師子口.

**[114]** Bà-xoa 婆叉; *Huyền Tráng*: Phục-sô 縛  
芻. Skt. Vakṣu

**[115]** Mã khẩu 馬口.

**[116]** Tư-đà 斯陀; *Huyền Tráng*: Tỉ-đa 徙多.  
Sītā.

**[117]** Tượng khẩu 象口.

**[118]** Ngũ trụ đường 五柱堂.

**[119]** A-nậu-đạt long vương 阿耨達龍王.

**[120]** Tỳ-xa-li 毗舍離; Skt. Vaiśāli, Pl.: Vesāli.

**[121]** Hắc sơn 黑山. Skt. Kīṭādri, núi con kiến;  
*Chân Đế*: Nghị sơn 蟻山.



**[122]** Hương sơn 香山; *Câu-xá*: Hương Tuý sơn 香醉山. Skt. Gandhamādana.

**[123]** Truyền thuyết Pl., trong núi Gandhamādana có ba hang: Suvatta-gūha (hang vàng), Maṭi-gūha (hang ngọc), Rajata-gūha (hang bạc).

**[124]** Trú 晝 (hang Ban ngày).

**[125]** Thiện Trú 善晝.

**[126]** Diệu Âm Càn-thát-bà vương 妙音乾闥婆王, thủ lĩnh thần âm nhạc.

**[127]** Thiện trụ ta-la thọ vương 善住娑羅樹王

.

**[128]** Thiện trụ tượng vương 善住象王

**[129]** Thất xứ bình trụ 七處平住. Bảy chỗ: lòng 2 bàn chân, 2 bàn tay, 2 vai và chòm đầu.

**[130]** Ma-đà-diên 摩陀延.

**[131]**\* 佛說長阿含第四分世記經鬱單曰品第二

**[132]** Không thúy sắc 孔翠色

**[133]** Bà-sư, tức bà-sư-ca 婆師迦; Skt. vāsikā, một loại hoa lài.

**[134]** Bi minh 悲鳴.

**[135]** Diệm-quang 焰光.

- [136]** Khúc-cung 曲躬.
- [137]** Hương thọ 香樹.
- [138]** Y thọ 衣樹.
- [139]** Trang nghiêm thọ 莊嚴樹.
- [140]** Hoa man thọ 花鬘樹.
- [141]** Khí thọ 器樹.
- [142]** Quả thọ 果樹.
- [143]** NHẠC khí thọ 樂器樹.
- [144]** Thiện kiến trì 善見池.
- [145]** Am-bà-la thọ 菴婆羅樹.
- [146]** Thiện đạo hà 善道河.
- [147]** Diệu Thể hà 妙體河.
- [148]** Diệu Vị hà 妙味河.
- [149]** Quang Ảnh hà 光影河.
- [150]** Thiện Kiến viên lâm 善見園林.
- [151]** Ngu Lạc 娛樂.
- [152]** Đẳng Hoa 等花.
- [153]** Ưu-úy thiên-già 憂畏禪伽.
- [154]** Do từ utara: trên hết.
- [155]** \*佛說長阿含第四分世記經轉輪聖王品第三

**[156]** Chuyển luân Thánh vương; Skt. Cakravarti(-rājan); Pl.: (rāja) cakkavattin. Hán, các phiên âm: Chước-ca-la-phạt-lạt-đế 斫迦羅伐刺底, Chước-ca-la-phạt-lạt-đế 斫迦羅伐辣底, Chước-ca-ra-bạt-đế 斫迦羅跋底, Già-ca-la-bạt-đế 遮迦羅跋帝; dịch nghĩa: Chuyển Luân vương 轉輪王, Chuyển Luân Thánh đế 轉輪聖帝, Phi Hành Luân đế 飛行輪帝, Phi Hành Hoàng đế 飛行皇帝. Các tư liệu khác liên quan Chuyển Luân vương, Hán: *Trung A-hàm*, quyển 13, 15; *Tăng nhất A-hàm* quyển 13, 33; *Phật bản hành tập kinh* 1-15; *Hiên ngu kinh* quyển 13; *Đại tỳ bà sa* quyển 150, 183; *Đại trí độ quyển* 4, 24, 82. Tài liệu Pl.: các kinh thuộc Dīgha-Nikāya: Mahāsudassana, Mahāpadāna, Cakkacattisihanāda, Ambaiha, và thuộc Majjhima-Nikāya: Bālapaṇḍita.

**[157]** Thành tựu thất bảo 成就七寶, Pl.: sattaratanasamannāgato: kim luân bảo 金輪寶, bạch tượng bảo 白象寶, cám mã bảo 紺馬寶, thần châu bảo 神珠寶, ngọc nữ bảo 玉女寶, cư sĩ bảo 居士寶, chủ binh bảo 主兵寶. Tham chiếu Pl. (D. iii. 59): tass'imāni satta ratanāni ahesuṃ, seyyathidaṃ cakka-ratanam, hatthi-rata-nam, assa-ratanam, maṇi-ratanam, itthi-ratanam, gahapati-ratanam, pariṇaiyaka-ratanam eva sattamaṃ.

**[158]** Nguyên Hán: Sát-lợi (lợi) thủy nhiều đầu chùng 剎利水澆頭, vua Sát-lợi được truyền ngôi bằng phép quán đỉnh (rưới nước lên đầu). Pl.: khattiya-abhiseka-rāja.

**[159]** Thiên luân bảo 天輪, Pl.: dibba-cakka-ratana.

**[160]** Hải biểu 海表; Pl.: sāgara-pariyanta.

**[161]** Phong họa đồ độ 封畫圖度; No 24 (tr. 318a): qui độ vi giới phận 規度為界分.

**[162]** Hán: lan thuẫn 欄楯, tức câu lan 勾欄, hay lan can 欄杆. Pl.: vedikā.

**[163]** Bạch tượng bảo thành tựu 白象寶成就; Pl.: (seta-)hatthi-ratanasamannāgata.

**[164]** Thất xứ bình trụ 七處平住, cũng nói là thất xứ bình mãn 七處平滿, chỉ thụt nơi hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ đây đặn, gồ lên cao. Skt. saptotsada; Pl.: sattussada.

**[165]** Cầm mã bảo thành tựu 紺寶馬成就; Pl.: (nīla-)assaratanasamannāgata. Cầm紺, hay cầm thanh 紺青, màu xanh thẫm, xanh pha đỏ. Pl., Skt.: nīla.

**[166]** Chu tông vĩ 朱驥尾; các bản TNM: châu mao vĩ 珠毛尾: đuôi có lông (màu) hạt châu.

**[167]** Thần châu bảo thành tựu 神珠寶成就; Pl.: maṇiratanasamannāgata.

**[168]** Chất sắc 質色; các bản TNM: kỳ sắc 其色.

**[169]** Ngọc nữ bảo thành tựu 玉女寶成就; Pl.: itthiratanasamannāgata.

**[170]** Cư sĩ bảo thành tựu 居士寶成就 ; Pl.: gahapatiratanasamannāgata.

**[171]** Cư sĩ trượng phu 居士丈夫; Skt. gṛhapati(mauṣya). Pl.: gahapati.

**[172]** Phục tạng 伏藏; Pl.: ākara.

**[173]** Chủ binh bảo thành tựu 主兵寶成就; Pl.: pariṇāyaka-ratana-samannāgata.

**[174]** Tứ thần đức 四神德; Pl.: catu-iddhisamannāgata, thành tựu bốn năng lực (phồn vinh) siêu tự nhiên.

**[175]** Bà-sư hay bà-sư-ca 婆師迦; Pl.: vassika hay vessika (Skt. vārṣika), hoa mùa mưa hay mùa hè (hạ sanh hoa 夏生花)

**[176]** Tự nhiên canh mễ 自然粳米; Pl.: aṭṭhapākasāli, loại lúa thơm mọc, vàng chín tự nhiên, không cần cày cấy. Xem kinh 5 “Tiểu duyên”.

**[177]** Hán: nê hoàn 泥洹; cùng tự dạng với nê-hoàn 泥洹, không nhầm với phiên âm khác của Niết-bàn.

**[178]** Thời do như lạc nhân, thực như tiểu quá, thân tiểu bất thích 時猶如樂人食如小過身小不適 ; nghĩa không rõ ràng. Cf. No 24 (tr. 375a29): “Như có một người mà thân thể mảnh khảnh, yếu ớt, khi ăn nhiều thức ăn ngon, nếu có vận động chút xíu gì, chỉ thấy hơi mệt. Nhưng giây lát thì tiêu hóa hết.”

**[179]** Hán: xà(đồ)-duy 闍維; Pl.: jhāpeti, hỏa táng, ta quen gọi là trà-trì 荼-毗.

**[180]** Bản Hán, hết quyển 18.

\* 第四分世記經地獄品第四

**[181]** Xem cht. 64, 65 phẩm 1 châu Diêm-phù-đề.

**[182]** Địa ngục 地獄, Skt. naraka, hay niraya, *Câu-xá*, âm: nại-lạc-ca 奈落迦, hoặc nơi khác âm: nê-lê 泥梨. Pl.: niraya. Thứ tự trong bản Hán này ngược với thứ tự trong *Câu xá* 1, và trong các tài liệu Pl..

**[183]** Tưởng 想; *Câu-xá*: Đẳng hoạt 等活; Skt., Pl.: Saṃjīva. Bản Hán đọc Skt. lā Saṃjñī(va), hoặc Pl.: Saññī(va)

**[184]** Hắc thừng 黑繩; Skt. Kālasūtra, Pl.: Kālasutta.

**[185]** Đồi áp 堆壓; *Câu-xá*: Chúng hợp 眾合; Skt. Saṃghāta, Pl. đồng. Bản Hán đọc Skt. lā Saṃkata.

**[186]** Khiếu hoán 叫喚; *Câu-xá*: Hào khiếu 號叫; Skt. Raurava, Pl.: Jālaroruva.

**[187]** Đại khiếu hoán 大叫喚; *Câu-xá*: Đại khiếu 大叫; Skt. Mahāraurava; Pl.: Dhūmaroruva.

**[188]** Thiêu chích 燒炙; *Câu-xá*: Viêm nhiệt 炎熱; Skt. Tapana, Pl. đồng.

**[189]** Đại thiêu chích 大燒炙; *Câu-xá*: Cực nhiệt 極熱; Skt. Pratāpana; Pl.: Patāpana.

**[190]** Vô gián 無間; *Câu-xá*, phiên âm: A-tỳ-chỉ 阿毗旨; Skt. Avīci, Pl.: Mahāvīci.

**[191]** Thập lục tiểu ngục 十六小獄; *Câu-xá*: thập lục tăng 十六增. Danh sách theo bản Hán: Hắc sa 黑沙 (cát đen), Phất (Phí) thi 沸屎 (phân sôi), Ngũ bách đinh (năm trăm đinh) 五百釘, Cơ (đói) 飢, Khát 渴, Đồng phủ 銅釜 (nồi đồng), Đa đồng phủ 多銅釜 (nhiều nồi đồng), Thạch ma 石磨 (mài bằng đá), Nùng huyết 膿血 (máu mủ), Lượng hỏa 量火 (đống lửa), Hôi hà 灰河 (sông tro), Thiết hoàn 鐵丸 (hòn sắt), Cân phủ 斨斧 (búa rìu), Sài lang 豺狼 (chó sói), Kiếm thọ 劍樹 (rừng cây bằng gươm),

Hàn băng 寒冰 (băng lạnh). *Câu xá luận* 11 (Kósa-kārikā iii 59): ngoài 4 cửa ngục lớn, mỗi cửa có 4 ngục nhỏ, danh sách, Huyền Tráng: Đường ôi 糖煨 (Skt. Kukūla), Thi phần 屍糞 (Skt. Kuṇapa), Phong nhẫn 鋒刃 (Skt. Kṣura), Liệt hà (Skt. Vaitaraṇī). Trong đó, Phong nhẫn có ba: Dao nhẫn lộ 刀刃路 (Skt. Kṣuramārga, hay Kṣuradhārāmārga), Kiếm diệp lâm 劍葉林 (Skt. Asipattravana) Kiếm thích lâm 劍刺林 (Skt. Ayahśalmalivana).

**[192]** Tưởng địa ngục 想地獄. No 23: Tưởng nê-lê 想泥犁. No 24, No 25: Hoạt đại địa ngục 活大地獄.

**[193]** Định nghĩa của *Câu xá* 11: Đẳng hoạt (Saṃjīva), chúng sanh trong đó bị hành hạ cho đến chết, sau đó có ngọn gió mát thổi qua, chúng sống lại để tiếp tục chịu hình phạt.

**[194]** Tự nhiên đao kiếm 自然刀劍. No 23: tự nhiên tiểu đao 自然小刀..

**[195]** Du ảnh đao 油影刀 (?). Các loại đao kể trong No 25: thiết đao tử 鐵刀子, bán thiết đao tử 半鐵刀子

**[196]** Hắc sa địa ngục 黑沙地獄. No 23: Hắc giới 黑界. No 24, No 25: Hắc vân sa tiểu địa ngục 黑雲沙小地獄.



**[197]** Phất thi địa ngục 沸屎地獄. No 24: Nhiệt phân thi nê tiểu địa ngục 熱糞屎泥小地獄.

**[198]** Thiết đính 鐵釘, đính sắt; trên kia nói là Ngũ bách đính. No 23: Ngũ bách đính 五百釘. No 24: Ngũ xoa tiểu địa ngục 五叉小地獄.

**[199]** Cơ nạ địa ngục 飢餓地獄. No 24, No 25: cũng vậy. No 23: từ địa ngục Ngũ bách đính chạy ra, lại vào địa ngục Xa thiếp 車 [03]怙.

**[200]** Khát địa ngục 渴地獄. No 23: Âm 飲. No 24, No 25: Tiêu khát địa ngục 焦渴地獄.

**[201]** Đồng phú 銅鍮; trên kia dịch là Đồng phủ, cùng nghĩa. No 23: Nhất đồng ohủ 一銅釜. Tiếp theo là Đa đồng phủ 多銅釜. No 24, không thấy địa ngục tương đương.

**[202]** Thạch ma địa ngục 石磨地獄. No 23: từ Đa đồng phủ chạy vào địa ngục Ma 磨. No 24, 25 không có tương đương.

**[203]** Nùng huyết địa ngục 膿血地獄. No 23, No 24, No 25: cũng vậy.

**[204]** Lượng hỏa địa ngục 量火地獄. No 23: từ ngục Nùng huyết chạy vào địa ngục Cao tuấn 高峻. Từ Cao tuấn chạy vào Chước bản 斫板. Từ

**Chước bản chạy vào Hộc斛. No 25: từ Nùng huyết chạy vào Nhất đồng phủ 一銅釜, sau đó lại vào Đa đồng phủ 多銅釜, tiếp theo chạy vào Cai điệp 磑疊. Từ Cai điệp, chạy vào Hộc lượng**

**斛. No 24: từ Nung huiyet ra, chạy vào lần lượt: Nhất đồng phủ, Đa đồng phủ, Thiết cai 鐵磑, Hàm lượng 函量.**

**[205] Hôi hà địa ngục 灰河地獄. No 23: từ địa ngục Hộc chạy vào Kiếm thọ điệp 劍樹葉; tiếp theo chạy vào địa ngục Nạo lạo hà 撈撈河. No 24: sau Hàm lượng đến Kê tiểu địa ngục 雞小地獄, rồi chạy vào Hôi hà. No 25: từ Hộc lượng chạy vào Kê rồi vào Hôi hà.**

**[206] Thiết hoàn địa ngục 鐵丸地獄. No 23: từ Nạo lạo hà (Hôi hà) chạy ra lại vào Lang dã can 狼**

**野[05]干. Tiếp theo là Hàn băng 寒冰. No 24: từ Hôi hà chạy vào Chước triệt 斫截, rồi vào Kiếm điệp 劍葉, lạ vào Sài lang 豺狼. và sau đó, Hàn băng. No 25: từ Hôi hà lần lượt chạy vào Chước bản 斫板, Đao điệp lâm 刀葉林, Hồ lang 狐狼, cuối cùng là Hàn băng.**

**[207] Cân phủ địa ngục 斫斧地獄.**

**[208] Sài lang địa ngục 豺狼地獄.**

**[209]** Kiếm thọ địa ngục 劍樹地獄.

**[210]** Hàn băng địa ngục 寒冰地獄.

**[211]** No 23: Hắc nhĩ nê-lê 黑耳泥犁. No 24, No 25: Hắc thẳng.

**[212]** No 23: Tăng-càn nê-lê 僧乾泥犁. No 24, No 25: Chúng hiệp 眾合.

**[213]** No 23: Lâu-lạp nê-lê 樓獵泥犁. No 24, No 25: Khiếu hoán.

**[214]** Đại khiếu hoán, các bản đồng.

**[215]** No 24, No 25: Nhiệt não. 熱惱.

**[216]** No 23: A-tỳ-ma-ha 阿鼻摩訶. No 24: A-ti-chí 阿毘至. No 25: A-ti-chi 阿毘脂.

**[217]** Đại thiết vi thành 大鐵圍城.

**[218]** Tăng-khư 增伽, trên kia âm là tăng-già 僧伽. No 24, No 25: gió tên Nhiệt não 熱惱.

**[219]** Mười địa ngục: Hậu vân 厚雲, Vô vân 無雲, Ha ha 呵蚶, Nại hà 奈合, Dương minh 羊鳴, Tu-càn-đê 須乾提, Ưu-bát-la 優鱧羅, Câu-vật-đâu 拘物頭, Phân-đà-lợi 分陀利, Bát-đâu-ma 鱧頭摩. So sánh tám ngục lạnh, *Câu xá 1* tám địa ngục lạnh: Át-bộ-đà 頰部陀 (Skt. Arbuda), Ni-lạt-bộ-đà 尼刺部陀 (Niratbuda), An-tích-tra 頰[口\*析]吒 (Aṭaṭa), Hoắc-hoắc-bà 臃臃婆

(Hahava), Hô-hồ-bà 虎虎婆 (Huhuva), Ôn-bát-la 嚙鉢羅 (Utpala), Bát-đặc-ma 鉢特摩 (Padma). Xem các cht. tiếp theo. Danh sách No 23: A-phù 阿浮, Ni-la-phù 尼羅浮, A-ha-phủ 阿呵不, A-ba-phù 阿波浮, A-la-lưu 阿羅留, Ưu-bát 優鉢, Tu-kiên 修撻, Liên hoa 蓮花, Câu-văn 拘文, Phân-đà-lị 分陀利. No 24: Át-phù-đà 頰浮陀, Nê-la-phù-đà 泥羅浮陀, A-hô 阿呼, Hô-hô-bà 呼呼婆, A-tra-tra 阿吒吒, Tảo-kiên-đề-ca 搔撻提迦, Ưu-bát-la 優鉢羅, Ba-đầu-ma 波頭摩, Bôn-trà-lê 奔茶梨, Câu-vật-đà 拘牟陀.

**[220]** Hậu vân: mây dày; Arbuda (Pl.: Abbuda) ở đây được đọc là ambuda (mây)

**[221]** Vô vân: không mây; Skt. Nirambuda, thay vì Nirarbuda; xem cht. 19.

**[222]** Tu-càn-đề 須乾提, Skt., Pl.: Sugandha (hoặc Sugandhi).

**[223]** *Câu xá 11*:: Lượng một *vāha* mè (Huyền Tráng: ma-bà-ha) của nước Magadha là 20 khār (Huyền Tráng: khư-lê) đựng đầy mè. Cứ một trăm năm lấy đi một hạt mè. Cho đến khi *vāha* mè hết nhưng tuổi thọ ở ngục lạnh Arbuda chưa hết. Hai mươi lần tuổi thọ của Arbuda bằng một lần tuổi Nirbuda.

**[224]** Cù-ba-lê 瞿波梨, Pl.: Kokālika (hoặc Kokāliya). No 99(1193), tr. 323b13: Cù-ca-lê Tỳ kheo 瞿迦梨比丘. Pali, S. i. 149, A. v. 171.

**[225]** Tài liệu Pl., Kokālika là đệ tử của Tudu. Tỳ-kheo Tudu chứng quả A-na-hàm rồi tái sinh lên thiên giới là vị Pacceka Brahamā (Phạm thiên độc hành). Chính Tudu khuyên Kokālika sám hối vì đã nói xấu hai vị Đại tôn giả. Nhưng Kokālika không chịu, dù phải đọa địa ngục.

**[226]** Xem kinh “Thiên sứ” No 26(64).

**[227]** Kim sí điểu 金翅鳥, chim cánh vàng; Pl.: garuḍa

**[228]** Sa-kiệt Long vương 娑竭龍王, No 24, No 25: Sa-già-la Long vương 娑伽羅龍王. Skt. Sāgara-nāgarājan.

**[229]** Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đề.

**[230]** Nan-đà 難陀, Skt., Pl.: Nanda; Bà-nan-đà 婆難陀, Skt., Pl.: Upananda. Hai anh em Long vương. No 23: Nan-đad Hòa-nan-đà Long vương 難頭和難龍王. No 25: nan-đà và Ưu-ba-nan-đà 難陀優波難陀.

**[231]** Cứu-la-thiêm-ma 究羅睺摩. No 23: Cù-lê-thiêm 句梨睺. No 24, No 25: Cư-tra-xa-ma-li

居吒奢摩離, với phụ chú: nước Tùy gọi là Lộc tụ  
鹿聚.

[232] Danh sách các đại long: Sa(Ta)-kiệt-la  
娑竭羅 (Skt., Pl.: Sāgara-nāgarājan), Nan-đà 難  
陀 (Nanda-nāgarājan), Bạt-nan-đà 跋難陀  
(Upananda), Y-na-ba-la 伊那婆羅 (Airāvaṇa)),  
Đề-đâu-lại-tra 提頭賴吒 (Skt. Dhatarasṭha Pl.:  
Dhatarasṭha), Thiện Kiến 善見 (Skt.  
Sudarśana), A-lô 阿盧 (?), Già-câu-la 伽拘羅  
(?), Già-tỳ-la 伽毗羅 (Kapila?), A-ba-la 阿波羅  
(Abala), Già-nậu 伽耨 (?), Cù-già-nậu 瞿伽耨  
(?), A-nậu-đạt 阿耨 (Anavatapta), Thiện Trụ 善  
住 (Skt. (Supraṭiṣṭhita)), Ưu-thiền-già-bà-đầu  
優睇伽婆頭 (?), Đắc-xoa-già 得叉伽 (Skt.  
Takṣaka ). No 23: Sa-kiệt-la 娑竭, A-nậu-đạt 阿  
耨  
達, Nan-đâu Hòa-nan 難頭和難, Thiện Kiến 善見,  
Đe-đâu-lại-tra 提頭賴, Y-ra-mạc 伊羅[34]募,  
Thiện Trụ 善  
住, Ca-cú 迦[\*]句, A-vu-lâu 阿于樓, Uất-chiên-  
đàn-bát 鬱旃鉢, Kiên-ha-cụ-đàm 捷[01]呵具曇,  
Lam-ba 監波. No 24, No 25: Ma-đa-xa-ca 摩多車  
迦, Đức-xoa-ca 德叉迦, Yế-lặc-noa-kiêu-đa đạ-  
ma-già 羯勒拏橋多  
摩[01]伽, Xí-bà-đà-phất- tri-lê-gia 熾婆陀弗知梨  
迦, Thương-cư-ba-đà-ca 商居波  
陀迦, Cam-bà-la 甘婆羅, A-thấp-ba 阿濕婆多羅.

**[233]** Long giới 龍戒, Pl.: nāga-sīla, nāga-vata.

**[234]** Thổ kiều giới 兔鼻戒

**[235]** Ma-ni-bà-đà 摩尼婆陀; No 23: Ma-ni-việt thiên 摩尼越天. Pl.: Maṇibhadda, tên một dạ-xoa (Yakkha), S. 208.

**[236]** Khổ hành uế ô pháp 苦行穢汙法; Pl.: tapajigucchādhamma.

**[237]** Hán: hữu như thị tha tử 有如是他死. Có lẽ chính xác của câu này được đọc tương đương là: tathā param maraṇā hoti, thay vì đọc là: tathāgato param maraṇā hoti: Như Lai tồn tại sau khi chết; param maraṇā, thay vì hiểu: sau khi chết, ở đây hiểu "tha tử": cái chết khác". Trên đây, dịch y theo nghĩa được chấp nhận.

**[238]** Bản Cao-ly: hành ư hành 於; các bản TNM: ư hành 於行, đối với (các) hành (mà có những kiến chấp).

**[239]** Thanh tịnh tụ 清淨聚; Pl.: suddha-rāsi (?). No 23: bảy lần qua lại sanh tử, rồi đắc Đạo. No 24: thất tẩu thất hành thành tư mạng cập nhập mạng tụ 七走七行成就命及入命聚.

**[240]** Hán: du hành 遊行, thường được hiểu là an trú, sống, tồn tại hay lưu ngụ.

**[241]** Trong bản Hán: mạng 命; có lẽ tử 死 nhưng chép nhầm. Xem cht. 211.

**[242]** Kính Diện 鏡面; No 23: Bất Hiện Diện 不現面. Pl.: Ādāsamukha, J. ii. 297-310.

**[243]** Thọ hữu 受有, tức thủ (Pl.: upādāna) và hữu (bhava).

**[244]** Bản Hán, hết quyển 19.

\* 第四分世記經阿須倫品第六

**[245]** Hán: A-tu-la 阿須倫, đây đọc theo phiên âm thông dụng: A-tu-la 阿修羅. Pl. = Skt. Asura

**[246]** La-ha A-tu-luân 羅呵阿須倫; có lẽ Pl.: Rāhu-asura, A-tu-la gây nguyệt thực. No 23: A-tu-la La-hô 羅呼 (Rāhu) ở phía bắc của Sa-đa-thi-lị. A-tu-luân tên là Sao-đa-thi-lị 抄多尸利 (Sapta-śrī?) ở sâu 40 vạn dặm dưới núi Tu-di. No 24: phía Đông Tu-di có A-tu-la vương là Tỳ-ma-chất-đa-la 鞞摩質多羅阿修羅王.(Pl.: Vepacitti/ Vemacitra)

**[247]** Như các mẫu mô tả trong phẩm 1.

**[248]** Luân-thâu-ma-bạt-đà 輪輸摩跋陀. No 24: Thiết-ma-bà-đế 設摩婆帝.

**[249]** Thất Thi-lị (lợi)-sa 七尸利沙. No 24: Thất Đầu 七頭. Skt. Sapta-śirṣa.



**[250]** Chánh pháp tòa 正法座. No 24: một cột báu — 寶柱.

**[251]** Lan thuẩn giai đình 欄楯階亭.

**[252]** Sa-la viên lâm 娑羅園林. Skt. Sālavana.

**[253]** Cực diệu viên lâm 極妙園. Cf. No 24: rừng Nan-đà-na 難陀那林 (phía Nam), Skt. Nandana-vana.

**[254]** Thiêm-ma 睽摩. No 25: Xa-ma-lê lâm 奢摩梨林 (phía Nam).

**[255]** Nhạc lâm 樂林. Cf. No 24: rừng Câu-tỳ-đà-la 俱毘陀羅, ở phía Tây; Skt. Kovidāra.

**[256]** Trú độ thọ 晝度樹; Pl.: pāricchattaka; Skt. pārijataka. Cf. No 24: khoảng giữa rừng Nan-đà-na (phía Nam) và Câu-tỳ-đà-la (phía Tây) có cây lớn tên Tô-chất-đát-la-ba-tra-la 蘇質怛邏波吒羅; Skt. Sucitrapatra?

**[257]** Bạt-nan-đà 跋難陀. No 24: khoảng giữa rừng Sa-la và Xa-ma-lê có ao lớn tên là Nandà 難陀; Skt. Nandā.

**[258]** Tỳ-ma-chất-đa A-tu-la 毗摩質多阿須倫. No 24, No 25: Tỳ-ma-chất-đa-la 鞞

**摩質多囉 có cung thành ở phía Đông Tu-di. Pl.: Vepacitti Asura, Skt. Vemacitra.**

**[259] Ba-la-ha A-tu-la 波羅呵阿須倫; Pl.: Pahārāda Asura, một trong ba thủ lĩnh của Asura. No 23: Ba-đà-ha 波陀呵.**

**[260] Thiêm-ma A-tu-la 睽摩阿須倫; Pl.: Sambara Asura.; St. Śambara.**

**[261] Ngũ đại A-tu-la 五大阿須倫: Đề Trì 提持, Hùng Lực 雄力, Võ Di 武夷, Đầu Thủ 頭首, Tôì Phục 摧伏. No 24, No 25: Tùy Hỷ 隨喜, Thường Hữu 常有, Thường Túy 常醉, Mâu-chân-lân-đà 牟真隣陀, Tỳ-ha-đa-la 鞞呵多羅.**

**[262] Tứ phong 四風: trụ phong 住風, trì phong 持風, bất động 不動風, kiên cố 堅固風. No 23, bốn loại gió: bất khả hoại 不可壞風, kiên trụ 堅住風, trì 持風,thượng 風. No 24, No 25: trụ 住, an trú 安住, bất trụ 不墮, lao cố 牢固.**

**\* 佛說長阿含第四分世記經四天王品第七**

**[263] Tứ thiên vương 四天王. Pl.: Cātummmahārājikā.**

**[264] Đề-đầu-lại-tra 提頭賴吒, Hán dịch: Trì Quốc Pl.: Dhataratṭha**

**[265]** Hiền Thượng 賢上.

**[266]** Tỳ-lâu-lặc 毗樓勒. No 24, No 25: Tỳ-lâu-lặc-ca 毘[08]樓

勒迦. Hán dịch: Tăng Trưởng 增長; Pl.: Virūḥaka.

**[267]** Thiện kiến 善見; No 24, No 25: Thiện hiện 善現. Pl.: Sudassana, Skt. Sudarśana.

**[268]** Tỳ-lâu-bà (bác)-xoa 毗樓婆 (博) 叉. Hán dịch: Quảng Mục 廣目. Pl.: Virūpakkha.

**[269]** Chu (châu)-la Thiện kiến 周羅善見. No 24, No 25: Thiện quán 善觀. Pl.: Cūla-Sudassana.

**[270]** Tỳ-Sa-môn 毗沙門, Hán dịch: Đa Văn 多聞. Pl.: Vessavaṇa.

**[271]** Ba thành: Khả úy 可畏, Thiên kính 天敬, Chúng quy 眾歸. No 23: Sa-ma 沙摩, Ba-ca-la-viêt [24]波迦羅曰, A-ni-bàn 阿尼

槃. No 24, No 25: Tỳ-xá-la-bà 毘舍羅婆, Già-bà-bạt-đế 伽婆鉢帝, A-trà-bàn-đa 阿荼槃多.

**[272]** Già-tỳ-diên-đâu 伽毗延頭. No 23: Ca-ti-diên 迦比延 (tên núi). No 24, No 25: Ca-tỳ-diên-đa 迦毘延多 (tên vườn).

**[273]** Na-lân-ni 那鄰尼. No 23: Na-lị 那利. No 24: Na-trỉ-ni 那稚尼. No 25: Na-trì-ni 那墀尼.

**[274]** Càn-đạp-hòa 乾沓和.

**[275]** Cứu-(cưu)-bàn-trà 究(鳩)盤荼, các thần thuộc hạ của Tỳ-lâu-lặc. Pl.: Kumbanḍha.

**[276]** Ngũ đại quỷ thần 五大鬼神 (Pl.: Pañca mahāyakkhā): Bàn-xà-lâu 盤闍樓, Đàn-đà-la 檀陀羅 (Daṇḍadhāra), Hê-ma-bạt-đà 醯摩跋陀 (Skt. Hemaparvata), Đê-kệ-la 提偈羅, Tu-dật-lộ-ma 修逸路摩 (Skt. Suciloma). No 24: Ngũ Trượng 五丈, Khoáng Dã 曠野, Kim Sơn 金山, Trường Thân 長身, Châm Mao 針毛.

\* 佛說長阿含第四分世記經忉利天品第八

**[277]** Đao-lị thiên 忉利天, Hán dịch: Tam Thập Tam thiên. Pl.: Tāvatiṃsa, Skt. Trāyastīṃsa.

**[278]** Y-la-bát long vương 伊羅鉢龍王. No 24: Y-la-bát-na đại long tượng vương 伊羅鉢那大龍象王 Pl.: Erakapatta.

**[279]** Thiện kiến thành 善見城. No 23: Tu-đà-diên 須陀延. Pl.: Sudassana-devanagara; Skt. Sudarśana.

**[280]** Thiện pháp đường 善法唐. No 23: Tham nghị điện xá 參議殿舍. Pl.: Sudhammā-sālā, Skt. Sudharmā devasabhā.

**[281]** Thiên đế 天帝, tức Thiên Đế Thích 天帝釋, hay Thích Đê-hoàn Nhân 釋提桓因, chúa tể các thiên thần trời Đao lị (Pl.: Tāvatiṃsa). Pl.: Sakka devānam Inda.

**[282]** Thô sáp viên lâm 麤澀園林; một trong bốn công viên trên trời Đao lị. No 23: Thô kiên 麤堅. No 24, No 25: vườn Ba-lũ-sa 波婁沙苑 *Câu-xá*, bốn khu vườn trên Đao-lị: Chúng xa 眾車 (Skt. Caitraratha), Thô ác 麤惡 (Skt. Pāruṣyaka), Tạp lâm 雜林 (Skt. Mīśraka), Hỷ lâm 喜林 (Nandana).

**[283]** Hiền 賢, Skt. Bhadra; Thiện hiền 善賢, Skt. Subhadra.

**[284]** Họa lạc 畫樂, Hán dịch từ Skt. Caitrarata, thay vì Skt. Caitraratha mà Huyền Tráng dịch là Chúng xa. Xem cht. 282. No 24, No 25: Tạp sắc xa 雜色車.

**[285]** Họa 畫, Skt. Caitra ? Thiện họa 善畫, Skt. Sucaitra ? No 24, No 25: Tạp sắc 雜色, và Thiện tạp sắc 善雜色.

**[286]** Tạp 雜, tức Tạp lâm; xem cht. 282. No 23: Hội loạn viên 憤亂園. No 24, No 25: vườn Tạp loạn 雜亂.

**[287]** Thiện kiến 善見 và Thuận thiện kiến 順善見 No 24, No 25: Thiện hiện 善現 và Tiểu thiện hiện 小善現. No 23: Nan 難陀 và Hòa-nan 和難.

**[288]** Đại hỷ 大喜, tức Hỷ lâm; xem cht. 282.

**[289]** Nan-đà trì 難陀池. Đoạn dưới, dịch nghĩa là Đại hỷ. Pl.: Nandā-pokkharanī.

**[290]** Trú độ 晝度; Pl.: Pāricchattaka, Skt. Pārijātaka. No 23: Trú quá độ 晝過度. No 24, 25: Ba-li-da-đát-la-câu-tỳ-đà-la 波利夜怛邏俱毗陀羅.

**[291]** Trên kia, âm là Nan-đà.

**[292]** Thô sáp 麤澀, Skt. pārūṣya. Xem cht. 282.

**[293]** Caitrarati, tên vườn theo bản Hán (Xem cht. 282), do ghép citra, hình dung từ, có màu sắc sắc sỡ; và rati, danh từ, sự vui thích. Những giải thích này gắn với từ Pl.: Cittalatāvana hơn.

**[294]** Tên vườn Mísraka (Xem cht. 282) do hình dung từ mísra, được pha trộn.

**[295]** Tên vườn Nandanavana (Xem cht.282) do hình dung từ nandana, làm cho vui vẻ.

**[296]** Hán: diệu pháp 妙法, Skt. sudharma, Pl.: sudhamma.

**[297]** Mạn-đà 漫陀.

**[298]** Định nghĩa này gần với từ Pl.: Pāricchattaka, hơn là Skt. Pārijātaka hay Pāriyātra. Do động từ Pl.: pari-cchādeti: che phủ khắp.

**[299]** Thập đại thiên tử 十大天子, Nhân-đà-la 因陀羅, Cù-di 瞿夷, Tỳ-lâu 毗樓, Tỳ-lâu-bà-đê 毗樓婆提, Đà-la 陀羅, Bà-la 婆羅, Kỳ-bà 耆婆, Linh-hê-nậu 靈醯崑, Vật-la 物羅, Nan-đâu 難頭. No 23: Căn 根, Câu-giới 具戒, Tỉ-lưu 比流, Tỉ-lưu-tàng 比流藏, A-lưu 阿流, ba-lưu 波流, Lị-hằng 利桓, Lâu-hán 樓漢, Câu-hòa-nan 拘和[03]難, Nan 難. No 24, 25: Nhân-đà-la-ca 因陀羅迦, Cù-ba-ca 瞿波迦, Tân-đâu-ca 頻頭迦, Tân-đâu-bà-ca 頻頭婆迦, A-câu-tra-ca 阿俱吒迦, Tra-đo-đa-ca 吒都多迦, Thì-bà-ca 時婆迦, Hồ-lô-kì-na 胡盧祇那, Nan-trà-ca 難[05]茶迦, Hồ-lô-bà-ca 胡盧婆迦.

**[300]** Kích thước trung bình khăn quần của người Ấn.

**[301]** Hán: đoàn tễ hoạt thực 搏細滑食. Pl.: kabaḷikāro āhāro olāriko vā sukhumo. Xem kinh số 9 “Chúng tập.”

**[302]** Chỉ thực phẩm vật chất: thức ăn được nắn thành viên, do tục ăn bốc của người Ấn.

**[303]** Tham chiếu, *Câu xá* 10: đoạn thực 段食 (Skt. Kavaḍīkāra āhāra; Pl.: kabaḷikāro āhāro) có hai loại: thô (Skt. audārika, Pl.: olāriko) và tễ (Skt. sūkṣuma, Pl.: sukhumo): (...) như thức ăn chư Thiên được gọi là tễ, vì không phải bài tiết.

**[304]** Tịnh đoàn thực 淨搏食.

**[305]** Hán: châu ky 珠璣, chỉ chung cho các kim loại quý làm vật ngang giá.

**[306]** Man thọ 鬘樹; xem “Phẩm uất-đan-viết.”

**[307]** Trai 齋, thường dịch âm là Bồ-tát 布薩 (Skt. Upavasatha hay upoṣaḍha, Pl.: uposatha).

**[308]** Tính theo tháng 15 ngày. Nếu tính theo tháng 30 ngày thì có tất cả 6 ngày.

**[309]** Quỷ thần 鬼神. Pl.=Skt. bhūta. Về từ nguyên, từ này chỉ cho tất những gì tồn tại, như trong các đại chủng (mahābhūta). Thứ đến, chỉ tất cả những gì có mầm sống, như



cây rỏ, trong từ bhūta-gama mà hán thương dịch là “quỷ thần thôn.” Diễn thêm nữa, nó chỉ các loài chúng sanh, và hạn hẹp hơn, chỉ các loại quỷ thần, các loại u linh.

**[310]** No 23, 12 hạng ở Dục giới: 1. nê-lê 泥犁, 2. cầm thú [03]禽[04]獸, 3. tiết-lê 薛荔, 4. người thế gian 世間人. 5. A-tu-luân 阿須倫. 6 Tứ thiên vương 四天[05]王, 7. Đao-lị 忉利天, Diệm thiên [\*]焰天, 9. Đâu-suất 兜率天, 10 Vô công cao 無貢高天, 11 Tha hóa tự chuyển 他化自轉天, 12. Ma thiên 魔天. No 24, 25: địa ngục 地獄, súc sanh 畜生, ngạ quỷ 餓鬼. người 人. A-tu-la 阿修羅, Tứ thiên vương 四天王天, Tam thập tam 三十三天, Dạ-ma 夜摩天, Đâu-suất-đà 兜率陀天, Hóa lạc 化樂天, Tha hóa tự tại 他化自在天, Ma thân thiên 魔身天等.

**[311]** No 23, Sắc giới, 18 tầng: 1. Phạm-da-di 梵[06]加夷天, Phạm-bất-số-lâu 梵不數樓天, Phạm-ba-lị-sa 梵波利沙天, Đại Phạm 大梵天, A-duy-tỉ 阿維比天, Ba-lị-đáp 波利答天, A-ba-la-na 阿波羅那天, Ba-lị-đa-thủ 波利多首天, A-ba-la 阿波羅天, Ma-thủ-la 摩首天, A-phi-ba-la 阿披波羅天, Duy-a 維阿天, Ba-lị-đa-uy 波利多維天, A-ba-ma-duy-ha 阿波摩維[07]呵

天, Duy-ha 維呵天, Duy-a-bát 維阿鉢天, A-đáp-hòa 阿答和天, Thiện kiến 善見天, Sắc thiên [08] 色天, A-ca-ni-tra 阿迦尼吒天. No 24, 25, Sắc giới có 22 tầng: Phận thân 梵身天, Phạm phụ 梵輔天, Phạm chúng 梵眾天, Đại Phạm 大梵天, Quang thiên 光天, Thiếu quang 少光天, Vô lượng quang 無量光天, Quang âm 光音天, Biển tịnh 淨天, Thiếu tịnh 少淨天, Vô lượng tịnh 無量淨天, Biển tịnh 遍淨天. Quảng thiên 廣天, Thiếu quảng 少廣天, Vô lượng quảng 無量廣天, Quảng quả 廣果天, Vô tưởng 無想天, Vô phiên 無煩天, Vô não 無惱天, Thiện kiến 善見天, Thiện hiện 善現天. A-ca-ni-tra 阿迦膩吒天 .

[312] No 23, bốn Vô sắc giới thiên: Hư không trí 虛空智天, Thức trí 識智天, A-kiệt-nhiên 阿竭然天, Vô tư tưởng diệt hữu tư tưởng 無思想亦有思想天. No 24, 25: Không vô biên 空無邊天, Thức vô biên 識無邊天, Vô sở hữu 無所有天, Phi tướng phi phi tướng 非想非非想天.

[313] Bốn loại chớp: thân quang 身光, ánh sáng của thân; nan hủy 難毀, khó hủy diệt; lưu diễm 流焰, ngọn lửa trôi; định minh 定明, ánh sáng cố định. No 23, phwong Đông, Bách

chủ 百主; phương Nam, Thân vị 身味; phương Tây, A-kiệt-la 阿竭羅; phương Bắc, A-chú-lam 阿祝藍. No 24, No 25: phương Đông, Vô hậu [01]無厚; phương Nam, Thuận lưu 順流; phương Tây, Trụy quang minh 墮光明; phương bắc, Bạch thọ sanh 百生樹.

**[314]** Bản hán, hết quyển 20.

\* 第四分世記經三災品第九

**[315]** Hán: tứ sự 四事 chỉ bốn sự kiện, hay biến cố lớn xảy ra cho thế giới, gọi là bốn đại kiếp 四大劫 (Pl.: cattāro mahākappā): 1. thành kiếp (Pl.: vivaṭṭa-kappa, Skt. vivarta-kalpa), 2. trụ kiếp (Pl.: vivaṭṭatṭhāyin, Skt. vivṛṭṭāvasthā), 3. hoại kiếp (Pl.: saṃvaṭṭa-kappa, Skt. saṃvartna-kalpa), 4. không kiếp (Pl.: saṃvaṭṭathāyin, Skt. saṃvṛṭṭāvasathā).

**[316]** Tam tai 三災 (Skt. tisro saṃvartanyah): 1. hỏa tai 火災 (Skt. tejahsaṃvartanī), 2. thủy tai 水災 (apsaṃvartanī), 3. phong tai 風災 (vāyusaṃvartanī).

**[317]** Quang âm thiên 光音天, cao nhất trong ba tầng trời Nhị thiên; Skt. Ābhāsvara, Pl.: Ābhassara, Huyền Tráng: Cực quang tịnh thiên 極光淨天. No 23: A-vệ-hóa-la thiên 阿衛貨羅天.

**[318]** Biến tịnh thiên 遍淨天, cao nhất trong ba tầng Tam thiên thiên; Skt. Śubhakar̥tsana, Pl.: Subhakiṇṇa.

**[319]** Quả thật thiên 果實天, tầng thứ ba Tứ thiên thiên; Skt. Bṛhatphala, Pl.: Vehapphala; *Câu-xá*: Quảng quả thiên 廣果天.

**[320]** Thiên đạo 天道 (Pl.: deva-yāniyo maggo), Phạm đạo 梵道 (Pl.: Brahma-yāniyo maggo), xem kinh số 24 “Kiên Cố.”

**[321]** *Câu xá luận* 12: “Định sanh hỷ lạc, thậm lạc, thậm tĩnh !” 定生喜樂甚樂甚靜.

**[322]** Hán: đại hắc phong 大黑風; Pl.: mahākāla-vāta.

**[323]** Hán: an nhật đạo trung 安日道中.

**[324]** Quang niệm thiên 光念天, các đoạn trên Hán dịch Quang âm thiên, cho thấy Skt. Ābhāsvara (Pl.: Ābhassara) liên hệ giữa svara: âm thanh, và smara, ký ức.

**[325]** Kiếp hỏa hoàn phục 劫火還復; nội dung, diễn tả chu kỳ thế giới được tái tạo sau tai kiếp của lửa. Pl.: tejo-vivaṭṭana, Skt. tejo-vivartani.

**[326]** Tứ đại phong 四大風: trụ phong 住風, trì phong 持風, bất động 不動, kiên cố 堅固.

**[327]** Tăng già 僧伽. No 23: trụ phong 住風, trợ phong 助風, bất động phong 不[31]動風, kiên phong 堅風. No 24, 25: trụ 住, an trụ 安住, bất trụ 不墮, lao chủ 牢主.

**[328]** Xem phẩm 1: Châu-Diêm-phù-đề.

**[329]** Các bản: Thọ thần đà la 樹辰陀羅; trên kia, Thọ Cự-đà-la 樹巨陀羅. Có lẽ nhầm lẫn tự dạng. Xem cht. 59 phẩm 1 châu Diêm-phù-đề.

**[330]** A-bát-ni-lâu 阿般尼樓, có lẽ trên kia gọi là núi Mã thực 馬食, Skt. Aśvakarṇa. Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đề.

**[331]** Ni (để bản: di)-lân-đà-la 尼(彌)鄰陀羅, trên kia âm là Ni-dân-đà-la 尼民陀羅. Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đề.

**[332]** Tỳ-ni-đà 毗尼陀, ở trên gọi là núi Điều phục 調伏; xem cht. 63, phẩm 1 Châu Diêm-phù-đề.

**[333]** Kim cang luân 金剛輪, ở trên dịch là Kim cang vi 金剛圍. Xem phẩm 1 Châu Diêm-phù-đề.

**[334]** Hỏa tai 火災.

**[335]** Nãi thành vi tai 乃成為災. Trong bản Hán, từ tai 災 và bại 敗 đồng một từ gốc Skt.:

samvartanī. Tham chiếu, *Câu xá 12*: Nãi chí khí tận, tổng danh hoại kiếp 乃至器盡總名壞劫.

[336] Tô du 酥油.

[337] Thủy tai 水災, Skt. apsamvartanī.

[338] Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨; Pl.: upekkhāsāti parisuddhim.

[339] Túc ba đợt hủy diệt (Skt. samvartana), và ba đợt sáng tạo (Skt. vivartana).

[340] Tỳ-ma-chất-đa-la 毗摩質馱羅. No 23: Duy-ma-chất 維摩質. Pl.: Vepacitta, Skt. Vemacitra; xem phẩm 6 A-tu-la trên..

[341] Ngũ phược 五縛; No 23: ngũ hệ五繫: cột cổ, trói hai tay và hai chân.

[342] Thiện pháp giảng đường 善法講堂, Pl.: sudhamma-sālā.

[343] Thất diệp giảng đường 七葉講堂, Pl.: Sattapatta-sālā, hay Cittapāṭali ?

[344] Hán: ngô ngã nhân 吾我人.

[345] Để bản: ái ngã 愛我. TNM: thọ ngã 受我;

[346] Bản Hán chỉ nói: hữu sắc vi phược Để bản: ái ngã 愛我. 為縛; theo nội dung, đây thêm 'tự ngã' cho rõ. Các mệnh đề tiếp theo cũng thế.

**[347]** Vô ngã hành 無我行, Pl.: anatta-samkhāra.

**[348]** Hữu 有 (Pl.: bhava), đây chỉ 1 chi trong 12 chi duyên khởi.

**[349]** Cựu thiên 舊天, một danh hiệu khác chỉ A-tu-la, vì nguyên trước là Chư Thiên Đao-lợi; Pl.: Pubbadevā.

**[350]** Thiêm-bà-la 睽婆羅. No 23: Cư-tra-xa-ma-lê 居吒奢摩梨. có con Kim sí điều vương ở trên đó đang đẻ trứng.

**[351]** No 23: chúng nghĩ, chắc Đế Thích có phục binh nên tháo lui.

**[352]** Tối thắng 最勝堂, Pl.: Vejayanta-pāsāda.

**[353]** Nguyên hán: giao lộ đài 交露臺. Các đoạn trên kia đều dịch là “la võng”.

**[354]** Chùy Đũa A-tu-la 捶打. Vua A-tu-la huy động Duy-ma-chất 維摩質, Xá-ma-lê 舍摩利, Mãn-do 滿由 và Kì-la 祇羅 chiến đấu. No 24, 25: A-tu-la vương La-hầu-la 羅睺羅 huy động Tỳ-ma-chất-đa-la 鞞摩質多羅, Dũng Dực 踊躍 và Huyền Hóa 幻化.

**[355]** Xá-ma-lê A-tu-la 舍摩犁, Pl.: Sambara (?) Xem cht.3254 trên.

**[356]** Tỳ-ma-chất-đa A-tu-la 毗摩質多. Xem cht. 354 trên.

**[357]** Già-lâu-la 伽樓羅; Skt. Karoṭapāṇi. Xem châu Diêm-phù-đề. N0 23, các lớp phong thủ của trời Đao-li chống lại A-tu-la: Long vương 龍, quỷ thần Câu-đế 拘蹄, Trì Hoa 持華, Thái-đà-mạt 蔡陀末, và Tứ thiên vương. Các lớp theo No 24, 25: rồng, địa cư Dạ-xoa 地居夜叉, Bát thủ dạ-xoa 鉢手夜叉 (No 25: Bát túc 鉢足), Trì man dạ xoa 持鬘夜叉, Thường túy dạ-xoa 常醉夜叉, Tứ thiên vương.

**[358]** Trì Hoa 持華, trên kia dịch là Trì Man 持鬘; Skt. Mālādhara. Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đề. Xem thêm cht. 357.

**[359]** Thường Lạc 常樂, trên kia dịch là Hỷ Lạc 喜樂; Skt. Sadāmatta. Xem phẩm châu Diêm-phù-đề. Xem thêm cht. 357.

**[360]** No 24, 25: Ma-na-bà 摩那婆.

**[361]** Diệu Tượng 妙匠. Có lẽ là Tỳ-thủ-kiết-ma, tức Pl.: Vissakamma, kiến trúc sư trưởng của Đế Thích.

**[362]** Thiện Trụ long vương 善住龍王.



**[363]** Bản hán, hết quyển 21.

\* 第四分世記經三中劫品第十一

**[364]** Trung kiếp 中劫, Skt. antarakalpa, kiếp trung gian; nhưng đổi lại với mahākālpa, đại kiếp 大劫, nên cũng thường gọi là tiểu kiếp 小劫.

**[365]** Đao binh 刀兵, cốc quý 穀貴, tật dịch 疾疫. Tham chiếu, *Câu xá* 12: ba tiểu tam tai trung kiếp: đao binh, tật dịch, cơ cấn. (Skt. kalpasya śastrarogābhyāṃ durbhikṣeṇa nirgamah).

**[366]** Đao binh kiếp 刀兵劫, Skt. śastra-kalpa., Pl.: sattha-kappa.

**[367]** Xem kinh 6 “Chuyển luân vương tu hành”.

**[368]** Tô du 酥油 (Skt., Pl.: navanīta), mật 蜜 (madhu), thạch mật 石蜜 (Pl.: madhu-phāṇita), hắc thạch mật 黑石蜜 (kāḷamadhuphāṇita, kāḷa-loṇa ?).

**[369]** Hán: đề bại 稗稗, chỉ loại cỏ có hạt nhỏ như hạt lúa.

**[370]** Hán: cẩm 錦, lăng 綾, tắng 縉, quyển 絹.

**[371]** Kiếp-bôi 劫貝, Pl.: kappāsa, Skt. karpāsa, vải bông (gòn).

**[372]** Sô-ma 芻麻; Pl.: khoma; Skt. kṣauma, vải gai.

**[373]** Cơ ngạ kiếp 饑餓劫, Skt. durbhikṣa-kalpa, Pl.: dubbhikha-kappa; ở trên gọi là cốc quý kiếp.

**[374]** Cơ ngạ; định nghĩa từ đồng nghĩa của Skt. durbhikṣa (Pl.: dubbhikkha); Kośa-kārikā iii. 99: cañcu (sự mổ bằng mỏ chim), Chân Đế: chiêm giá lương 旃遮糧, Huyền Tráng: tụ tập 聚集; *Câu xá* 12: thời kỳ đói kém cũng được gọi là tư tập, vì con người bảy giờ cực đói, thân chết gom thành đống; cũng vì người sau, người ta cất các thứ hạt giống trong những cái giỏ.

**[375]** Bạch cốt cơ ngạ 白骨餓; *Câu xá* ibid. (Skt. śvetāsthi, Pl.: setaṭṭhika).

**[376]** Thảo mộc cơ ngạ 草木飢餓; (Skt.śalākāvṛtti); Huyền Tráng: vận trù 運籌, Chân Đế: trù lương 籌糧.

**[377]** Tật dịch kiếp 疾疫劫, Skt. roga-kalpa, rogābhyā; Pl.: roga-kappa.

\* 佛說長阿含第四分世記經世本緣品第十二

**[378]** Tham chiếu, kinh số 4, “Tiểu duyên”.

**[379]** Không Phạm xứ 空梵處, Pl.: suñña Brahma-vimāna.

**[380]** Các chỗ khác, bản dịch Hán gọi là Phạm  
Đồng tử 梵童子, Pl.: Saṅgumāra, Thường  
Đồng hình 常童形

**[381]** Hán: hoàn thành 還成, Skt. Vivartnana,  
Pl.: vivartana.

**[382]** Tự nhiên hóa sanh 自然化生. Pl.:  
manomāya. Được sáng tạo do ý.

**[383]** Hán: hoan hỉ vi thực 歡喜為食, Pl.:  
pītibhakkha, ăn bằng hỷ.

**[384]** Hán: thân quang tự chiếu 身光自照, Pl.:  
sayampabhā.

**[385]** Địa vị 地味, Pl.: rasa-paṭhavi.

**[386]** Đê hồ 醍醐, Pl.: sappi-maṇḍa.

**[387]** Sanh tô 生酥, Pl.: navanīta.

**[388]** Đoàn thực 搏食, giải thích ngữ nguyên  
của ý niệm thực phẩm vật chất.

**[389]** Hán: tạc nhật 昨日.

**[390]** Từ nguyên của từ nội hàm hôm nay: a-  
dya (Pl.: ajja).

**[391]** Định nghĩa từ Skt. divasa, ngày, Hán:  
nhật 日; theo ngữ nguyên, do động từ căn:  
div, chiếu sáng.

**[392]** Hán: trú thường độ 住常度; cùng định nghĩa với mặt trăng. Xem đoạn sau.

**[393]** Cung điện 宮殿; cùng định nghĩa với mặt trăng, xem đoạn sau.

**[394]** Đẽ bản: tử bá 梓柏. TNM: vi thác 葦籜.

**[395]** Ngũ phong 五風: trì phong 持風, dưỡng phong 養風, thọ phong 受風, chuyển phong 轉風, điều phong 調風.

**[396]** Hán: tiệp tạt 捷疾; liên hệ ngũ nguyên: sūrya (do SVAR) và jvala.

**[397]** Thiên Quang 千光, Skt. Sahasrakirraṇa.

**[398]** Niệm khoảnh 念頃, Skt. kṣaṇa, Pl.: khaṇa. Nhưng, *Câu xá 12*: 120 kṣaṇa (sát-na) là một tatkṣaṇa (Huyền Tráng: đất sát-na 怛剎那); 60 tatkṣaṇa là 1 lava (Huyền Tráng: lạp phược 臘縛). Xem cht. tiếp theo.

**[399]** La-da 羅耶, Huyền Tráng: lạp phược 臘縛, Skt. lava.

**[400]** Ma-hâu-đa 摩喉多, Huyền Tráng: mâu-hô-lật-đa 牟呼栗多; Skt. muhūrta.

**[401]** Ưu-ba-ma 優波摩, Huyền Tráng: trú dạ 晝夜, ahorātra.

**[402]** Khu-đà-la sơn, xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê, cht. 55. 57.

**[403]** Y-sa-đà sơn, xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê.

**[404]** Thọ đề đà la 樹提陀羅, ở trên là Thọ cự-đà-la 樹巨陀羅. Có lẽ do nhầm tự dạng.

**[405]** Thiện kiến sơn xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê, cht. 60.

**[406]** Mã tự sơn 馬祀山, ở trên là Mã thực sơn, xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê.

**[407]** Ni-di-đà-la 尼彌陀羅, ở trên là Ni-dân-đà-la; xem phẩm 1 châu Diêm phù đề.

**[408]** Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê.

**[409]** Xem phẩm 1 châu Diêm-phù-đê.

**[410]** TNM: “giữa núi Kim cang luân và Diêm-phù-đê địa có nước, khi ánh sáng mặt trời chạm đến...”

**[411]** Để bản: tổn chất 損質; TNM: viên chất 圓質.

**[412]** Tổn 損; định nghĩa indu (mặt trăng) theo ngữ nguyên là ūna ?

**[413]** Hán: tử bá 梓柏; xem cht. 394.

**[414]** Để bản: dị hệ 異系; TNM: dị kế 異繼.

**[415]** Tiệp tạt 捷疾. Xem cht. 396.

**[416]** Thiên quang 千光; xem cht. 397.

**[417]** Thiện nghiệp thiên quang 善業千光.

**[418]** Xem các cht. 398 - 401.

**[419]** Diêm-phù-đề 閻浮提, Skt.Jambudvipa, Pl.: Jambudipa. TNM: Diêm-phù-địa 閻浮地.

**[420]** Diêm-phù-thọ 閻浮樹, Skt., Pl.: jambu, tên loại cây lớn ở Ấn độ, tên khoa học: Eugenia jambolana.

**[421]** Diêm-phù kim, nói đủ: diêm-phù-đàn kim 閻浮檀金 (Skt., jambonada-suvarna; Pl.: jambonada-suvaṇṇa), thứ vàng xuất xứ từ cát của con sông chảy qua rừng cây jambu.

**[422]** Tầm 葦; TNM: đan 簞.

**[423]** Cô 孤; TNM: 觚.

**[424]** Bảy nước: 1. Câu-lâu 拘樓, 2. Câu-la-bà 拘羅婆, 3. Tỳ-đề 毗提, 4. Thiện-tỳ-đề 善毗提, 5. Mạn-đà 漫陀, 6. Bà-la 婆羅, 7. Bà-lê 婆梨.

**[425]** Hải trùng 海蟲, loài sâu biển (?).

**[426]** Bảy Hắc sơn 黑山: 1. Lỏa thổ 裸土, 2. Bạch hạc 白鶴, 3. Thủ cung 守宮, 4. Tiên sơn 仙山. 5. Cao sơn 高山, 6. Thiên sơn 禪山, 7. Thổ sơn 土山.

**[427]** Thất tiên nhân trú xứ 七仙人住處: 1. Thiện đế 善帝, 2. Thiện quang 善光, 3. Thủ cung 守宮, 4. Tiên nhân 仙人, 5. Hộ cung 護宮, 6. Già-na-na 伽那那, 7. Tăng ích 增益.

**[428]** Từ đây trở xuống, xem kinh số 5 “Tiểu duyên.”

**[429]** Kiếp sơ 劫初, thời kỳ nguyên thủy. Pl.: aggañña; Skt. kalpāgra.

**[430]** Hán: địa bì 地皮, Ở trên, kinh số 5 “Tiểu duyên”: địa phì 地肥. Huyền Tráng: địa bì bính 地皮餅; Chân Đế: địa bì càn 地皮乾. Pl.: bhūmipappaṭaka; Skt. pṛthivīparpaṭaka. Xem cht. 17, kinh số 5 “Tiểu duyên.”

**[431]** Hán: địa phu 地膚; Huyền Tráng, Chân Đế: lâm đằng 林藤, dây leo rừng. Pl.: badālatā; Skt. vanalatā.

**[432]** Thiên hoa 天華.

**[433]** Hán: canh mễ 粳米. Huyền tráng: hương đạo 香稻; Chân Đế: xá-lị (lợi) 舍利; Skt. śāli, Pl.: śāli. Xem cht. 18, kinh số 5 “Tiểu duyên.”

**[434]** Hán: kang khoái 糠糲. Pl.: kaṇa-thusa.

**[435]** Hán: đọa 墮; Pl.: patti, nghĩa đen: té, đọa lạc; chuyển thành nghĩa: tội lỗi.

**[436]** Hán: phu chủ bất thiện 夫主不善. Định nghĩa danh từ chồng (Hán: phu chủ). Pl.: pati (người chồng), coi như đồng âm với patti, do gốc động từ PAD: rơi, té, đọa lạc.

**[437]** Nguồn gốc của danh từ vợ; bhariyā (vợ), do động từ bharati: mang cho.

**[438]** Nguồn gốc của từ Pl.: gaha (nhà), do gūhati: che dấu.

**[439]** Hán: xử thai 處胎; Pl.: gabba.

**[440]** Các thành: Chiêm-bà 瞻婆, Pl.: Campā; Già-thi 伽尸, Pl.: Kāsi; Bà-la-nại 婆羅奈, Pl.: Bārāṇasī; Vương xá 王舍, Pl.: Rājagaha.

**[441]** Có lẽ xác định ngữ nguyên của *nagara*, thành trì hay đô thị, là do *naga*: mặt trời.

**[442]** Bình đẳng chủ 平等主.

**[443]** Xem kinh số 5 “Tiểu duyên”: bắt đầu có danh từ vương 王, Pl.: rāja.

**[444]** Phả hệ dòng vua đầu tiên: Dân Chủ 民主, Trân Bảo 珍寶, Hảo Vị 好味, Tĩnh Trai 靜齋, Đảnh Sanh 頂生, Thiện Hành 善行, Trạch Hành 宅行. Diệu Vị 妙味, Vị Đế 味帝, Thủy Tiên 水仙, Bách Trí 百智, Thị Dục 嗜欲, Thiện Dục 善欲, Đoạn Kết 斷結, Đại Đoạn Kết 大斷結, Bảo Tàng 寶藏, Đại Bảo Tàng 大寶藏, Thiện Kiến 善見, Đại Thiện Kiến 大善見, Vô Ưu 無優, Châu Chử 洲渚, Thực



**Sanh 殖生, Nhạc Sơn 岳山, Thần Thiên 神天, Khiển Lực 遣力, Lao Xa 牢車, Thập Xa 十車, Bách Xa 百車, Lao Cung 牢弓, Bách Cung 百弓, Dưỡng Mục 養牧, Thiện Tư 善思.**

**[445] Thanh Ma vương, xem kinh số 20: “A-ma-trú.”.**

**[446] Bạch Tịnh vương 白淨王, hoặc dịch là Tịnh Phạn vương 淨飯王, Pl.: Suddhodāna, vua nước Ca-tỳ-la-vệ (Pl.: Kapilavatthu), phụ vương của đức Thích Tôn.**

**[447] Chỉ đức Thích Tôn.**

**[448] Ngũ nguyên của từ sát-lị, xem kinh số 5 “Tiểu duyên.”**

**[449] Ngũ nguyên của từ Bà-la-môn, kinh số 5 “Tiểu duyên.”**

**[450] Vô thiên Bà-la-môn 無禪婆羅門, kinh Tiểu duyên: Bất thiên Bà-la-môn; xem kinh số 5 “Tiểu duyên.”**

**[451] Hán: độc 毒.**

**[452] Bản hán, hết quyển 22.**